

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM**



<b>Đơn vị cổ phần hóa:</b>	<b>Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam</b>
<b>Trụ sở chính:</b>	<b>243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội</b>
<b>Trụ sở tạm thời:</b>	<b>Tầng 6 tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội</b>
<b>Điện thoại:</b>	<b>(84-4) 37667463                      Fax: (84-4) 37667464</b>
<b>Đại diện theo pháp luật:</b>	<b>Ông Đặng Kim Khôi – Tổng giám đốc</b>

## Mục lục

Thuật ngữ và viết tắt	5
<b>PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>6</b>
1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa	6
2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	7
3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa	8
4. Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014	9
5. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	9
6. Đơn vị tư vấn cổ phần hóa	10
<b>PHẦN II THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>11</b>
<b>I. THỰC TRẠNG CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>11</b>
1. Tóm lược chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	11
1.1. Thông tin cơ bản về VNCC	11
1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	12
1.3. Lịch sử hình thành phát triển	13
1.4. Cơ cấu tổ chức của VNCC trước cổ phần hóa	14
1.5. Hiện trạng lao động của Tổng công ty	23
1.6. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành tư vấn xây dựng	24
1.6.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành	24
1.6.2. Triển vọng phát triển của ngành xây dựng và tư vấn xây dựng	26
1.6.3. Phân tích các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp	27
1.7. Danh sách các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính	29
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa (2012-2014)	30
2.1. Đánh giá tổng quát	30
2.2. Những thuận lợi, khó khăn và cơ hội của Tổng công ty	31
2.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ba năm trước cổ phần hóa	32
2.3.1. Hoạt động kinh doanh chính	32
2.3.2. Chi phí sản xuất	45
2.3.3. Trình độ công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm mới	45
2.3.4. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ	45
2.3.5. Hoạt động marketing	46
2.3.6. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	46
2.3.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện	46
2.4. Tình hình tài chính Công ty mẹ - VNCC 03 năm trước cổ phần hóa	54
2.4.1. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động	55
2.4.2. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	56
2.4.3. Khả năng sinh lời	58
2.4.4. Khả năng hoạt động	58
2.4.5. Cơ cấu nguồn vốn- Tài sản Công ty mẹ VNCC	59
2.4.6. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	60
2.4.7. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2012-2014	61
2.4.8. Hoạt động đầu tư phát triển	61
2.4.9. Công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp	61
<b>II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ</b>	<b>63</b>
1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN	63
2. Hiện trạng sử dụng đất của Tổng công ty	65
<b>PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>66</b>

<b>I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>66</b>
1. Mục tiêu cổ phần hóa	66
2. Yêu cầu cổ phần hóa	66
3. Hình thức cổ phần hóa	66
4. Thông tin chung của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	67
4.1. Thông tin doanh nghiệp	67
4.2. Hình thức pháp lý	67
4.3. Ngành nghề kinh doanh	67
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	69
5.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ	69
5.2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	70
6. Phương thức phát hành cổ phần	70
6.1. Bán đấu giá công khai	70
6.1.1. Quy mô chào bán	70
6.1.2. Phương pháp chào bán và cơ quan thực hiện chào bán cổ phần	71
6.1.3. Xác định giá khởi điểm	71
6.1.4. Lộ trình thực hiện	71
6.2. Chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược	73
6.2.1. Quy mô chào bán	73
6.2.2. Mục tiêu chào bán	73
6.2.3. Tiêu chí lựa chọn	74
Cổ đông chiến lược phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chí sau đây:	74
6.2.4. Xác định giá chào bán	75
6.3. Chào bán ưu đãi cho Người lao động	75
6.3.1. Mục tiêu chào bán	75
6.3.2. Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần và Quy mô chào bán	76
7. Xử lý cổ phần không bán hết	78
8. Chi phí cổ phần hóa	79
9. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành	80
<b>II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>81</b>
1. Phương án tổ chức và quản lý điều hành sau cổ phần hóa	81
2. Phương án đào tạo và sắp xếp lại lao động	84
2.1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động	84
2.2. Kế hoạch xử lý lao động thôi việc, mất việc	87
2.3. Chính sách tuyển dụng và đào tạo	87
3. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	88
4. Phương án kinh doanh sau cổ phần hóa	90
4.1. Chiến lược phát triển	90
4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và giải pháp thực hiện	91
5. Dự thảo điều lệ Công ty cổ phần	94
6. Nhận diện và phân loại rủi ro	94
6.1. Rủi ro về cân đối dòng tiền	94
6.2. Rủi ro về chi phí vốn	95
6.3. Rủi ro về sức mua của thị trường	95
6.4. Rủi ro về tỷ giá hối đoái	95
6.5. Rủi ro về khả năng tái đầu tư	95
6.6. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu	96
6.7. Các rủi ro khác	96
<b>PHẦN IV: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>96</b>

<b>PHỤ LỤC</b>	<b>98</b>
Phụ lục 1: Dự thảo Điều lệ CTCP	98
Phụ lục 2: Quyết định về giá trị doanh nghiệp	98
Phụ lục 3: Xác định giá khởi điểm	98
Phụ lục 4: Tính toán giá trị lợi thế kinh doanh của VNCC sau khi cổ phần hóa	98
Phụ lục 5: Tài liệu pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	98
Phụ lục 6: Danh sách lao động được mua cổ phần	98
Phụ lục 7: Phương án lao động	98
Phụ lục 8: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014	98
Phụ lục 9: Tài liệu liên quan khác	<u>98</u>

**Thuật ngữ và viết tắt**

BCTC	: Báo cáo tài chính
Ban chỉ đạo/BCĐ	: Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam
BXD	: Bộ Xây dựng
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam
CTCP	: Công ty cổ phần
CP	: Cổ phần
CPH	: Cổ phần hóa
CSH	: Chủ sở hữu
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CNQSDĐ	: Chứng nhận quyền sử dụng đất
HĐTV	: Hội đồng thành viên
IPO	: Đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
UBND	: Ủy ban nhân dân
VCSC	: Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Tổng công ty	: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC)
INCOSAF	: CTCP Kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng
USCO	: CTCP Khảo sát và xây dựng
NAGECCO	: CTCP Tư vấn xây dựng Tổng hợp
CCBM	: CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng
CDC	: CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam
CIC	: CTCP Tin học và tư vấn xây dựng
VCC	: CTCP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam
VIWASE	: CTCP Tư vấn nước và môi trường Việt Nam
CONINCO	: CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng

## PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA

### 1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 59);

Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 (Nghị định 189);

Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2010 (Nghị định 91);

Văn bản số 283/TTg-ĐMDN ngày 05/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc Bộ Xây dựng;

Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 127);

Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (Thông tư 196);

Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 33);

Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Thông tư 38);

Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước (Quyết định 51);

Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước (Quyết định 37);

Văn bản số 1101/BXD-QLDN ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng;

Quyết định số 987/QĐ-BXD ngày 04/08/2014 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam;

Quyết định số 1175/QĐ-BCĐ ngày 23/09/2014 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam; Quyết định số 1365/QĐ-BXD ngày 14/11/2014 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Kế hoạch cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam; Văn bản số 3100/BXD-QLDN ngày 28/11/2014 của Bộ Xây dựng về việc duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa và lựa chọn tổ chức tư vấn cổ phần hóa Công ty mẹ- Tổng công ty VNCC;

Quyết định 416/QĐ-BXD ngày 14/4/2015 của Bộ Xây dựng Bổ sung thành viên các Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty: Vật liệu xây dựng số 1, Xây dựng số 1, Lắp máy Việt Nam, Cơ khí xây dựng, Công nghiệp xi măng Việt Nam, Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Sông Đà, Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam, Tư vấn xây dựng Việt Nam;

Quyết định 728/QĐ-BXD ngày 23/6/2015 của Bộ Xây dựng thay đổi thành viên các Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty: Cơ khí xây dựng, Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Tư vấn xây dựng Việt Nam;

Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/08/2015 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015;

Nghị quyết số 102/NQ-VNCC ngày 10/9/2015 về việc Hội nghị công nhân viên chức thông qua Phương án cổ phần hóa Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam;

Văn bản số 15/BXD-QLDN ngày 02/11/2015 v/v tỷ lệ vốn nhà nước tại VNCC của Bộ Xây dựng;

Hợp đồng dịch vụ số 13/2015/HĐ-TVHN.VCSC (Số 46/TVXD/VNCC/2015) ngày 08/04/2015 giữa Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

## 2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 987/QĐ-BXD ngày 04/08/2014 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 728/QĐ-BXD ngày 23/6/2015 của Bộ Xây dựng thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo.

**Bảng 1: Danh sách thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Bùi Phạm Khánh	Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Trưởng ban

2	Ông Đặng Văn Long	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính Bộ Xây dựng - Phó trưởng ban
3	Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Phó trưởng ban
4	Ông Đặng Kim Khôi	Tổng Giám đốc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên Hội đồng thành viên - Chủ tịch công đoàn cơ quan Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Thành viên
6	Ông Hà Mạnh Hoạt	Phó Vụ Trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng - Thành viên
7	Ông Lê Đông Thành	Phó vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính Bộ Xây dựng - Thành viên
8	Bà Dương Thị Minh	Phó trưởng phòng Nghiệp vụ 2, Cục Tài chính Doanh nghiệp Bộ Tài chính - Thành viên
9	Ông Đậu Minh Thanh	Vụ trưởng Vụ quản lý doanh nghiệp Bộ Xây dựng - Thành viên

### 3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1175/QĐ-BCĐ ngày 23/09/2014 của Bộ Xây dựng gồm các thành viên sau:

**Bảng 2: Danh sách Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa VNCC - Tổ trưởng
2	Ông Đặng Kim Khôi	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa VNCC - Tổ phó

3	Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên Hội đồng thành viên , Chủ tịch Công đoàn VNCC, thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa VNCC – Tổ phó
4	Ông Thân Hồng Linh	Thành viên Hội đồng thành viên - Phó Tổng giám đốc VNCC - Thành viên
5	Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng giám đốc VNCC - Thành viên
6	Bà Cung Lan Khanh	Tổ trưởng Kiểm soát viên VNCC - Thành viên
7	Ông Phạm Vũ Thành	Phụ trách phòng TCKT VNCC - Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang	Kiểm soát viên VNCC - Thành viên
9	Ông Nguyễn Bá Minh	Trưởng phòng KHĐT - VNCC - Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiệp	Trưởng phòng Tổ chức và Phát triển nguồn nhân lực VNCC - Thành viên
11	Bà Đỗ Ngọc Liên	Chánh văn phòng VNCC - Thành viên

#### 4. Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014

Tên công ty: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà HL, 82 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3.7557446

Fax: (84.4) 4. 7557448

Website: uhyaca.vn

Trách nhiệm: Cung cấp các dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính

#### 5. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Tên công ty: Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM

Địa chỉ: 17 lô 2C khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84. 4) 3.7832121

Fax: (84. 4) 3.7832122

Website: cpavietnam.vn

Trách nhiệm: Cung cấp các dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

## 6. Đơn vị tư vấn cổ phần hóa

Tên công ty: Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

*Trụ sở chính:*

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (+84) 8 3914 3588

Fax: (+84) 8 3914 3209

*Chi nhánh Hà Nội:*

Địa chỉ: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 4 6262 6999

Fax: (+84) 4 6278 2688

Website: [vcsc.com.vn](http://vcsc.com.vn)

Trách nhiệm: Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa, chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, và tư vấn tổ chức đại hội cổ đông lần đầu.

## PHẦN II THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### I. THỰC TRẠNG CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### 1. Tóm lược chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

##### 1.1. Thông tin cơ bản về VNCC

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANTS
- Tên viết tắt: VNCC
- Trụ sở chính: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 37667463      Fax: (84-4) 37667464
- Website: [www.vncc.vn](http://www.vncc.vn)
- Logo:



- Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.
- Giấy CNĐKDN số 0106000814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/03/2014.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 31/12/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/03/2014: 310.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ được Bộ Xây dựng xác định lại và Bộ Tài chính thống nhất tại thời điểm 01/01/2010 là : 234.890.826.464 đồng (\*).

(\*): Căn cứ văn bản số 2173/BXD-KHTC ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng; Văn bản số 15661/BTC-TCDN ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính; Văn bản số 1895/KHĐT-ĐKKD2 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội gửi Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xác định lại vốn điều lệ của VNCC tại thời điểm chuyển đổi mô hình sang công ty TNHH một thành viên, ý kiến của các bên như sau:

- Bộ Xây dựng: xác định lại vốn điều lệ của VNCC tại thời điểm chuyển sang mô hình công ty TNHH một thành viên là 234.890.826.464 đồng (Vốn điều lệ ban đầu là 310.000.000.000 đồng, bao gồm vốn chủ sở hữu 234.890.826.464 đồng và lợi ích của cổ đông thiểu số là 74.749.625.692 đồng).

- Bộ Tài chính: thống nhất việc xác định lại vốn điều lệ của VNCC theo ý kiến của Bộ Xây dựng là phù hợp với các quy định tại Thông tư số 79/2010/TT-BTC.

## 1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106000814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/03/2014, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam là:

- Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau:
  - Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
  - Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
  - Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
  - Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;
  - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, cảng và cầu cảng;
  - Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
  - Tư vấn thiết kế phòng chống mối cho các công trình xây dựng;
  - Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, Bưu chính viễn thông;
  - Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
  - Tư vấn, thiết kế các công trình văn hóa, thể thao;
  - Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
  - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
  - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
  - Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;

- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;
- Xử lý nền móng các loại công trình;
- Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Khai thác nước ngầm;
- Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;

### **1.3. Lịch sử hình thành phát triển**

#### **1.3.1. Lịch sử hình thành phát triển**

- Thành lập tháng 4 năm 1955, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam đã là đơn vị nòng cốt trong khảo sát, thiết kế công trình, dự án quan trọng của Quốc gia với các tên gọi khác nhau qua các thời kỳ: Cục Thiết kế Dân dụng, Viện Thiết kế Kiến trúc, Viện Thiết kế Dân dụng, Viện Xây dựng Đô thị và Nông thôn, Viện Thiết kế nhà ở và công trình công cộng, Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam.
- Ngày 21/7/2006, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra Quyết định số 1061/QĐ-BXD thành lập lại Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, trên cơ sở sắp xếp tổ chức lại các đơn vị tư vấn trực thuộc Bộ Xây dựng, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con trong đó có: Công ty mẹ và 08 Công ty thành viên. Năm 2008, tổ hợp gồm Công ty mẹ và 09 công ty thành viên.
- Đến năm 2010, Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

#### **1.3.2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập**

- Ngày 06 tháng 4 năm 1955, Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra Quyết định số 506/TTG, thành lập Nha Kiến trúc, trong đó phòng Thiết kế trực thuộc Nha kiến trúc được ghi nhận là tiền thân của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam. Ngày 21/7/2006 theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày

24/11/2006 của Bộ Xây dựng, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam chính thức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng, trực thuộc Bộ Xây dựng. Trong đó, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam là công ty mẹ và 9 công ty thành viên là các công ty tư vấn thiết kế thuộc Bộ Xây dựng;

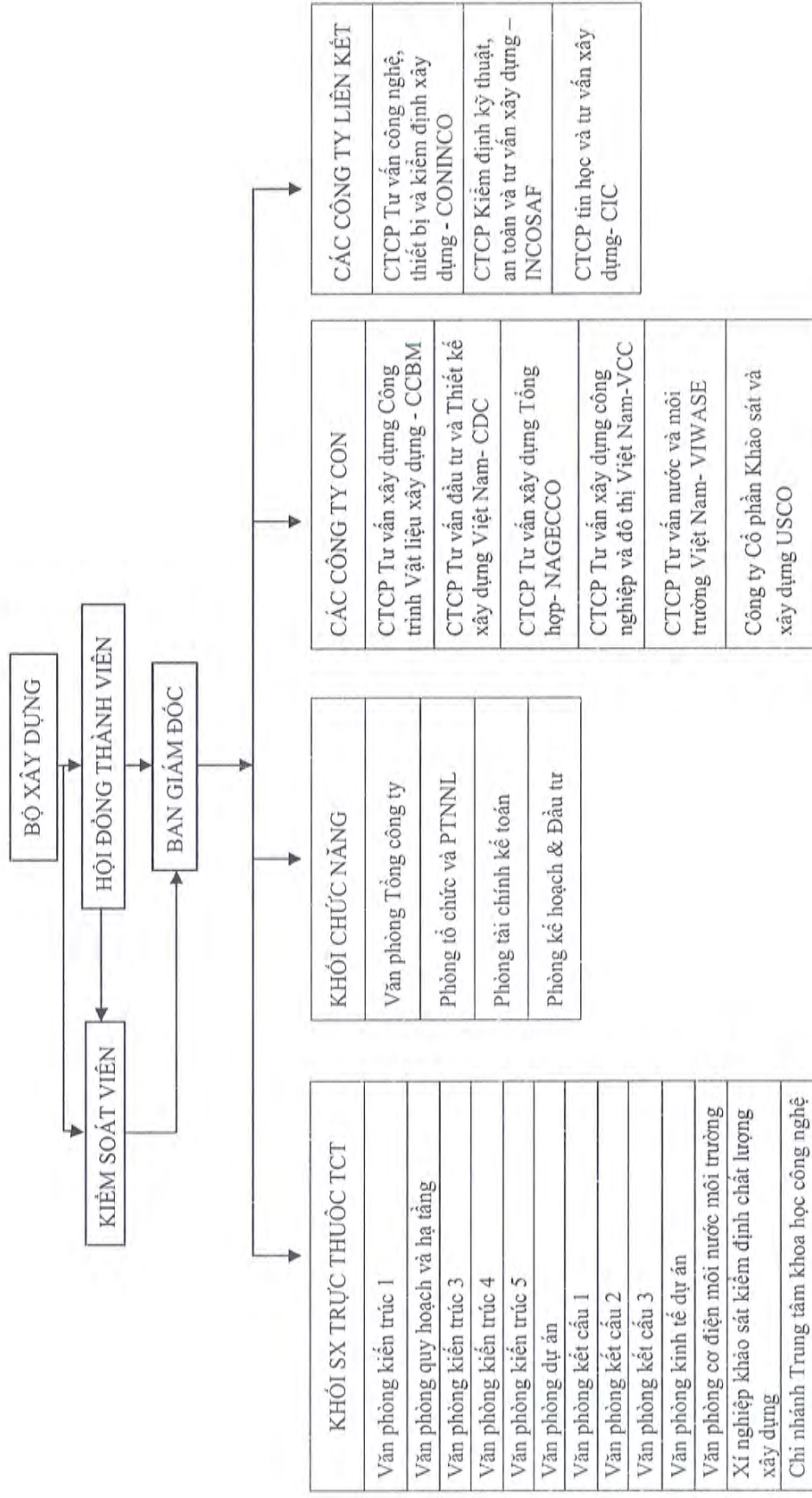
- Ngày 22/07/2010, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 744/QĐ-BXD chuyển công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/03/2014.

#### **1.4. Cơ cấu tổ chức của VNCC trước cổ phần hóa**

Tổng công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành trước cổ phần hóa như sau:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Kiểm soát viên;
- c) Tổng giám đốc;
- d) Các Phó Tổng giám đốc;
- e) Bộ máy tham mưu giúp việc: gồm 04 phòng chức năng;
- g) Các đơn vị sản xuất trực thuộc: Văn phòng kiến trúc 1, 3, 4, 5; Văn phòng kết cấu 1, 2, 3; Văn phòng dự án, Văn phòng quy hoạch và hạ tầng, Văn phòng kinh tế dự án, Văn phòng cơ điện nước môi trường, Xí nghiệp khảo sát kiểm định chất lượng xây dựng, Chi nhánh Trung tâm khoa học công nghệ xây dựng và môi trường, Chi nhánh Tư vấn giám sát và quản lý dự án, Chi nhánh VNCC tại thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh - Trung tâm Tư vấn xây dựng VNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- h) Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn thanh niên Tổng công ty.
- i) 06 Công ty con.
- k) 03 Công ty liên kết.

**Bảng 3: Cơ cấu tổ chức của VNCC trước cổ phần hóa**



**a. Hội đồng thành viên*****Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên Tổng công ty***

Hội đồng thành viên là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Tổng công ty; tại các công ty mà Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

***Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên Tổng công ty***

- Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm của Tổng công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt.
- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty và gửi quyết định đến Bộ Xây dựng để tổng hợp, giám sát.
- Đề nghị Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty sau khi có ý kiến Bộ Xây dựng.
- Đề nghị Bộ Xây dựng điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Tổng công ty.
- Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Bộ Xây dựng phê duyệt chủ trương.
- Quyết định hoặc ủy quyền Tổng giám đốc quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của Tổng công ty, nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.
- Đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Bộ Xây dựng phê duyệt chủ trương.
- Quy định các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

- Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Bộ Xây dựng chấp thuận.
- Quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm.
- Trình Bộ Xây dựng phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng của viên chức quản lý Tổng công ty; xin ý kiến Bộ Xây dựng về Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý Tổng công ty.
- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Tổng công ty.
- Cử, điều động, luân chuyển, thay thế, chấm dứt Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.
- Thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tổng thể.
- Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.
- Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; có cổ phần, vốn góp chi phối thông qua việc sử dụng quyền chi phối của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này.
- Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên.
- Quyết định hoặc ủy quyền Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% vốn Điều lệ của Tổng công ty nhưng không vượt quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng và theo phân cấp tại Quy chế tài chính của Tổng công ty.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**b. Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên có chức năng nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu Tổng công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan;
- Trình Chủ sở hữu Tổng công ty báo cáo thẩm định.
- Kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tổng công ty đầu tư và doanh nghiệp nhằm bảo toàn, phát triển vốn, phát triển thương hiệu và kinh doanh có hiệu quả nhất.

### ***c. Tổng giám đốc***

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; tổ chức điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo các mục tiêu, kế hoạch và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên. Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và quy định khác của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển Tổng công ty; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do Tổng công ty kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tổng công ty; chuẩn bị các dự án đầu tư, các đề án tổ chức, quản lý; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá, tiền lương.
- Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán tài sản của Tổng công ty theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Tổng công ty được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Tổ chức điều hành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tổng công ty; công tác kiểm toán, thanh tra, bảo vệ, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và chủ sở hữu; điều hành hoạt động của Tổng công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng thành viên.
- Ký kết các hợp đồng của Tổng công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị

quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên. Báo cáo Hội đồng thành viên về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, các Kiểm soát viên, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

**d. Chức năng nhiệm vụ các phòng chức năng Tổng công ty**

❖ Văn phòng Tổng công ty

Văn phòng là bộ phận giao dịch thường trực của Tổng công ty, có chức năng tham mưu cho Hội đồng thành viên và Ban điều hành Tổng công ty trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành các lĩnh vực công tác như sau: Giao dịch đối nội, đối ngoại của Tổng công ty. Quản lý công tác văn thư, lưu trữ, tin học. Quản lý công tác hành chính, quản trị, công tác thi đua khen thưởng. Quản lý công tác y tế, chăm sóc sức khỏe của CBCNV Tổng công ty. Quản lý công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ trật tự trị an chung tại Tổng công ty.

❖ Phòng Tổ chức và phát triển nguồn nhân lực

Tham mưu cho Hội đồng thành viên, Ban điều hành Tổng công ty thực hiện chức năng quản lý trong các lĩnh vực: Công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch sắp xếp, đổi mới tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; Công tác tổ chức, công tác cán bộ; Công tác tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động; Công tác đào tạo, tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực; Công tác xuất nhập cảnh, xuất khẩu lao động; Công tác thanh tra, kiểm tra liên quan đến chế độ chính sách đối với người lao động; Công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động, quân sự và một số công tác khác có liên quan.

❖ Phòng Tài chính - Kế toán

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty trong các lĩnh vực sau:

*Công tác tài chính:*

- Tổ chức, chỉ đạo công tác tài chính trong toàn Tổng công ty theo đúng Quy chế quản lý tài chính và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty.
- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Tổng công ty.
- Kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trong Tổng công ty.

*Công tác kế toán:*

- Giúp việc cho Tổng giám đốc và Hội đồng thành viên Tổng công ty trong lĩnh vực kế toán và hạch toán kinh doanh trong toàn Tổng công ty.
- Giúp Tổng giám đốc và Hội đồng thành viên kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Tổng công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính định kỳ của Tổng công ty.

*❖ Phòng Kế hoạch và Đầu tư*

Phòng Kế hoạch-Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty trong lĩnh vực:

- Quản lý kinh tế, hợp đồng kinh tế; kinh doanh và hợp tác kinh doanh của Tổng công ty; công tác thống kê, báo cáo kế hoạch.
- Phát triển thị trường và quản lý thương hiệu VNCC.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển Tổng công ty và báo cáo thống kê các lĩnh vực trên.

*❖ Khối sản xuất trực thuộc Tổng công ty*

Khối sản xuất trực thuộc Tổng công ty bao gồm các văn phòng kiến trúc, các văn phòng kết cấu, văn phòng cơ điện nước môi trường, văn phòng kinh tế dự toán, các chi nhánh và xí nghiệp khảo sát kiểm định chất lượng. Nhiệm vụ chính của khối sản xuất là trực tiếp sản xuất và tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong lĩnh vực:

- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, cảng và cầu cảng;

- Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
- Tư vấn thiết kế phòng chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, Bưu chính viễn thông;
- Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
- Tư vấn, thiết kế các công trình văn hóa, thể thao.
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;
- Xử lý nền móng các loại công trình;
- Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Khai thác nước ngầm;
- Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;

**e. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc có dấu riêng**

**Bảng 4: Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc có con dấu riêng**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Chức năng/lĩnh vực
1	Chi nhánh Trung tâm khoa học công nghệ xây dựng và môi trường.	243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Địa chỉ tạm thời: T6 Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu giấy, Hà Nội.	Tư vấn xây dựng

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Chức năng/lĩnh vực
2	Chi nhánh tư vấn giám sát và quản lý dự án	243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.  Địa chỉ tạm thời: T6 Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu giấy, Hà Nội.	Tư vấn xây dựng
3	Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam	157/16 Đường D2, Khu Văn Thánh Bắc, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	Tư vấn xây dựng
4	Chi nhánh - Trung tâm tư vấn xây dựng VNCC	7/9B Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Q1, TP HCM.	Tư vấn xây dựng

*Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

- Các chi nhánh là đơn vị phụ thuộc được kinh doanh theo sự ủy quyền, phân cấp của Tổng công ty và chịu trách nhiệm về các khoản cam kết trong phạm vi số vốn giao cho chi nhánh quản lý sử dụng.
- Các chi nhánh được ủy quyền ký kết các hồ sơ đấu thầu, thương thảo, ký kết và thực hiện các hợp đồng về cung cấp các dịch vụ theo nhiệm vụ được ủy quyền có giá trị  $\leq 10$  tỷ đồng.

**f. Các công ty con, công ty liên kết**

- Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam (VIWASE): tư vấn thiết kế, khảo sát, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường.
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng tổng hợp (NAGECCO): tư vấn thiết kế xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị tại các khu vực phía Nam.
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC): tư vấn thiết kế xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng, thiết kế cơ điện công trình.
- Công ty cổ phần Khảo sát và xây dựng (USCo): Khảo sát địa chất, địa hình và xử lý nền móng.

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC): tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế quy hoạch, hạ tầng đô thị
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng (CCBM): tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế và quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình vật liệu xây dựng.
- Công ty cổ phần Tin học và Xây dựng (CIC): sản xuất, phát triển, khai thác và cung cấp phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin lĩnh vực xây dựng.
- Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng (CONINCO): tư vấn quản lý dự án, giám sát thi công, kiểm định chất lượng và thí nghiệm.
- Công ty cổ phần Kiểm định kỹ thuật, An toàn và tư vấn xây dựng (INCOSAF): kiểm định kỹ thuật an toàn; giám định, kiểm tra chất lượng hàng hóa; kiểm định chất lượng thiết bị.

### 1.5. Hiện trạng lao động của Tổng công ty

Tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp vào ngày 25/8/2015, tổng số lao động của VNCC là 413 người, Số người lao động của VNCC được phân loại như sau:

**Bảng 5: Cơ cấu lao động**

Phân loại lao động	Số lượng lao động (người)	Tỷ lệ
<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>	<b>413</b>	<b>100%</b>
Kiến trúc sư	117	28,33%
Kỹ sư	209	50,61%
Cử nhân	53	12,83%
Trung cấp + Cao đẳng	11	2,66%
Lao động khác	23	5,57%

*Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

## 1.6. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành tư vấn xây dựng

### 1.6.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Đi cùng với sự phát triển của nền kinh tế cũng như chính sách phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ, ngành tư vấn xây dựng đã có những bước tiến vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Với thị trường dịch vụ tư vấn thiết kế mở cửa như hiện nay, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng bùng nổ với số lượng rất lớn. Có thể nói đối thủ cạnh tranh chính của Tổng công ty là nhóm các công ty tư vấn đến từ nước ngoài. Kế đến là các công ty liên danh với các công ty tư vấn nước ngoài và sau đó là nhóm các công ty tư vấn trong nước. Mặt khác thị trường tư vấn không có rào cản về mặt kỹ thuật để hạn chế bớt các công ty tư vấn nước ngoài tham gia cũng như việc dễ dàng thành lập công ty của các công ty trong nước dẫn đến thị trường tư vấn quá chật hẹp và khó khăn trong cạnh tranh. Tổng công ty tư vấn xây dựng với lợi thế thương hiệu, bề dày truyền thống 60 năm kinh nghiệm và thế mạnh trong tổ chức triển khai nhiều các dự án có quy mô lớn; các công trình cấp đặc biệt, cấp 1 và các công trình trọng điểm quốc gia, các công trình hợp tác quốc tế, các công trình của các Bộ ngành, các tỉnh thành phố lớn trong cả nước qua đó đã tạo dựng được danh tiếng và vị thế trong nhóm đầu của tư vấn Việt nam trong suốt quá trình phát triển của mình. Tổng công ty có vị thế dẫn đầu ngành tư vấn xây dựng với những lợi thế cạnh tranh như sau:

- **Chất lượng sản phẩm:** Để đem đến cho khách hàng chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất Tổng công ty đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008. Hệ thống này giúp việc kiểm soát và phối hợp toàn bộ hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong Tổng công ty. Tổng Công ty cam kết toàn bộ dịch vụ và sản phẩm do Tổng Công ty thực hiện sẽ đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng với phương châm; “**Chất lượng là hàng đầu**”. Hệ thống này cùng với đội ngũ nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp là yếu tố quyết định trong việc triển khai thành công hàng loạt các dự án có quy mô lớn, công trình cấp đặc biệt, cấp 1 và các công trình trọng điểm Quốc gia, chất lượng sản phẩm của Tổng công ty luôn dẫn toàn ngành và nhận được sự tín nhiệm của chủ đầu tư cả trong và ngoài nước. Đồng thời, sản phẩm của Tổng công ty rất đa dạng và đón trước xu hướng thị trường, áp dụng các phần mềm mới trong thiết kế đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng cao cũng như thực hiện tốt các tính chất phức tạp của dự án. Chất lượng sản phẩm của Tổng công ty đã được minh chứng cụ thể bằng các giải thưởng mà Tổng công ty nhận được như: Huân chương độc lập hạng nhất (hai lần), hạng nhì, hạng ba, giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Giải thưởng quốc tế BCI Asian Awards, top các công ty kiến trúc hàng đầu Châu Á.
- **Nguồn nhân lực:** Sản phẩm của ngành Tư vấn xây dựng là sản phẩm “chất xám” được thể hiện trên các bản báo cáo, các bản vẽ thiết kế, quy hoạch của các dự án, vì vậy yếu tố chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong thành công của doanh nghiệp hoạt động

trong lĩnh vực tư vấn xây dựng. Chất lượng lao động luôn là một trong những mục tiêu chú trọng hàng đầu của Tổng công ty, là sức mạnh giúp Tổng công ty luôn đi đầu trong công tác tư vấn thiết kế, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Tổng công ty sở hữu lực lượng lớn cán bộ là kiến trúc sư, kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, bài bản, chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực thiết kế. Đồng thời Tổng công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo, đào tạo nội bộ truyền nghề, cử các cán bộ giỏi đi học tập tại các trung tâm đào tạo, các hãng tư vấn quốc tế lớn trên thế giới.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất: Các đơn vị sản xuất được tổ chức chuyên môn hóa, linh hoạt theo dịch vụ sản phẩm và có đủ các dịch vụ sản phẩm chủ yếu: Quy hoạch, kiến trúc, kết cấu, cơ điện (MEP), dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, kiểm định... thuận tiện cho khách hàng lựa chọn chỉ một đầu mối thực hiện.
- Đội ngũ lãnh đạo: Ban lãnh đạo của Tổng công ty có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm uy tín làm việc lâu năm trong ngành tư vấn xây dựng, đồng thời gắn bó với hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong thời gian dài.
- Thương hiệu: Có bề dày kinh nghiệm hoạt động 60 năm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng. Tổng công ty là một trong những tổ chức tư vấn xây dựng lớn nhất tại Việt Nam. Thương hiệu Công ty mẹ và các công ty thành viên là tập hợp các thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng được thị trường công nhận.
- Giá thành sản phẩm: Giá thành của Tổng công ty linh hoạt theo lựa chọn của khách hàng, giúp khách hàng giảm chi phí thông qua các giải pháp, công nghệ mới mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Dịch vụ khách hàng: Tổng công ty luôn xác định khách hàng là nhân tố quan trọng trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Vì vậy VNCC luôn hoạch định các khách hàng trọng tâm cần quan tâm chăm sóc, gồm có:
  - + Tìm hiểu khách hàng: Tổng công ty xây dựng danh mục khách hàng hiện tại, khách hàng tiềm năng thông qua việc tập hợp cơ sở dữ liệu từ danh mục khách của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên và phân ra theo các tiêu chí: Khách hàng thân thiết, khách hàng tiềm năng, và khách hàng đối ngoại (khách hàng mới).
  - + Hoạt động chăm sóc khách hàng: Tiếp cận, chăm sóc và thu thập ý kiến đóng góp của khách hàng thông qua các nguồn: nói chuyện trực tiếp với khách hàng, thông qua phiếu thăm dò ý kiến, thông qua các kênh truyền thông, hội thảo và trực tiếp qua quá trình cung cấp dịch vụ.
- Nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ: Tổng công ty luôn chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư các ứng dụng công nghệ hiện đại trong thiết kế, quản lý chi phí, tính toán và mô phỏng tiêu thụ năng lượng (thiết kế bằng công nghệ BIM), rút ngắn thời gian thiết kế, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng tư vấn thiết kế. Tiến tới làm

chủ công nghệ lĩnh vực mới như thiết kế các công trình siêu cao tầng; công trình ngầm phức tạp; công trình năng lượng... để đưa trình độ thiết kế của Tổng công ty ngang tầm khu vực cũng như quốc tế.

#### ***1.6.2. Triển vọng phát triển của ngành xây dựng và tư vấn xây dựng***

Nhìn chung triển vọng tăng trưởng ngành xây dựng trong năm 2015 cũng như các năm tiếp theo là tương đối khả quan dựa trên các lý do sau:

- Chính sách tiền tệ hiệu quả đối với ngành xây dựng, với lãi suất cơ bản duy trì ở mức 6,5% kể từ tháng 3/2014, mức lãi suất thấp nhất trong một thập kỷ qua. Đồng thời trong năm 2014 và đầu 2015, lạm phát được ngân hàng nhà nước duy trì ở mức ổn định. Chỉ số lạm phát CPI tháng 12/2014 là 1.84%, thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Sự kết hợp giữa giá cả đầu vào thấp cùng với mức lãi suất vay ngân hàng thấp sẽ thúc đẩy các công ty xây dựng phát triển nhiều dự án hơn trong tương lai.
- Tình hình nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó, ngành công nghiệp và xây dựng có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất theo quý so với ngành dịch vụ và nông, lâm nghiệp, thủy sản. Điều này thể hiện dấu hiệu phục hồi của thị trường bất động sản thời gian qua và tác dụng tích cực của các chương trình hỗ trợ của Chính phủ cho ngành này. Theo dự báo của ngân hàng HSBC, trong năm 2015, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng trưởng đạt 6,1%, riêng quý I/2015 tăng trưởng GDP thực tế là 6,03% cho thấy dự báo này là khả thi. Mức tăng trưởng nền kinh tế cao đồng nghĩa với thu nhập của người dân được cải thiện và nhu cầu đầu tư bất động sản nhà ở và thương mại cũng tăng theo.
- Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có chiều hướng gia tăng. Tăng trưởng kinh tế đi cùng với nền chính trị ổn định giúp thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là đầu tư vào phát triển tài sản cố định. Theo Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch Đầu tư, tính chung cả cấp mới với tăng vốn, dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 20,23 tỷ USD, tăng 19% so với kế hoạch, với khoảng 80% dòng vốn chảy vào các dự án liên quan đến xây dựng, bất động sản, sản xuất và chế biến.
- Chính phủ đưa ra hàng loạt chính sách hỗ trợ cho ngành xây dựng. Tháng 6/2013, Chính phủ Việt Nam đưa ra gói tín dụng kích cầu 30.000 tỷ nhằm xây nhà cho người có thu nhập thấp. Tháng 11/2014, Luật nhà ở sửa đổi chính thức mở cửa cho phép các tổ chức cũng như cá nhân nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam... Những chính sách hỗ trợ này mở ra nhiều cơ hội mới cho thị trường bất động sản Việt Nam.

- Việt Nam là quốc gia có hơn 90 triệu dân với cơ cấu dân số trẻ (tập trung ở độ tuổi từ 15 – 59), tốc độ đô thị hóa tăng nên nhu cầu nhà ở tại các đô thị ngày càng tăng.
- Luật Nhà ở sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2014 quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường bất động sản nói chung và nhu cầu nhà ở nói riêng.
- Theo báo cáo BMI, tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng được dự báo đạt trung bình 6,2%/năm trong giai đoạn 2015-2018.

### ***1.6.3. Phân tích các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp***

#### **▪ Chính trị**

- Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, có hệ thống chính trị ổn định.
- Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa, đặt mối quan hệ đa phương với các nước trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.
- Chính phủ chú trọng đầu tư vào phát triển đô thị, cải thiện điều kiện nhà ở, và xây dựng cơ sở hạ tầng (mức chi tiêu cho phát triển hạ tầng luôn được giữ ở mức cao: 3 tỷ USD vào năm 2014).
- Môi trường chính trị ổn định là cơ hội để Tổng công ty phát triển bền vững.

#### **▪ Kinh tế**

- Lãi suất tiền gửi, cho vay đang ở mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Do đó, lượng tiền đổ vào thị trường tài chính và bất động sản sẽ tăng cao.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, lạm phát giảm.
- Bên cạnh hiệp định thương mại tự do đã ký kết với Hàn Quốc, vòng đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và khối Liên minh châu Âu (EVFTA) cũng đi vào các giai đoạn đàm phán cuối cùng.-Đây là cuộc chơi mới với đối tác mạnh, mức độ tự do hóa của thị trường dịch vụ tư vấn sẽ được nâng lên một cấp độ cao hơn, các cam kết sâu hơn, quyền lợi và nghĩa vụ sẽ lớn hơn.
- Việt Nam gia nhập WTO, cam kết mở cửa các ngành: dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ xây dựng và chuyển giao... Các công ty tư vấn nước ngoài khi vào Việt Nam gây áp lực cạnh tranh rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước, yêu cầu các công ty tư vấn trong nước cần sớm nhận thức, thay đổi phương thức quản trị, tiếp thu nhiều kiến thức và công nghệ mới, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao vị thế doanh nghiệp.
- Thuế môi trường tăng tác động trực tiếp đến giá nhiên liệu, dẫn đến giá thành các loại hàng hóa, vật liệu, chi phí vận chuyển tăng theo.

- Việc Việt Nam ký kết hiệp định AEC với các nước ASEAN đồng thời đặt ra cơ hội cũng như thách thức đối với các công ty tư vấn trong nước khi có khả năng tiếp cận, cạnh tranh trên thị trường rộng lớn hơn nhưng cũng phải đối mặt với các công ty tư vấn thiết kế nước ngoài có trình độ chuyên môn, năng suất lao động vượt trội hơn so với Việt Nam.
- Tăng trưởng kinh tế ổn định, thị trường bất động sản có dấu hiệu tích cực sẽ thúc đẩy sự phát triển của Tổng công ty. Việc mở cửa nền kinh tế đặt Tổng công ty vào cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế đồng thời đặt ra thách thức cạnh tranh với các công ty tư vấn nước ngoài.

#### ▪ Xã hội

- Việt Nam đang ở cơ cấu “dân số vàng”: dân số đạt 90 triệu dân, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64) tăng lên, hiện chiếm 69% tổng số dân.
- Theo số liệu của ngân hàng thế giới năm 2014, tỷ lệ đô thị hóa của nước ta đạt 33,9% (giai đoạn 2012 – 2020), tốc độ đô thị hóa cao (tăng gần 1% mỗi năm) dẫn đến nhu cầu nhà ở tại đô thị lớn tăng nhanh, kéo theo yêu cầu về tăng cơ sở hạ tầng.
- Nhu cầu nhà ở đô thị tăng nhanh giúp thúc đẩy nhu cầu về sản phẩm tư vấn thiết kế của Tổng công ty.

#### ▪ Công nghệ

- Đa số công nghệ xây dựng của Việt Nam được chuyển giao từ các nước phát triển, hoạt động tự nghiên cứu công nghệ mới chưa được đẩy mạnh. Do đó, các đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài có nhiều ưu thế hơn các doanh nghiệp tư vấn trong nước. Việc mở cửa nền kinh tế đặt Tổng công ty vào cơ hội và thách thức khi tiếp cận công nghệ tiên tiến của thế giới và phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài sở hữu công nghệ tiên tiến này.

#### ▪ Môi trường

- Việt Nam nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nên các vấn đề môi trường ngày càng được quan tâm nhiều hơn.
- Tình trạng ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi, nhất là ô nhiễm môi trường nước ở đô thị.
- Môi trường đặc thù của Việt Nam đòi hỏi Tổng công ty phải chú trọng phát triển năng lực thiết kế các công trình thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện khí hậu tự nhiên của Việt Nam.

#### ▪ Pháp luật

- Hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, nên doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực thi. Tuy nhiên Chính phủ cũng đã có những tháo gỡ cho doanh nghiệp như cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động lĩnh vực thuế, hải quan, ban

hành chính sách mới. Diễn hình trong số đó phải kể đến luật Đầu tư sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 được phía doanh nghiệp, nhà đầu tư đánh giá có những cải cách, tháo gỡ mang tính cách mạng.

- Thủ tục hành chính và thủ tục thuế rườm rà. Bên cạnh đó là việc công bố, công khai thủ tục hành chính nhiều nơi, nhiều lúc cũng chưa kịp thời. Những điều này là rào cản trong hoạt động sản xuất, kinh doanh làm tăng chi phí của doanh nghiệp, giảm khả năng cạnh tranh công bằng.
- Trong thời gian vừa qua Chính phủ đưa ra nhiều chính sách thúc đẩy sự phát triển ngành xây dựng tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, gói kích cầu tín dụng 30.000 tỷ đồng.
- Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ dự kiến sẽ giúp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành tư vấn xây dựng trong thời gian tới.

#### 1.7. Danh sách các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính

**Bảng 6: Danh sách các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính tại thời điểm 25/8/2015**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên các đơn vị	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn thực góp của VNCC	Tỷ lệ sở hữu
<b>A</b>	<b>Công ty con</b>			
1	CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng- CCBM	13.400.200.000	6.834.102.000	51%
2	CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam- CDC	8.800.000.000	4.488.000.000	51%
3	CTCP Tư vấn xây dựng Tổng hợp- NAGECCO	27.000.000.000	13.770.000.000	51%
4	CTCP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam-VCC	18.000.000.000	9.180.000.000	51%
5	CTCP Tư vấn nước và môi trường Việt Nam- VIWASE	21.000.000.000	10.605.000.000	50,5%

6	Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng USCO	55.000.000.000	31.766.000.000	57,8%
<b>B</b>	<b>Công ty liên kết</b>			
1	CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	44.000.000.000	11.220.000.000	25.5%
2	CTCP Kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng - INCOSAF	10.000.000.000	4.900.000.000	49%
3	CTCP tin học và tư vấn xây dựng- CIC	6.750.000.000	3.307.000.000	49%
<b>C</b>	<b>Công ty đầu tư tài chính</b>			
1	CTCP Bất động sản Lilama - LILAMALAND	-	13.000.000.000	4,1%
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>VNCC trực tiếp đầu tư</i>		8.500.000.000	
	<i>VNCC nhận ủy thác đầu tư</i>		4.500.000.000	
2	CTCP Địa ốc Tân Cảng	-	8.000.000.000	8,8%
3	Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương - APECO	-	545.408.960	18%

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2014

## 2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa (2012-2014)

### 2.1. Đánh giá tổng quát

Thành lập từ năm 1955, sự phát triển Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam gắn liền với sự phát triển của ngành xây dựng. Với vị thế là đơn vị tư vấn thiết kế đầu ngành của Bộ Xây dựng, Tổng công ty không ngừng hoàn thiện, phát triển nguồn nhân lực, thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới để hoà nhập với trình độ và thông lệ quốc tế.

Giai đoạn những năm 2012-2014, nền kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với vị thế số một thị trường về tư vấn thiết kế cùng kinh nghiệm dày dặn của ban

lãnh đạo và đội ngũ cán bộ nhân viên, Tổng công ty vẫn duy trì được kết quả kinh doanh ổn định và tăng trưởng bền vững.

## 2.2. Những thuận lợi, khó khăn và cơ hội của Tổng công ty

Trên cơ sở phân tích nội tại của Tổng công ty cùng với các yếu tố môi trường kinh doanh, Tổng công ty có những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh như sau:

### - Thuận lợi:

- + Có bề dày kinh nghiệm hoạt động 60 năm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng. Tổng công ty là một trong những tổ chức tư vấn xây dựng lớn nhất tại Việt Nam. Thương hiệu Công ty mẹ và các công ty thành viên là tập hợp các thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng được thị trường công nhận.
- + Có đội ngũ nhân lực tốt, bài bản và tập hợp được lực lớn các kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên gia có năng lực, trong đó Công ty mẹ có hơn 413 cán bộ CNV và toàn Tổng công ty có hơn 3000 cán bộ CNV.
- + Có lợi thế và thế mạnh, kinh nghiệm tổ chức triển khai các dự án có quy mô lớn, các công trình cấp đặc biệt, cấp 1 và các công trình trọng điểm quốc gia.
- + Các đơn vị sản xuất được tổ chức chuyên môn hóa, linh hoạt theo dịch vụ sản phẩm và có đủ các dịch vụ sản phẩm chủ yếu: Quy hoạch, kiến trúc, kết cấu, cơ điện (MEP), dự toán, tư vấn giám sát, kiểm định... thuận tiện cho khách hàng lựa chọn chỉ một đầu mối thực hiện.
- + Với vị thế là đơn vị đầu ngành của Bộ Xây dựng về tư vấn thiết kế, Tổng công ty luôn được Đảng và Chính phủ tin tưởng, giao thực hiện các công trình quan trọng, mang tầm cỡ quốc gia.

### - Khó khăn:

- + Khả năng cạnh tranh của Tổng công ty so với các doanh nghiệp tư vấn thiết kế nước ngoài chưa thực sự mạnh. Năng suất lao động của Tổng công ty so với tư vấn nước ngoài còn có khoảng cách lớn. Nguồn nhân lực mặc dù đã tập hợp được lực lượng đội ngũ tốt, nhưng vẫn còn thiếu cán bộ kiến trúc sư, kỹ sư đạt trình độ ngang tầm khu vực ASEAN trong một số lĩnh vực dịch vụ như nhà siêu cao tầng, công trình biểu diễn, điện, hạt nhân, giao thông ngầm, nghiên cứu phát triển và quản lý dự án trong vai trò tổng thầu EPC.
- + Môi trường hoạt động tư vấn trong nước thiếu quy định, phân hạng cho công ty tư vấn lớn nhỏ được thực hiện với cấp độ dự án tương ứng, phù hợp với năng lực. Dẫn đến sự khó khăn trong việc lựa chọn tư vấn của chủ đầu tư cũng như bất lợi cho các công ty tư vấn được đầu tư xây dựng, tổ chức bài bản chuyên nghiệp.

- + Thị trường mảng tư vấn xây dựng công trình hiện đang bão hòa, đòi hỏi Tổng công ty phải xúc tiến mạnh hơn sang các mảng công trình công nghiệp (các công trình năng lượng, các công trình công nghiệp hóa chất và hóa dầu...); các công trình giao thông; công trình hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đô thị.
- + Công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng phát triển gặp nhiều khó khăn do cơ sở hạ tầng, kinh phí còn hạn chế.

#### **- Cơ hội**

- + Tổng công ty là đơn vị lớn nhất của ngành xây dựng về lĩnh vực tư vấn thiết kế, luôn được tin tưởng giao thực hiện các công trình quan trọng của Đảng, Chính phủ. Do đó, Tổng công ty có nhiều cơ hội ứng dụng khoa học công nghệ, năng lực và trình độ vào công việc thực tế.
- + Thị trường trong lĩnh vực tư vấn xây dựng chưa có nhiều đơn vị tư vấn đủ năng lực cung cấp dịch vụ tổng thầu tư vấn, tổng thầu EPC, dịch vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực về tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo do chính những công ty tư vấn uy tín cung cấp.
- + Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập làm tăng sự hiện diện của nhà đầu tư, tư vấn nước ngoài đem theo công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, năng suất lao động cao giúp tư vấn trong nước có điều kiện tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm, trình độ.

### **2.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ba năm trước cổ phần hóa**

#### **2.3.1. Hoạt động kinh doanh chính**

Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và các công trình khác.

**Bảng 7: Các hợp đồng nổi bật của VNCC**

<b>Công trình quan trọng</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Trung tâm hội nghị quốc gia tại xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội - hợp tác với GMP International GmbH-Inros Lackner (Đức);</li><li>▪ Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán công trình Nhà Quốc hội - hợp tác với GMP International GmbH- Inros Lackner AG (Đức);</li></ul>

- Tư vấn thiết kế Bảo tàng Hà Nội tại Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, hợp tác thiết kế với Liên danh GMP – ILAG (Đức);
- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Trung tâm điều hành và thông tin ngành điện lực Việt Nam tại 11 Cửa Bắc, Hà Nội – hợp tác với Heerim Architeck & Planners Co.,ltd;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà làm việc các Ban Đảng A3, A4 tại ngõ Nguyễn Cảnh Chân, Ba Đình, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán công trình Cung triển lãm quy hoạch Quốc gia;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà làm việc của Quốc hội tại 35 Ngô Quyền, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế Trụ sở làm việc Cơ quan kiểm toán Nhà nước cơ sở II tại đường Nguyễn Chánh, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội;
- Lập Dự án đầu tư xây dựng Đại học Khoa học tự nhiên (QG-HN07) tại Hòa Lạc, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện quân y 103 - Học viện Quân y - hợp tác với Mediconsslt Sdn. Bhd (Maylaysia), quy mô 1200 giường;
- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công Bệnh viện Bạch mai cơ sở 2 tại xã Liêm Tuyền, Phú Lý, Hà Nam, quy mô 1000 giường;
- Thiết kế kỹ thuật, dự toán Khối nhà cao tầng và khu kỹ thuật phụ trợ, trường quay, ăngten cao 30m Dự án Trung tâm sản xuất chương trình thuộc Trung tâm Truyền hình Việt nam - giai đoạn 1, Hợp tác thiết kế với Liên danh NHK Integrated technology Facilities, Inc (Nhật Bản);
- Tư vấn thiết kế Công trình Nhà ga T1 Cảng Hàng không Quốc tế Nội bài, hợp tác với ADP (Pháp) và NTW Tnternational (Mỹ);
- Thiết kế kết cấu Nhà ga hành khách sân bay quốc tế Đà Nẵng, hợp tác liên danh với Louis Beger (Mỹ);

#### **Công trình văn phòng làm việc**

- Tư vấn thiết kế công trình Trụ sở Bộ công an thuộc Dự án 239/05 tại Cầu Giấy, Hà Nội, hợp tác với GMP International GmbH-Inros Lackner (Đức);
- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán cho dự án Trụ sở làm việc khối cảnh sát, công an tỉnh Hà Tĩnh;

- Tư vấn thiết kế Tháp Tài chính BITECO tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - hợp tác với Arep Ville (Pháp), Lera (Mỹ), DSA (Anh), PAEC (Philipin)
- Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ, dự toán Dự án Trụ sở Đài truyền hình kỹ thuật số VTC;
- Lập dự án, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Trụ sở Công ty công trình giao thông Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án Hà Nội Telecom Tower của công ty cổ phần viễn thông Hà Nội;
- Khảo sát địa chất, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công Trụ sở điều hành các nhà máy thủy điện hệ thống sông Vu Gia – Thu Bồn – Thủy điện A Vương;
- Thiết kế bản vẽ thi công nhà 17 tầng Trung tâm nút mạng viễn thông liên tỉnh khu vực phía Bắc tại Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán chi tiết Trụ sở làm việc liên cơ quan tỉnh Ninh Bình;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Tháp Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Trung tâm hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, lập dự toán Trung tâm điều hành và giao dịch Tổng công ty xi măng Việt Nam – VICEM tại KĐT mới quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Tòa nhà thứ hai trung tâm Nút mạng Viễn thông liên tỉnh tại Hà Nội, hợp tác thiết kế với Mooyoung Architects and Engineers (Hàn Quốc)
- Khảo sát địa chất, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Trụ sở liên cơ quan số 3 tỉnh Quảng Ninh;
- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công Dự án Bến Thành Twin Tower - hợp tác với Arquitectonica International Corporation (Mỹ);
- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, dự toán chi tiết Dự án Tháp Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam tại Hà Nội - hợp tác với thiết kế P&T Consultants Pte., Ltd (Singapore);
- Thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà làm việc và các hạng mục khác thuộc dự án mở rộng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại ô 29 Khu đô thị mới Cầu giấy, quận Cầu giấy, Hà Nội;

**Các công trình Bệnh viện - Y tế**

- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Bệnh viện K cơ sở Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội, quy mô 1000 giường.
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật- tổng đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán thi công trung tâm ung bướu Thái Nguyên thuộc bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên, qui mô 1000 giường;
- Tư vấn quản lý dự án xây dựng Bệnh viện Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh, qui mô 1000 giường;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, dự toán bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên, quy mô 1000 giường;
- Tư vấn thiết kế Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn, qui mô 500 giường;
- Thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, bản vẽ thi công, dự toán chi tiết nhà điều trị B-C thuộc dự án cải tạo mở rộng bệnh viện Phụ sản Trung ương, qui mô 500 giường;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công Bệnh viện Sản – Nhi Hưng Yên, qui mô 500 giường;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Bệnh viện Thanh Nhân giai đoạn II tại Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, qui mô 500 giường;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công Dự án bệnh viện Thanh Nhân, Hà Nội quy mô 500 giường;
- Lập dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Xây dựng tại Hoàng Mai, Hà Nội, qui mô 500 giường;
- Thiết kế bản vẽ thi công Nhà khám và xét nghiệm dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Bệnh viện 71 Trung ương, qui mô 500 giường;
- Khảo sát địa chất, địa hình, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán thi công bệnh viện huyện Đông Anh, Hà Nội, qui mô 300 giường;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công Dự án nhà điều trị kỹ thuật cao Bệnh viện Việt Đức, qui mô 300 giường;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Bệnh viện Lao và Phổi Quảng Ninh, qui mô 300 giường;

**Về công trình nhà ở và chung cư, khách sạn, trung tâm thương mại**

- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán

Trung tâm Thương mại và căn hộ cao cấp Vincom tại ô đất HH1 tại 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội;

- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, tự toán Tòa Nhà văn phòng và Trung tâm thương mại của Công ty CP Hóa dầu quân đội tại Tây Sơn, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công Trung tâm thương mại dịch vụ chung cư và nhà ở tại CI khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội;
- Tư vấn thiết kế Dự án tổ hợp đa chức năng Vĩnh Tuy tại 122 Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Tư vấn thiết kế Tổ hợp dịch vụ Trung tâm Thương mại và văn phòng điều hành dự án khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi- Hải phòng.
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà khách đa năng tại lô D trong khách sạn La Thành, Trung tâm Hội nghị Quốc Gia;
- Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch, thiết kế kết cấu, cơ điện Khách sạn Marriot Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán công trình Madrin Garden Residential tại Trung Hòa, Nhân Chính, Hà Nội;
- Tư vấn thiết kế Dự án tổ hợp khách sạn Dầu khí Việt Nam tại khu công viên Dầu khí Việt Nam;
- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công cho Dự án Tổ hợp khách sạn 5 sao – Trung tâm thương mại – Văn phòng - Căn hộ cao cấp Keangnam, hợp tác với Heerim, Sammo, Auon & Lee (Hàn Quốc);
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Nhà ở, văn phòng, dịch vụ thương mại tại lô H1 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội;
- Tư vấn quản lý dự án Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà, Hà Nội;
- Thiết kế kết cấu và dự toán Nhà chung cư cao tầng 1A-01 khu đô thị Ecopark;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, hạ tầng kỹ thuật nhà cao và thấp tầng khu đô thị C2 công viên Yên Sở;
- Thiết kế kiến trúc, kết cấu và cơ điện Nhà N01-T8 Dự án Khu ngoại giao tại xã Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- Tư vấn thiết kế phần kết cấu Dự án chung cư cao tầng 1B-02 và 03 Khu đô thị ECOPARK tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;

- Tư vấn thiết kế dự án phát triển Khu đô thị mới An Khánh;
- Tư vấn thiết kế Khu nhà ở thấp tầng tại Khu đô thị mới C2 Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- Tư vấn thiết kế chung cư cao tầng CT2 - Khu đô thị Thành phố giao lưu;
- Lập dự án đấu thầu xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Dự án chung cư cao cấp G2-G3 Ciputra Hà Nội;
- Lập dự án đấu thầu xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án chung cư cao cấp C2-Yên Sở;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình và hạ tầng ngoài nhà khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại KĐTMT Đặng Xá 2, Gia Lâm, Hà Nội;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Khách sạn Crown Plaza tại Viên Chăn, CHDCND Lào;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, lập hồ sơ mời thầu Tổ hợp Văn phòng cho thuê, thương mại, căn hộ Vincom Đồng Đa tại 56 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Trung tâm thương mại Cần Thơ;
- Thiết kế phân kết cấu Dự án Minh Khai City Plaza tại 201 Minh Khai, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án FLC complex tại 36 Phạm Hùng, Hà Nội;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, lập hồ sơ mời thầu Dự án T12, T16, T17, T20, T21 lô 6 khu đô thị Vinhomes Times City, 458 Minh Khai, Hà Nội;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Khách sạn Vũng Me, Nha Trang;
- Thiết kế kiến trúc và kết cấu Starcity Center tại lô HH KĐT phía Đông đường Trần Duy Hưng, Hà Nội;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công các công trình và hạ tầng kỹ thuật FLC Sầm Sơn Golf link, khu biệt thự FLC Sầm Sơn;
- Lập quy hoạch chi tiết 1/500, lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán khu nhà hỗn hợp FLC tại Thanh Hóa;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán nhà HH-01, nhà trẻ, biệt thự, nhà liền kề, hệ thống kỹ thuật khu CN đô thị Đại Mỗ, FLC Garden City;
- Lập dự án đấu thầu xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hệ thống hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 3: 272 ha, Khu đô thị du lịch và TM Văn Giang (ECOPARK);

**Các công trình văn hóa giáo dục**

- Lập quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án nhà điều hành và cơ quan: Labor 11 thuộc Học viện quân y- Hà Đông- Hà Nội;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán ký túc xá học viên Trường đại học Cảnh sát nhân dân tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Trường Đại học Y Thái Bình;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà văn hóa Kayson Phomvihane tại tỉnh Savannakhet Lào;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Trường THPT chuyên Biên Hòa, xã Liêm Chính, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Tư vấn thiết kế Trường Đại học Thủy Lợi tại Hưng Yên;
- Điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc;
- Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 và lập dự án đầu tư xây dựng Đại học khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc các khoa và trung tâm đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ khoa học kỹ thuật và hợp tác Quốc tế Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp cơ sở tại Linh Nam;

**Các công trình thể dục thể thao**

- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công các công trình và hạ tầng kỹ thuật FLC Sầm Sơn Golf Links (giai đoạn 1) tại Thành Hóa;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm thể thao Vietsovpetro tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Khảo sát địa chất, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Sân vận động thị xã Phúc yên, qui mô 1500 chỗ.
- Lập dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Sân vận động tỉnh Hà Nam, qui mô 5000 chỗ;
- Thiết kế Khán đài A và B, hạ tầng, nội ngoại thất Sân vận động tỉnh Ninh Bình, qui mô 3600 chỗ;

- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án Nhà thi đấu Bắc Ninh, qui mô 2000 chỗ;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án Nhà thi đấu Vĩnh Phúc, qui mô 2500 chỗ;
- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án Nhà thi đấu Hải Dương, qui mô 2000 chỗ;
- Thiết kế bản vẽ thi công Nhà thi đấu tỉnh Ninh Bình, qui mô 3500 chỗ.
- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Nhà thi đấu đa năng tỉnh Lào cai tại Khu đô thị mới Lào Cai, Cam đường, tỉnh Lào Cai.

#### **Các công trình công nghiệp**

- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công Dự án nhà máy Hitachi Cable Hải Dương;
- Thiết kế và cung cấp các dịch vụ tư vấn xây dựng cho dự án xây dựng nhà máy Tohoko Pioneer Hà Nội;
- Thiết kế kết cấu, kiểm tra kiến trúc Dự án Nhà máy BTMV tại KCN Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng;
- Thiết kế bản vẽ thi công các tòa nhà và cơ sở hạ tầng Dự án xây dựng nhà máy mới Chi nhánh công ty TNHH IHI Infrastructure tại Bán đảo Đình Vũ, An Hải, Hải phòng;
- Thiết kế kết cấu Nhà máy sản xuất lốp xe của Bridgestone tại KCN Đình Vũ, Hải phòng;
- Thư vấn thiết kế bản vẽ thi công Nhà máy Meiko khu công nghiệp Phụng xá, Hà Tây;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà máy xử lý chất thải rắn tỉnh Ninh Bình và công trình ngoài hàng rào nhà máy chế biến phân vi sinh tỉnh Ninh Bình;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà máy may công ty may Thăng long;
- Tính toán kết cấu, thiết kế tính toán thi công cải tạo móng, cải tạo nhà máy Yamaha Motor Việt Nam;
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà máy cán nóng thép tấm tại Cụm công nghiệp tàu thủy Cái Lân, Quảng Ninh;

**Các dự án quy hoạch hạ tầng**

- Lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nam đường 32, Hoài Đức, Hà Nội
- Điều chỉnh dự án hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QG-HN02) Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa lạc;
- Thiết kế bản vẽ thi công tuyến đường 11 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa lạc;
- Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Đại học khoa học tự nhiên (QG-HN07) tại Hòa lạc;
- Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công hạng mục gara ngầm, đường hầm, cải tạo đường Bắc Sơn, đường Hoàng Văn Thụ, đường Độc lập thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội;
- Thiết kế khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật Dự án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang, Hưng Yên;
- Thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng Trường đại học Cảnh sát nhân dân tại TP Hồ Chí Minh;
- Lập dự án, thiết kế bản vẽ thi công dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái TP Vạn Tường khu Công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi;
- Thiết kế bản vẽ thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa;
- Lập quy hoạch chi tiết 1/500 cho công trình TB09 Bộ Công an tại huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Lập điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết 1/500 tuyến đường và hệ thống dịch vụ vào khu danh thắng Yên Tử, Quảng Ninh;
- Khảo sát địa hình 1:500, lập quy hoạch chi tiết 1:2000 cho dự án xây dựng khu resort hồ Yên Trung, Quảng Ninh;
- Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500, lập dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho tiểu khu I & II VietsoPetro Vũng Tàu;
- Thiết kế hạ tầng cơ sở Dự án Đại Phước Lotus;

**Về khảo sát công trình**

- Khoan khảo sát địa chất công trình cho dự án xây dựng KeangNam Hà Nội Landmark Tower;
- Khoan khảo sát địa chất công trình phục vụ lập dự án và thiết kế bản vẽ thi công Khu nhà ở xã hội tại các lô đất N01, N02, N03, N04, N06 Khu đô thị mới Đặng xá Gia Lâm, Hà Nội;
- Khoan khảo sát xây dựng công trình Trụ sở làm việc Công an tỉnh Ninh Bình;
- Khảo sát địa chất phục vụ lập dự án và thiết kế Nhà làm việc Văn phòng Quốc hội tại 35 Ngô Quyền, Hà Nội;
- Khoan khảo sát địa chất công trình phục vụ dự án đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan Bộ tư lệnh cảnh sát Biển tại phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- Khoan khảo sát địa chất công trình Khối nhà phục vụ Trung tâm Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Khảo sát xây dựng công trình tuyết số 3, thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung QG-HN02 dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, Hà Nội;
- Khoan khảo sát địa chất công trình Nhà làm việc Chi cục Đăng kiểm số 9;
- Khoan khảo sát địa chất công trình Trung tâm Thương mại và dịch vụ Anh Đức;
- Thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc barrette đến 3.030 tấn cho dự án xây dựng trung tâm điều hành và thông tin viễn thông- Ngành điện lực Việt Nam (EVN);
- Thí nghiệm nén tĩnh xây dựng trường trung học cơ sở Biên Giang (giai đoạn 1), phường Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội;

**Về giám sát công trình**

- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Nhà làm việc không thường xuyên của Quốc hội tại Đà Nẵng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình Tổng cục V Bộ Công an;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Trụ sở điều hành và Trung tâm thương mại Viettel tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Cơ sở làm việc các đơn vị Sân bay Gia Lâm, Hà Nội;
- Giám sát thi công xây dựng Gói thầu EPC số 1 dây chuyền công nghệ luyện kim Lưu xá Công ty CP gang thép Thái Nguyên;
- Giám sát thi công xây dựng việc lắp đặt thiết bị toàn bộ công trình của dự án xây dựng trụ sở chính ngân hàng công thương Việt Nam (Vietcombank);
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Trụ sở chính Ngân hàng Công thương Việt Nam tại 25 Lý Thường Kiệt, Hà Nội;
- Giám sát thi công dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long – Vân Trì; Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án cải tạo Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Nhà CT5 và hạ tầng ngoài nhà ô đất N05 Nhà ở xã hội cho cán bộ, công chức thu nhập thấp Bộ Tài chính;
- Giám sát thi công xây dựng việc lắp đặt thiết bị toàn bộ công trình của khu nhà ở, văn phòng làm việc và cho thuê Vinaconex Hà Đông;
- Giám sát thi công phân thô và hoàn thiện dự án nhà liền kề thông tầng, biệt thự - Khu đô thị mới Văn Phú;
- Tư vấn quản lý dự án Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm công ty VPP Hồng Hà tại 25 Lý Thường Kiệt, Hà Nội;
- Tư vấn quản lý dự án Khách sạn Dân chủ Hà Nội;
- Tư vấn quản lý dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh;

*Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

Một số hình ảnh về công trình, dự án mà VNCC tham gia tư vấn thiết kế:



Nhà quốc hội



Bảo tàng Hà Nội



Tổ hợp khách sạn 5 sao- TTTM VP- Căn hộ cao cấp Keangnam



Trung tâm hội nghị quốc gia



Bệnh viện Thanh Nhàn



Nhà kỹ thuật cao bệnh viện Việt Đức



Nhà máy Yamaha Motor Việt Nam



Nhà máy Hitachi Cable



Học viện quân y



Trường chuyên Hạ Long

Bằng trình độ kinh nghiệm vượt trội của mình, Tổng công ty đã đạt được nhiều giải thưởng kiến trúc quốc gia đối với các công trình như trụ sở công trình giao thông 3, tòa nhà vincom, nhà ga sân bay T1 Nội Bài, Hội sở ngân hàng công thương

Với những đóng góp của mình Tổng công ty đã vinh dự được Nhà nước ghi nhận và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý như: huân chương lao động Nhất, Nhì, Ba, huân chương độc lập Hạng nhất (2 lần), bằng khen Chính phủ

### **2.3.2. Chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng chủ yếu là chi phí giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế, bao gồm các chi phí hoạt động của Tổng công ty như chi phí tiền lương, vật liệu và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài. Tỷ lệ phần trăm của chi phí này trên tổng chi phí có xu hướng tăng qua các năm 2013 và 2014, với tỷ lệ lần lượt là 84,43% và 88,42%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí lương, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ công tác quản lý, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu là chi phí trả lương cho cán bộ quản lý. Chi phí này tương đối ổn định trong giai đoạn 2012 - 2014.

### **2.3.3. Trình độ công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm mới**

Tổng công ty luôn chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong việc đề xuất các giải pháp kỹ thuật mới, kinh tế, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả. Tiến tới làm chủ công nghệ lĩnh vực mới như thiết kế các công trình siêu cao tầng; công trình ngầm phức tạp; công trình năng lượng; nhà máy điện, hạt nhân; công trình biển; công trình công nghiệp; công trình nhà ở tiết kiệm năng lượng, nhà ở sinh thái, công trình kiến trúc xanh.

Đồng thời, Tổng công ty còn triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại trong thiết kế, quản lý chi phí, tính toán và mô phỏng tiêu thụ năng lượng (thiết kế bằng công nghệ BIM), rút ngắn thời gian thiết kế, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng tư vấn thiết kế.

### **2.3.4. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ**

Tổng công ty luôn nỗ lực xây dựng niềm tin cho khách hàng bằng việc thiết lập hệ thống tiêu chuẩn chất lượng cao nhất. Tổng công ty không chỉ tiêu chuẩn hóa hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 mà còn đồng bộ hóa tất cả quy trình làm việc, đảm bảo mọi sản phẩm đều đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. ISO 9001-2008 giúp Tổng

công ty xác định trách nhiệm và quyền hạn của từng cá nhân, từng bộ phận rõ ràng. Điều này làm cho hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ được nâng lên rất nhiều.

Một số giải thưởng mà Tổng công ty đã đạt được trong thời gian qua:

- Huân chương độc lập hạng nhất (hai lần), hạng nhì, hạng ba.
- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt
- Giải thưởng quốc tế BCI Asian Awards, top các công ty kiến trúc hàng đầu Châu Á.

#### ***2.3.5. Hoạt động marketing***

Tổng công ty luôn coi marketing là hoạt động quan trọng vì đã làm gia tăng lợi ích cho Tổng công ty bằng việc thu hút các hợp đồng tư vấn thiết kế. Tổng công ty luôn coi trọng việc giữ vững thương hiệu của mình bằng việc không ngừng nỗ lực tăng cường chất lượng của sản phẩm, nhằm thỏa mãn tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng. Đối với thị trường trong nước, Tổng công ty tăng cường tiếp thị không chỉ đối với các công trình dân dụng mà còn tăng cường tiếp thị đến mảng các công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm mở rộng thị trường khách hàng. Đồng thời Tổng công ty còn chú trọng tăng cường hợp tác thực hiện dự án với các công ty tư vấn thiết kế nước ngoài nhằm quảng bá thương hiệu của Tổng công ty ra thị trường quốc tế.

#### ***2.3.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền***

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 111464 được cấp theo Quyết định số 21166/QĐ-SHTT, ngày 16/10/2008 của Cục Sở hữu trí tuệ. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 111464.

#### ***2.3.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện***

Tổng Công ty đã và đang thực hiện các dự án lớn, trọng điểm với các khách hàng trong và ngoài nước. Một số dự án tiêu biểu trong 2 năm 2014, 2015:

**Bảng 8: Danh sách hợp đồng lớn đang thực hiện**

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
1.	01/2015	Thiết kế điều chỉnh Chung cư CT1 - block A, B, C tại khu đô thị Nam Thăng Long - Tây Hồ - Hà Nội.	3.451.377.000	Công ty TNHH Phát triển Khu đô thị Nam Thăng Long
2.	09/2015	Đề xuất nhiệm vụ thiết kế, Thiết kế công trình Tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư PVC – VinaPharm .	4.195.695.000	Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex – PVC
3.	11/2015	Thiết kế hạ tầng theo quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh dự án Dự án khu đô thị mới Bắc An Khánh Hoài Đức, Hà Nội.	11.000.000.000	Công ty liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (AnKhanh JVC)
4.	21/2015	Thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc các khoa và các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ khoa học kỹ thuật và hợp tác Quốc tế Trường đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp tại cơ sở Lĩnh Nam.	5.500.000.000	Trường Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
5.	36/2015	Lập hồ sơ quy hoạch, thiết kế ý tưởng, lập dự án ĐTXD, Thiết kế bản vẽ thi công- dự toán thi công Khu biệt thự Mimosa Valley thuộc khu Thảo nguyên (phân khu 9-12) tại Khu đô thị Thương mại và du lịch Văn Giang (Ecopark).	6.350.906.000	Công ty CP đầu tư và phát triển Việt Hưng (VIHAJICO)
6.	39/2015	Tư vấn thiết kế Dolphin Plaza giai đoạn 2 mở rộng tại đường Trần Bình, Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội.	4.350.897.000	Công ty cổ phần TID
7.	42/2015	Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Khu phức hợp tại Noongtha, thủ đô Viêng Chăn, Lào.	5.344.000.000	Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt
8.	51/2015	Thiết kế phần kết cấu Dự án Bệnh viện Bạch mai cơ sở tại xã Liêm Tuyền, tỉnh Hà Nam	16.500.000.000	Tổng công ty 36
9.	52/2015	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế Trung tâm Hội nghị Nha tranh	6.100.000.000	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
10.	65/2015	Thiết kế Tòa nhà hỗn hợp cao tầng tại xã Vũ Quỳnh và xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội.	4.870.000.000	Công ty CP đầu tư và xây dựng Vinaconex – PVC
11.	68/2015	Lập dự án đầu tư, thiết kế Tổ hợp văn phòng, dịch vụ, thương mại và nhà ở cao tầng tại 47 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội.	15.500.000.000	Công ty CP BĐS Mùa đông VID
12.	73/2015	Thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật 81,24 ha khu Thảo nguyên, Thủy nguyên Phân khu 9-12 Khu đô thị và du lịch Văn Giang Ecopark	7.500.000.000	Công ty CP đầu tư và phát triển Việt Hưng
13.	77/2015	Lập dự án đầu tư, Thiết kế Vườn thú Sagari tại Phú Quốc	12.500.000.000	Công ty CP đầu tư và phát triển du lịch Phú Quốc
14.	99/2015	Thiết kế Tòa nhà hỗn hợp tại 265 Cầu giấy, Hà Nội	8.150.000.000	Công ty CP Tập đoàn FLC
15.	09/2014	Lập hồ sơ thiết kế xây dựng Công trình hỗn hợp và nhà ở bán tại số 2 Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà Nội	3.000.000.000	Công ty cổ phần và dịch vụ khách sạn SOLEIL

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
16.	31/2014	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Nhà khách đa năng tại lô D trong khuôn viên Nhà khách La Thành - Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội.	4.347.498.000	Trung tâm Hội nghị Quốc gia
17.	42/2014	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và lập dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà điều hành Ban QLDA, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội.	5.797.351.117	Ban QLDA đầu tư xây dựng ĐHQG Hà Nội tại Hòa Lạc
18.	68/2014	Rà soát lại Concept, Lập dự án ĐTXD, Thiết kế BVTC Khu nhà ở thấp tầng 2A - thuộc lô đất CT01, tại Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang (Ecopark) - khu vực giai đoạn 2.	4.389.000.000	Công ty CP đầu tư và phát triển Việt Hưng VIHAJICO
19.	79/2014	Thiết kế bản vẽ thi công, GSTG Dự án khách sạn 5 sao Crowne Plaza phú Quốc.	7.722.000.000	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng BIM (BIM Design)

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
20.	80/2014	Thiết kế bản vẽ thi công, GSTG Dự án khách sạn 5 sao Crowne Plaza Vientiane, Lào.	4.471.500.000	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng BIM (BIM Design)
21.	86/2014	Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và hồ sơ mời thầu Tổ hợp văn phòng cho thuê, thương mại, căn hộ (Vincom Đồng Đa) tại 56 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội.	8.600.000.000	Công ty CP Bất động sản Viettronics
22.	88/2014	Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng công trình FLC COMPLEX tại 36 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	5.500.000.000	Công ty TNHH Đầu tư và quản lý Tòa nhà ION COMPLEX
23.	99/2014	Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và hồ sơ mời thầu Dự án T12, T16, T17 và T21 thuộc lô 6 Khu đô thị Vinhomes Time City.	13.416.850.000	Công ty CP phát triển Nam Hà Nội
24.	106A/2014	Thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán Dự án khách sạn Vững Me, Nha Trang.	4.230.000.000	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
25.	118/2014	Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Dự án Starcity Center tại lô HH, Khu đô thị phía Đông Nam đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.	21.010.000.000	Công ty CP Đại dương Thăng Long
26.	145/2014	Thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công Khối nhà chung cư số 2, 3, 4, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà khu đất HH2 - Khu chức năng đô thị Đại Mỗ - FLC Garden city.	8.886.000.000	Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska
27.	150/2014	Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Khách sạn Đầm Già, Nhà Trang tại đảo Hòn Tre, TP Nha trang, Khánh Hòa.	4.200.000.000	Công ty TNHH Vinperial Nha trang
28.	162/2014	Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán Bệnh viện Quân y 103 - Học viện Quân y.	33.497.282.900	Học viện Quân y

TT	Số HĐ	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Đối tác
29.	163/2014	Lập lại quy hoạch chi tiết 1/500, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công Khu nhà ở hỗn hợp FLC tại xã Quảng Thành, TP Thanh Hóa.	5.700.000.000	Công ty CP Tập đoàn FLC
30.	168/2014	Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trung tâm thương mại Cần Thơ (Vincom Cần Thơ).	7.237.000.000	Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần
31.	177/2014	Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Nhà HH01, nhà trẻ, khu nhà biệt thự, khu nhà liền kề và hạ tầng kỹ thuật Dự án khu chức năng đô thị Đại Mỗ FLC Garden city (giai đoạn 1) tại Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội.	5.800.000.000	Công ty CP đầu tư địa ốc Alaska
32.	186/2014	Tư vấn quản lý dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh.	16.483.771.092	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Y tế

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

## 2.4. Tình hình tài chính Công ty mẹ - VNCC 03 năm trước cổ phần hóa

**Bảng 9: Một số chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.874	157.730	173.803
Doanh thu hoạt động tài chính	30.159	30.509	24.779
Doanh thu hoạt động khác	186	1.883	645
Tổng doanh thu	179.219	190.122	199.227
Lợi nhuận gộp	22.620	24.412	24.857
Lợi nhuận sau thuế	23.840	26.354	27.272
Tổng tài sản	402.012	402.550	409.295
Tổng Các khoản phải thu	23.115	26.406	27.758
Hàng tồn kho	52.211	44.958	37.953
Tài sản cố định	24.918	20.947	33.819
Khấu hao TSCĐ	(16.011)	(14.403)	(16.155)
Tổng các khoản phải trả KH	2.057	2.111	3.329
Người mua trả tiền trước	64.142	48.060	39.469
Tổng nợ vay	2.900	2.600	0
Ngắn hạn	2.900	2.600	0
Trung – dài hạn	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	260.439	272.663	263.990
Vòng quay vốn lưu động(lần)	0,52	0,55	0,59
Khả năng thanh toán hiện hành( lần)	2,08	2,29	2,07
ROE (lợi nhuận/vốn chủ sở hữu)(%)	9,15%	9,67%	10,33%
ROA (lợi nhuận/tổng tài sản)(%)	5,93%	6,55%	6,66%
Hệ số đòn bẩy(lần)	0,54	0,47	0,55

Tổng số CBNV( người)	514	508	499
Thu nhập bình quân tháng	9,0	9,7	10,8

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014

#### 2.4.1. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam là tư vấn thiết kế xây dựng, mang lại trên 80% doanh thu. Tổng công ty đi theo hướng tập trung phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tránh đầu tư dàn trải.

**Bảng 10: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
<b>Doanh thu thuần</b>	148.874	83,07%	157.730	82,96%	173.803	87,24%
Tư vấn thiết kế	148.874	-	157.730	-	173.803	-
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	30.159	16,83%	30.509	16,05%	24.779	12,44%
<b>Doanh thu khác</b>	186	0,10%	1.883	0,99%	645	0,32%
<b>Tổng doanh thu</b>	179.219	-	190.122	-	199.227	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014

#### a, Hoạt động kinh doanh chính- Tư vấn thiết kế xây dựng

Tư vấn thiết kế xây dựng là thế mạnh của Tổng công ty. Đây là hoạt động cốt lõi, bền vững, lâu dài, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Tổng công ty. Năm 2012 doanh thu lĩnh vực tư vấn thiết kế đạt trên 148,8 tỷ đồng, chiếm trên 83% doanh thu thuần và gia tăng lên 173,8 tỷ đồng năm 2014, tương đương với 87,24% doanh thu. Việc duy trì doanh thu từ hoạt động tư vấn thiết kế với tỷ trọng cao giúp đảm bảo hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tương đối ổn định, bền vững.

### b. Hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính của Tổng công ty chủ yếu từ các khoản lãi tiền gửi; lợi nhuận, cổ tức được chia từ các khoản đầu tư dài hạn từ các công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (Liệt kê theo bảng dưới đây). Đối với các khoản đầu tư không phải ngành kinh doanh chính như Lilama Land, Công ty CP địa ốc Tân Cảng, Tổng công ty đã và đang nỗ lực thực hiện thoái vốn theo đúng đề án tái cơ cấu của Bộ Xây dựng.

Cơ cấu doanh thu tài chính năm 2014 được thể hiện theo bảng sau:

**Bảng 11: Cơ cấu doanh thu tài chính**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Số tiền
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.505
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty CONINCO, CDC, NAGECCO, APECO, CIC, VCC, VIWASE, INCOSAF, Lilama Land, SHB	7.065
Lãi chênh lệch chưa thực hiện	54
Bán quyền mua cổ phiếu của Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng- CONINCO	1.914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	241

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2014

### c. Doanh thu khác

Doanh thu khác của Tổng công ty chủ yếu đến từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ( thanh lý ô tô của chi nhánh), các khoản thu hỗ trợ thi tuyển phương án kiến trúc, các khoản tài trợ và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

#### 2.4.2. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
	GVHB	Tỷ trọng	GVHB	Tỷ trọng	GVHB	Tỷ trọng
<b>Giá vốn hàng bán</b>	126.254	84,02%	133.318	84,43%	148.946	88,42%
Hoạt động tư vấn thiết kế	126.254	-	133.318	-	148.946	-
<b>Chi phí tài chính</b>	492	0,33%	2.010	1,27%	(2.224)	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	23.396	15,57%	22.126	14,01%	19.377	11,50%
<b>Chi phí khác</b>	118	0,08%	444	0,28%	125	0,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>150.260</b>	<b>100%</b>	<b>157.898</b>	<b>100%</b>	<b>166.224</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014*

Giá vốn hàng bán hoạt động tư vấn thiết kế bao gồm các chi phí hoạt động của Tổng công ty bao gồm tiền lương, vật liệu và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.

Chi phí tài chính của Tổng công ty là chi phí dự phòng các khoản đầu tư, Tổng công ty không vay nợ ngân hàng. Trong năm 2014, chi phí tài chính là -2,22 tỷ do Tổng công ty tiến hành hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí lương, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ công tác quản lý, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. Chi phí này tương đối ổn định trong giai đoạn 2012 - 2014.

### 2.4.3. Khả năng sinh lời

**Bảng 13: Chỉ tiêu khả năng sinh lời**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Lợi nhuận gộp	22.620	24.412	24.857
Lợi nhuận sau thuế	23.840	26.354	27.272
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,19%	15,48%	14,30%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	9,15%	9,67%	10,33%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	13,30%	13,86%	13,69%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản( ROA)	5,93%	6,55%	6,66%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014

Tổng công ty duy trì lợi nhuận tăng trưởng đều đặn qua các năm nhờ tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là tư vấn xây dựng. Các chỉ số ROE, ROA, ROS đều cho thấy Tổng công ty đang có kết quả kinh doanh tương đối khả quan.

### 2.4.4. Khả năng hoạt động

**Bảng 14: Chỉ tiêu khả năng hoạt động**

Đơn vị: Lần

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay các khoản phải thu	7,89	6,28	7,15
Vòng quay hàng tồn kho	2,42	2,97	3,92
Vòng quay tài sản	0,37	0,39	0,42

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
<b>Khả năng thanh khoản</b>			
Hệ số thanh toán hiện hành	2,08	2,29	2,07
Hệ số thanh toán nhanh	1,70	1,93	1,80
Hệ số thanh toán bằng tiền	0,74	0,2	0,18

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014*

Vòng quay hàng tồn kho, khoản phải thu, tài sản được cải thiện qua các năm cho thấy khả năng quay vòng vốn kinh doanh, luân chuyển hàng tồn kho, thu hồi khoản phải thu của Tổng công ty khá tốt. Các hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 1 cho thấy tài sản ngắn hạn của Tổng công ty đủ đảm bảo thanh toán cho nợ ngắn hạn của Tổng công ty.

#### 2.4.5. Cơ cấu nguồn vốn- Tài sản Công ty mẹ VNCC

**Bảng 15: Cơ cấu nguồn vốn- Tài sản**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	284.739	70,83%	289.090	71,81%	294.288	71,90%
Tài sản dài hạn	117.272	29,17%	113.460	28,19%	115.007	28,10%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>402.012</b>	<b>100%</b>	<b>402.550</b>	<b>100%</b>	<b>409.295</b>	<b>100%</b>
Nợ ngắn hạn	137.144	34,11%	126.441	31,41%	142.424	34,80%
Nợ dài hạn	4.428	1,10%	3.446	0,86%	2.882	0,70%
Vốn chủ sở hữu	260.440	64,78%	272.663	67,73%	263.990	64,50%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>402.012</b>	<b>100%</b>	<b>402.550</b>	<b>100%</b>	<b>409.295</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014*

**Bảng 16: Các chỉ số về cân đối nợ trên nguồn vốn**

Đơn vị: Lân

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,35	0,32	0,36
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,48	0,55
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	96,87%	97,35%	98,02%
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	3,13%	2,65%	1,98%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014

Hệ số đòn bẩy Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty ở mức thấp. Nguyên nhân chủ yếu là trong giai đoạn 2012-2014 Tổng công ty hầu như không vay nợ ngân hàng. Điều này đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi không phải chịu áp lực trả nợ.

#### 2.4.6. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

**Bảng 17: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu (số dư cuối năm)	2012	2013	2014
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.369	2.157	1.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187	1.439	825
Thuế thu nhập cá nhân	2.175	839	1.694
Thuế khác	646		
<b>Tổng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.379</b>	<b>3.436</b>	<b>3.642</b>

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014

#### **2.4.7. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2012-2014**

Tổng công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong nhiều năm liên tiếp nhờ tập trung kinh doanh vào ngành nghề cốt lõi, vốn là thế mạnh từ khi thành lập của Tổng công ty. Mặc dù nền kinh tế giai đoạn 2012-2014 gặp nhiều khó khăn nhưng Tổng công ty vẫn duy trì được doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều đặn. Hoạt động kinh doanh an toàn và bền vững với cơ cấu tài sản và nguồn vốn hợp lý, ít rủi ro, lãi tiền gửi ngân hàng đem lại nguồn thu ổn định cho Tổng công ty. Đây một phần là nhờ sự cố gắng, nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên của Tổng công ty

#### **2.4.8. Hoạt động đầu tư phát triển**

Đối với lĩnh vực tư vấn thiết kế, Tổng công ty luôn tập trung phát triển các dịch vụ cốt lõi: Kiến trúc, kết cấu, MEP, Dự toán mạnh, trong đó tạo ra các mũi nhọn, đi tiên phong trong mảng sáng tác ý tưởng kiến trúc, thông qua các đề xuất thi tuyển, tuyển chọn trong nước và quốc tế. Đồng thời Tổng công ty luôn quan tâm đầu tư có trọng điểm cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học, mua sắm các phần mềm tiên tiến và tăng cường hoạt động tin học mang đẳng cấp quốc tế. Đối với nguồn nhân lực, Tổng công ty chú trọng đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao bằng việc cử các cán bộ giỏi đi học tập tại các trung tâm đào tạo, các công ty tư vấn hàng đầu trên thế giới. Ngoài ra, Tổng công ty còn tổ chức các buổi hội thảo để cán bộ nhân viên có điều kiện trao đổi, học tập với các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Ngoài ra đối với hoạt động đầu tư phát triển, Tổng công ty đã lập phương án đầu tư xây dựng trụ sở, văn phòng làm việc tại 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội (Thông tin chi tiết nêu tại Bảng 31). Đối với sàn văn phòng giao dịch Tổng công ty nhận về từ CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng (CCBM) trong năm 2014 tại VG Building tại ngõ 235 Thanh Xuân, Hà Nội, VNCC đã hoàn thành việc nhận bàn giao và đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để nhận quyền sở hữu đối với sàn văn phòng CCBM. Đồng thời Tổng công ty cũng lên kế hoạch cho các đối tác thuê đối với sàn văn phòng này.

#### **2.4.9. Công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp**

Tính đến thời điểm hiện tại Tổng công ty đã hoàn thành cổ phần hóa 2 công ty USCO và INCOSAF. Đồng thời Tổng công ty cũng đang tiến hành thực hiện phương án tăng vốn điều lệ tại CTCP Tư vấn nước và môi trường Việt Nam- VIWASE.

## 2.5. Tình hình tài chính hợp nhất VNCC ba năm trước khi cổ phần hóa

**Bảng 18: Tình hình tài chính hợp nhất 03 năm trước cổ phần hóa**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu bán thuần hàng và cung cấp dịch vụ	906.348	1.015.588	1.086.077
Doanh thu hoạt động tài chính	49.814	38.004	28.458
Doanh thu hoạt động khác	5.809	21.927	9.742
Tổng doanh thu	961.971	1.075.519	1.124.277
Lợi nhuận gộp	163.915	166.663	176.155
Lợi nhuận sau thuế	49.519	51.099	53.896
Tổng tài sản	1.335.459	1.279.264	1.015.064
Tổng Các khoản phải thu	268.599	301.498	228.518
Hàng tồn kho	313.530	268.802	183.078
Tài sản cố định	278.605	253.280	236.018
Khấu hao TSCĐ	(150.296)	(136.052)	(124.404)
Tổng các khoản phải trả KH	35.487	39.218	34.815
Người mua trả tiền trước	480.365	390.985	188.841
Tổng nợ vay	21.131	24.435	17.287
Ngắn hạn (vay và nợ ngắn hạn)	18.431	21.835	14.687
Trung – dài hạn (vay và nợ dài hạn)	2.700	2.600	2.600
Vốn chủ sở hữu	317.317	333.538	336.822
Vòng quay vốn lưu động (lần)	0,81	0,95	1,33
Khả năng thanh toán hiện hành(lần)	1,26	1,28	1,41
ROE (lợi nhuận/vốn chủ sở hữu) (%)	15,61%	15,32%	16,00%
ROA (lợi nhuận/tổng tài sản) (%)	3,71%	3,99%	5,31%
Hệ số đòn bẩy ( lần)	2,92	2,56	1,79

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012,2013,2014

## II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

### 1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN

**Bảng 19: Giá trị thực tế của doanh nghiệp sau khi xác định lại**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>409.109.640.146</b>	<b>503.049.986.001</b>	<b>93.940.345.855</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>114.821.307.910</b>	<b>175.313.632.226</b>	<b>60.492.324.316</b>
1. Tài sản cố định	17.478.305.759	16.033.364.406	(1.444.941.353)
a. TSCĐ hữu hình	16.987.474.589	15.542.533.236	(1.444.941.353)
b. TSCĐ vô hình	490.831.170	490.831.170	0
2. Các khoản đầu tư tài chính DH	96.398.712.253	157.538.791.310	61.140.079.057
3. Chi phí XDCB dở dang	0	0	0
4. Chi phí trả trước dài hạn	700.904.898	1.498.091.510	797.186.612
5. Tài sản dài hạn khác	243.385.000	243.385.000	0
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>294.288.332.236</b>	<b>310.947.922.838</b>	<b>16.659.590.602</b>
1. Tiền:	25.319.472.200	25.319.475.093	2.893
+ Tiền mặt tồn quỹ	7.914.274.307	7.914.277.200	2.893
+ Tiền gửi ngân hàng	16.154.584.893	16.154.584.893	0
+ Tiền gửi có kỳ hạn	1.250.613.000	1.250.613.000	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	193.089.115.000	193.089.115.000	0
3. Các khoản phải thu	27.758.438.361	44.418.026.070	16.659.587.709
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	37.953.450.385	37.953.450.385	0
5. Tài sản lưu động khác	10.167.856.290	10.167.856.290	0

<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>16.788.430.937</b>	<b>16.788.430.937</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>185.656.415</b>	<b>185.656.415</b>	<b>0</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>185.656.415</b>	<b>185.656.415</b>	<b>0</b>
I. Tài sản cố định	185.656.415	185.656.415	0
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1. Công nợ không có khả năng thu hồi</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP(A+B+C+D+E)</b>	<b>409.295.296.561</b>	<b>503.235.642.416</b>	<b>93.940.345.855</b>
<b>Trong đó:</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>409.109.640.146</b>	<b>503.049.986.001</b>	<b>93.940.345.855</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>145.305.503.516</b>	<b>145.305.503.516</b>	<b>0</b>
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	0	0	0
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(F1+F2)]</b>	<b>263.804.136.630</b>	<b>357.744.482.485</b>	<b>93.940.345.855</b>

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

## 2. Hiện trạng sử dụng đất của Tổng công ty

Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty đang quản lý 2.500 m<sup>2</sup> đất như sau:

**Bảng 20: Hiện trạng sử dụng đất của Tổng công ty**

TT	Địa chỉ nhà, đất báo cáo	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng đang sử dụng	Hình thức giao/thuê đất
1	Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	1.627	Làm trụ sở làm việc	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
2	Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	873	Nằm ngoài chỉ giới xây dựng (trong chỉ giới mở đường)	

*Nguồn: Phương án sử dụng đất Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

## **PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

### **I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

#### **1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Theo chủ trương của Chính phủ, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam thực hiện cổ phần hóa nhằm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn thành công ty cổ phần.

Cổ phần hóa VNCC nhằm đa dạng hóa sở hữu, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, cơ cấu vốn hỗ trợ cho chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng VNCC thành đơn vị mạnh hàng đầu về tư vấn thiết kế xây dựng cho các dự án công nghiệp và công trình trọng điểm quốc gia; có cơ cấu vốn hợp lý, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả; đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng tinh gọn và chuyên sâu.

#### **2. Yêu cầu cổ phần hóa**

Đảm bảo sự phát triển ổn định của VNCC sau cổ phần hóa.

Đảm bảo phát triển kinh doanh ổn định, tận dụng được lợi thế của cơ cấu cổ đông mới.

Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

#### **3. Hình thức cổ phần hóa**

Hình thức cổ phần hóa: Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

Căn cứ để lựa chọn hình thức cổ phần hóa:

- Việc lựa chọn hình thức cổ phần hóa dựa trên kế hoạch đầu tư và nhu cầu vốn của Tổng công ty trong tương lai.
- Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông Nhà nước: 51%
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Tổng công ty, kế hoạch đầu tư cũng như nhu cầu sử dụng vốn của Tổng công ty sau cổ phần hóa, việc điều chỉnh vốn điều lệ nhằm tận dụng nguồn lực, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty. Do vậy, hình thức cổ phần hóa VNCC được lựa chọn là kết hợp bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại Tổng công ty.

#### 4. Thông tin chung của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

##### 4.1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM- CTCP
- Tên tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANTS JSC
- Tên viết tắt: VNCC
- Trụ sở chính: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 37667463                      Fax: (84-4) 37667464
- Website: [www.vncc.vn](http://www.vncc.vn)
- Logo:



- Vốn điều lệ: 357.744.480.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

##### 4.2. Hình thức pháp lý

VNCC có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty cổ phần; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản pháp lý khác liên quan, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

##### 4.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau:
  - Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;

- Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, cảng và cầu cảng;
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
- Tư vấn thiết kế phòng chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, Bưu chính viễn thông;
- Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
- Tư vấn, thiết kế các công trình văn hóa, thể thao.
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;
- Xử lý nền móng các loại công trình;
- Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Khai thác nước ngầm;
- Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.

- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;

## 5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

### 5.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Kết quả công bố giá trị phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam theo Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/08/2015 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 là 357.744.482.485 đồng.

Căn cứ vào Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, nhu cầu vốn điều lệ của doanh nghiệp cần tài trợ cho những khoản mục sau:

**Bảng 21: Nhu cầu vốn điều lệ**

<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>175.313.632.226</b>
1. Tài sản cố định	16.033.364.406
a. TSCĐ hữu hình	15.542.533.236
b. TSCĐ vô hình	490.831.170
2. Các khoản đầu tư tài chính DH	157.538.791.310
3. Chi phí XD CB dở dang	0
4. Chi phí trả trước dài hạn	1.498.091.510
5. Tài sản dài hạn khác	243.385.000
<b>II. Tài sản lưu động</b>	<b>165.637.115.000</b>
1. Vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	20.000.000.000
2. Vốn đầu tư xây dựng trụ sở	145.607.115.000
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	<b>16.788.430.937</b>
<b>Tổng nhu cầu vốn điều lệ của doanh nghiệp</b>	<b>357.709.178.163</b>

Kết hợp với kết quả công bố giá trị phần vốn Nhà nước, VNCC xác định vốn điều lệ sau cổ phần hóa là 357.744.480.000 đồng.

## 5.2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 357.744.480.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tương ứng 35.774.448 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

**Bảng 22: Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
1	Nhà nước	18.244.968	182.449.684.800	51%
2	Cổ phần bán cho người lao động	1.779.500	17.795.000.000	4,97%
2.1	Lao động được mua theo giá ưu đãi (theo mức 100 cổ phần/năm)	418.800	4.188.000.000	1,17%
2.2	Lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm cổ phần ưu đãi (theo mức 200 cổ phần/năm)	347.200	3.472.000.000	0,97%
2.3	Lao động là chuyên gia giỏi mua theo giá ưu đãi (theo mức 500 cổ phần/năm)	1.013.500	10.135.000.000	2,83%
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài	6.806.368	68.063.675.200	19,03%
4	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược	8.943.612	89.436.120.000	25%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.774.448</b>	<b>357.744.480.000</b>	<b>100%</b>

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là: 175.294.795.200 đồng, tương ứng với 17.529.480 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ.

## 6. Phương thức phát hành cổ phần

### 6.1. Bán đấu giá công khai

#### 6.1.1. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần VNCC chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là 6.806.368 cổ phần, tương đương với 19,03% vốn điều lệ.

### 6.1.2. Phương pháp chào bán và cơ quan thực hiện chào bán cổ phần

Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành. Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần: Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt.

### 6.1.3. Xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng trên cơ sở:

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp VNCC được phê duyệt tại Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/08/2015 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam;

Tiềm năng phát triển của VNCC trong tương lai;

Đánh giá tình hình thị trường chứng khoán.

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, giá khởi điểm đề xuất là 10.000 đồng/cổ phần. Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ xác định giá khởi điểm theo Phụ lục 4 đính kèm

### 6.1.4. Lộ trình thực hiện

**Bảng 23. Lộ trình thực hiện**

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
Ngày Phương án cổ phần hóa được phê duyệt	T
VNCC mở tài khoản phong tỏa tại ngân hàng thương mại	T + 1
Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt Hồ sơ bán đấu giá cổ phần	T + 7
Ký kết hợp đồng bán đấu giá với Tổ chức thực hiện đấu giá	T + 8
Thông báo đăng ký làm đại lý của Tổ chức thực hiện đấu giá	T + 13

Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá và Bản công bố thông tin	T + 19
Phối hợp với Tổ chức thực hiện đấu giá, tư vấn tổ chức buổi bán đấu giá	T + 40
Nhận tiền thu từ bán cổ phần từ Tổ chức thực hiện đấu giá	T + 47
Thu tiền mua cổ phần của Người lao động, Công đoàn	Từ T + 55
Ban chỉ đạo cổ phần hóa xác định số tiền được để lại doanh nghiệp và khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN khi cổ phần hóa.	T + 56
Chuyển tiền từ tài khoản phong tỏa về tài khoản của doanh nghiệp	T + 60
Chuẩn bị và tổ chức đại hội đồng cổ đông	T+80

*Ghi chú: lộ trình được tính theo ngày làm việc và trên cơ sở phương án bán đấu giá lần đầu thành công. Trong trường hợp phải tổ chức bán đấu giá lần 2 thì thời gian thực hiện đấu giá lần 2 sẽ thay đổi như sau:*

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt Hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần 2	T + 48
Ký kết hợp đồng bán đấu giá với Tổ chức thực hiện đấu giá lần 2	T + 49
Thông báo đăng ký làm đại lý của Tổ chức thực hiện đấu giá	T + 54
Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá và Bản công bố thông tin	T + 59
Phối hợp với Tổ chức thực hiện đấu giá, Tổ chức tư vấn tổ chức buổi bán đấu giá	T + 66
Nhận tiền thu từ bán cổ phần từ Tổ chức thực hiện đấu giá	T + 73

---

Ban chỉ đạo cổ phần hóa xác định số tiền được để lại doanh nghiệp và khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa.	T + 74
Chuyển tiền từ tài khoản phong tỏa về tài khoản của doanh nghiệp	T + 78
Chuẩn bị và tổ chức đại hội đồng cổ đông	T + 98

---

## 6.2. Chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược

### 6.2.1. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần VNCC chào bán ra Nhà đầu tư chiến lược là 8.943.612 cổ phần, tương đương với 25% vốn điều lệ.

### 6.2.2. Mục tiêu chào bán

Mục đích trong việc chọn cổ đông chiến lược là nhằm lựa chọn được nhà đầu tư có uy tín, thương hiệu mạnh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, có năng lực tài chính, năng lực quản trị, năng lực kinh doanh cùng đồng hành phát triển dài hạn, chia sẻ lợi ích, mục tiêu phát triển Tổng công ty với giá trị cốt lõi là tư vấn xây dựng và có khả năng hỗ trợ Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam trong việc:

- Phát triển, mở rộng thị trường trong và ngoài nước phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty sau cổ phần hóa và xu hướng hội nhập quốc tế.
- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, quản lý rủi ro; Hỗ trợ và mở rộng mối quan hệ, cơ hội hợp tác của Tổng Công ty với tới các đối tác, doanh nghiệp, chủ đầu tư mới trong và ngoài nước nhằm mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông Tổng Công ty sau cổ phần hóa;
- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển của Tổng công ty và hỗ trợ nhân lực, vật lực để cùng triển khai các dự án lớn của Tổng công ty;
- Chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực tư vấn xây dựng; Áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình tạo ra sản phẩm dịch vụ tư vấn đạt chất lượng, năng suất lao động và hiệu quả cao.

### 6.2.3. Tiêu chí lựa chọn

Cổ đông chiến lược phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chí sau đây:

#### Tiêu chí chung:

- Các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, có lợi ích phù hợp với lợi ích phát triển của Tổng công ty và (hoặc) các nhà thầu tổng hợp, nhà đầu tư tài chính có thương hiệu uy tín trên thị trường;
- Có chung quan điểm, định hướng phát triển dài hạn và có nét tương đồng trong văn hóa quản trị phù hợp với lợi ích và chiến lược phát triển của Tổng công ty, hỗ trợ Tổng công ty không chỉ thị trường trong nước mà còn hướng ra bên ngoài trong bối cảnh hội nhập sâu rộng giữa Việt nam với các nước trên thế giới;
- Có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm tính từ thời điểm đăng ký tham gia cổ đông chiến lược;
- Có cam kết bằng văn bản không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày mua cổ phần, trở thành cổ đông chiến lược;
- Có cam kết bằng văn bản sử dụng và đào tạo lại (nếu có) lao động hiện có trong thời gian tối thiểu là 05 năm kể từ ngày tham gia đầu tư vào Tổng công ty;
- Có cam kết bằng văn bản, hợp đồng về việc hỗ trợ Tổng công ty trong các lĩnh vực về tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty.
- Về năng lực tài chính:
  - + Tình hình tài chính lành mạnh, tại thời điểm nộp hồ sơ không có nợ quá hạn và lỗ lũy kế;
  - + Chứng minh có đủ nguồn vốn góp trong trường hợp được lựa chọn;
  - + Hoạt động kinh doanh có lãi (thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán) trong 03 năm liền kề trước khi đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty;
  - + Không là nhà đầu tư chiến lược, cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn điều lệ tại bất kỳ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam tại thời điểm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược;
  - + Không thực hiện các giao dịch nào với công ty khác, mà các giao dịch này dẫn đến xung đột lợi ích với VNCC.
- Ngoài các tiêu chí nêu trên, nhà đầu tư nước ngoài phải có tài khoản tại một trong các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt nam và

tuân thủ pháp luật Việt nam, mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này; Có văn bản ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư) nếu ủy quyền cho tổ chức đại diện tại Việt nam thực hiện mua cổ phần.

**Tiêu chí cụ thể:**

- Số lượng và phân loại nhà đầu tư sẽ gồm một Công ty tư vấn quốc tế lớn và (hoặc) Nhà thầu xây dựng tổng hợp và (hoặc) Nhà đầu tư tài chính (từ 02 đến không quá 03 nhà đầu tư) ưu tiên theo các thứ tự sau:
  - + Với nhà đầu tư là Công ty tư vấn quốc tế lớn có cùng ngành nghề và sẽ ưu tiên những hãng tư vấn có nhiều kinh nghiệm, chuyên sâu về triển khai concept, kiến trúc, kết cấu, mep...
  - + Với Nhà thầu xây dựng tổng hợp lớn có thương hiệu uy tín trong và ngoài nước hướng đến phối hợp với Tổng công ty trong các dự án tổng thầu EPC; tổng thầu thiết kế và thi công (Design & Build) ưu tiên nhà thầu có ứng dụng công nghệ mới như công nghệ BIM vào triển khai dự án.
  - + Với Nhà đầu tư tài chính có liên quan đến các dự án bất động sản sẽ hỗ trợ Tổng công ty tham gia vào các dự án lớn trong nước và ngoài nước với các nhóm tư vấn quốc tế. Đồng thời có giải pháp quản trị tài chính linh hoạt phù hợp với Tổng công ty giúp nâng cao hiệu quả, giá trị công ty, thương hiệu mở rộng thị trường và không tham gia sâu vào quản trị (không dịch chuyển ngành nghề, cơ cấu tổ chức...)

**6.2.4. Xác định giá chào bán**

VNCC kiến nghị lộ trình chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược sau khi bán đấu giá công khai. Theo quy định tại Nghị định 59, đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

**6.3. Chào bán ưu đãi cho Người lao động**

**6.3.1. Mục tiêu chào bán**

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với sự phát triển của Tổng công ty, ghi nhận

những đóng góp và tạo động lực để người lao động gắn bó lâu dài cùng phát triển VNCC trong tương lai.

### **6.3.2. Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần và Quy mô chào bán**

Tổng số lượng cổ phần VNCC chào bán cho người lao động theo chính sách ưu đãi trong doanh nghiệp cổ phần hóa là 1.779.500 cổ phần, tương ứng 4,97% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

#### **Chào bán cho người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi:**

- Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.
- Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:
  - Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;
  - Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);
  - Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Giá bán cổ phần chào bán: 60% giá đầu giá thành công thấp nhất
- Tổng số cổ phần người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty mẹ - VNCC tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua cổ phần ưu đãi là: 418.800 cổ phần.

**Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao**

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Tổng công ty mẹ - VNCC tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Thời gian cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp tối đa là 10 năm.

Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc của VNCC dự kiến là: 347.200 cổ phần.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp được mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Đối tượng người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau:

- Người lao động có thời gian công tác tại VNCC ít nhất 03 năm, có cống hiến cho Tổng công ty, đã khẳng định được năng lực của bản thân và được Tổng công ty ghi nhận bằng việc bổ nhiệm nắm giữ các chức vụ quản lý, điều hành gồm: thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên, Chủ tịch Công Đoàn, Phó Chủ tịch Công Đoàn và các chức danh Trưởng/Phó các Phòng/Ban, Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm và các chức vụ quản lý tương đương.
- Cán bộ công nhân viên có trình độ thạc sỹ trở lên và có thời gian công tác tại VNCC tối thiểu 01 năm.
- Cán bộ công nhân viên là Kỹ sư chính, Kiến trúc sư chính, chuyên viên chính, Kỹ sư hoặc Kiến trúc sư bậc lương  $\geq 6/8$  hoặc nắm giữ vai trò là chủ trì dự án, chủ nhiệm dự án.
  - Giá bán cổ phần ưu đãi cho đối tượng người lao động mua thêm hoặc người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nêu trên là giá đấu thành công thấp nhất sau khi đấu giá công khai.
  - Tổng số cổ phần chào bán người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại VNCC: 1.013.500 cổ phần.

Danh sách người lao động và số lượng cổ phần bán cổ phần ưu đãi cho người lao động chi tiết theo Phụ lục số 2 đã được thông qua tại Nghị quyết số 102/NQ-VNCC ngày

10/9/2015 của VNCC về việc Hội nghị công nhân viên chức thông qua Phương án cổ phần hóa và đã công khai cho người lao động.

#### 7. Xử lý cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần người lao động và công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

Căn cứ Điều 40 Nghị định 59, Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Quyết định 51, SCIC tham gia mua cổ phần lần đầu tại các doanh nghiệp cổ phần hóa theo phương thức thỏa thuận sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện bán đấu giá công khai như sau:

- a) Trường hợp bán đấu giá cổ phần lần đầu nhưng không thành công, SCIC mua cổ phần với giá bằng mệnh giá.
- b) Trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán qua đấu giá thì SCIC mua cổ phần với giá bằng giá đấu thành công thấp nhất (đối với trường hợp mua ngay sau khi bán đấu giá) hoặc với giá bằng giá thỏa thuận thành công thấp nhất (đối với trường hợp bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư khác nhưng không bán hết).
- c) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký đấu giá (đối với trường hợp bán đấu giá không thành công) hoặc từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần (đối với trường hợp không bán hết cổ phần qua đấu giá) hoặc từ ngày hoàn tất việc bán cổ phần cho nhà đầu tư khác (đối với trường hợp bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư khác nhưng không bán hết), Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho SCIC để xem xét, quyết định và hoàn tất việc mua cổ phần trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp.”

Trường hợp doanh nghiệp bán cổ phần cho SCIC theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 nhưng không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển

thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

#### 8. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ theo Tờ trình số 224/TTr-VNCC ngày 7/11/2014 của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam và văn bản số 3100/BXD-KHTC ngày 28/11/2014 của Bộ xây dựng về việc duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa và lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa VNCC, chi phí cổ phần hóa dự kiến như sau:

**Bảng 24: Chi phí cổ phần hóa**

TT	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp</b>	<b>225.000.000</b>
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	15.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	20.000.000
3	Chi phí đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	40.000.000
4	Chi phí cho hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp văn phòng phẩm	30.000.000
5	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu	120.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>550.000.000</b>
1	Chi phí chi trả cho đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (Không tính đến việc xác định lại giá trị doanh nghiệp của Usco và Incosaf nếu có)	200.000.000
2	Chi phí chi trả cho đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa và tư vấn bán đấu giá cổ phần	200.000.000
3	Chi phí tổ chức bán cổ phần nộp cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	150.000.000
<b>III</b>	<b>Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc</b>	<b>384.000.000</b>
1	Thù lao của Ban chỉ đạo cổ phần hóa	240.000.000
2	Thù lao cho Tổ giúp việc	144.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>50.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.209.000.000</b>

## 9. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

**Bảng 25: Phương án sử dụng số tiền thu được từ phát hành**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị (đồng)
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Bộ xây dựng	đồng	357.744.482.485
2	Vốn điều lệ sau CPH	đồng	357.744.480.000
3	Khoản tiền VNCC nộp lại Nhà nước trong trường hợp giảm vốn tại VNCC	đồng	2.485
4	Giá khởi điểm dự kiến bán (đồng/cổ phần)	đồng	10.000
5	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	đồng	173.619.595.200
5.1	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV (Phần thu 60%)	đồng	2.512.800.000
5.2	Thu từ bán cổ phần cam kết cho CBCNV (Phần mua thêm)	đồng	13.607.000.000
5.3	Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài	đồng	68.063.675.200
5.4	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	đồng	89.436.120.000
6	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	đồng	0
7	Chi phí cổ phần hóa	đồng	1.209.000.000
8	Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư	đồng	0
9	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp $(9)=(3)+(5)+(6)-(7)-(8)$	đồng	172.410.597.685

**Ghi chú:**

Tính toán trên dựa trên các yếu tố sau:

- Các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần được chào mua.
- Giá đấu thành công thấp nhất tạm thời tính bằng giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần. Do đó không có thặng dư vốn để lại doanh nghiệp.

Theo Khoản 1 và 2, Điều 11, Thông tư 196/2011/TT-BTC, Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp cổ phần hóa và ngân hàng thương mại nơi VNCC mở tài khoản phong tỏa xác nhận số tiền đã chuyển trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc. VNCC chuyển số tiền được để lại doanh nghiệp từ tài khoản phong tỏa về tài khoản của doanh nghiệp trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo xác nhận của cơ quan quản lý Quỹ để quản lý, sử dụng theo quy định.

Khoản tiền còn lại là 172.410.597.685 đồng nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

## **II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Phương án tổ chức và quản lý điều hành sau cổ phần hóa**

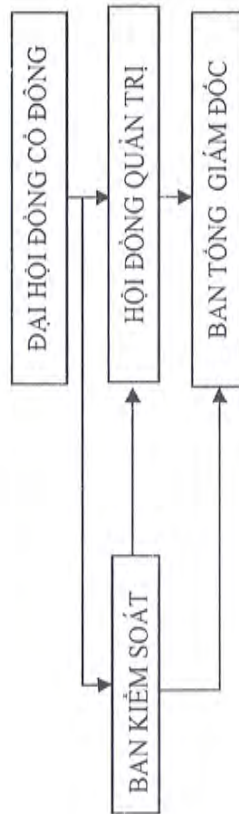
Mô hình tổ chức Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam sau cổ phần hóa được hoàn thiện trên cơ sở kiện toàn, tổ chức lại các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty hiện nay và sắp xếp lại phòng ban chức năng theo định hướng sau:

- Tổ chức, xây dựng nhóm công ty gồm Công ty mẹ, công ty thành viên, công ty liên kết tạo ra chuỗi giá trị khai thác tối ưu hóa thị trường.
- Nâng cao trình độ quản trị hiện đại, khả năng phối hợp giữa Công ty mẹ và các công ty thành viên dựa trên chính sách của Công ty mẹ.
- Giảm vốn, thoái vốn nhà nước tại các công ty thành viên, công ty liên kết hoạt động kém hiệu quả và ít liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính. Tăng vốn điều lệ cho những công ty hoạt động hiệu quả mà hiện có số vốn điều lệ thấp.
- Định hướng chiến lược theo chiều ngang nhằm khai thác các mối tương quan giữa các công ty (chia sẻ phát triển ứng dụng công nghệ; chia sẻ thông tin thị trường; đào tạo; quảng bá...) Phân nhóm các công ty theo thế mạnh để phát huy, phối hợp theo từng nhóm trong từng lĩnh vực như Tư vấn thiết kế xây dựng (VNCC, NAGECCO, VCC, CDC); Quản lý dự án, giám sát thi công, kiểm định chất lượng và thí nghiệm (CONINCO, INCOSAF); Tư vấn, sản xuất vật liệu xây dựng (CCBM); Tư vấn xây dựng, đầu tư lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường (VIWASE); Khảo sát và xây dựng, xử lý nền móng (USCO), sản xuất, kinh doanh phần mềm tin học xây dựng (CIC). Phân nhóm xuất phát từ những cơ hội để chia sẻ các hoạt động trong chuỗi giá trị của các công ty có liên quan đến nhau nhằm tạo được sự đồng tâm hiệp lực tạo ra lợi ích chung, lợi thế cạnh tranh.

- Cơ cấu tổ chức có phân quyền điều hành theo chức năng chuyên môn và phân công trách nhiệm rõ ràng cụ thể đối với từng phòng ban chức năng. Quy mô tổ chức tập trung làm nền tảng cho sự vận hành kinh doanh đạt hiệu quả và giảm tối đa chi phí hoạt động. Các phòng ban chức năng chủ động phối hợp và cùng giải quyết nhiệm vụ phân công nhằm hướng đến hiệu quả chung của tổng thể Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP;
- Đảm bảo cơ cấu tổ chức linh hoạt, đối phó với sự thay đổi yếu tố môi trường kinh doanh bên ngoài. Quy trình vận hành nội bộ mang tính hệ thống nhằm nhanh chóng đưa ra các quyết sách theo tình huống phát sinh và đáp ứng kịp thời với yếu tố thay đổi của tổ chức;
- Thành lập các công ty thành viên từ các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ VNCC và thành lập mới cho các lĩnh vực: Nội thất, cảnh quan, mặt ngoài, quản lý chi phí.... nhằm mở rộng thị trường, tăng doanh thu, sản lượng.
- Cơ cấu các công ty thành viên theo một trong các mô hình: Mô hình chuyên môn hóa, mô hình đa dạng hóa, mô hình dựa theo địa bàn hoạt động.. tùy theo đặc thù hoạt động sản xuất khác nhau.

Cơ cấu tổ chức Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam sau cổ phần hóa thể hiện qua sơ đồ sau:

**Bảng 26: Cơ cấu tổ chức của VNCC**



KHỐI SX TRỰC THUỘC TCT	
Văn phòng kiến trúc 1	
Văn phòng quy hoạch và hạ tầng	
Văn phòng kiến trúc 3	
Văn phòng kiến trúc 4	
Văn phòng kiến trúc 5	
Văn phòng dự án	
Văn phòng kết cấu 1	
Văn phòng kết cấu 2	
Văn phòng kết cấu 3	
Văn phòng kinh tế dự án	
Văn phòng cơ điện nước môi trường	
Xí nghiệp khảo sát kiểm định chất lượng xây dựng	
Chi nhánh Trung tâm khoa học công nghệ xây dựng và môi trường	
Chi nhánh Tư vấn giám sát và QLDA	
Chi nhánh TP HCM	
Chi nhánh Trung tâm tư vấn xây dựng	
Các văn phòng sẽ thành lập mới sau cổ phần hóa	

KHỐI CHỨC NĂNG	
Văn phòng Tổng công ty	
Phòng tổ chức và phát triển nguồn nhân lực	
Phòng tài chính kế toán	
Phòng kế hoạch và đầu tư	
Phòng thị trường	

CÁC CÔNG TY CON	
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng - CCBM	
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam- CDC	
CTCP Tư vấn xây dựng Tổng hợp- NAGECCO	
CTCP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam-VCC	
CTCP Tư vấn nước và môi trường Việt Nam- VIWASE (hiện nay Viwase đang thực hiện tăng vốn điều lệ, VNCC không tiếp tục đầu tư và bán quyền mua, nên từ năm 2016 Viwase sẽ là Công ty liên kết)	
Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng USCO	
Các công ty con sẽ thành lập mới sau cổ phần hóa	

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT	
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	
CTCP Kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng - INCOSAF	
CTCP tin học và tư vấn xây dựng- CIC	

## 2. Phương án đào tạo và sắp xếp lại lao động

### 2.1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 413 người.

Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 0 người.

Tổng số lao động được giữ lại để tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa là 413 người.

(Chi tiết phụ lục 05 đính kèm)

**Bảng 27 Kế hoạch sắp xếp lao động sau cổ phần hóa**

TT	Đối tượng người lao động	Số lượng (người)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	413	Mẫu số 1 TT 33
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	10	
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	403	
	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	341	
	Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	54	
	Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng	8	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	5	
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	0	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng	0	Mẫu số 3 TT 33
	Hết hạn hợp đồng lao động	0	
	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật		

3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0	Mẫu số 4 TT 33
	Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP	0	
	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
<b>III</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	413	Mẫu số 5 TT33
	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	403	
	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	5	
	Ôm đau	0	
	Thai sản	5	
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:	0	
	Nghĩa vụ quân sự	0	
	Nghĩa vụ công dân khác	0	
	Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	Do Công ty và người lao động thỏa thuận (không quá 3 tháng)	0	

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:

**Bảng 28: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
	Tổng số lao động	413	100%
1	<b>Phân theo đơn vị</b>		
	Phòng kế hoạch đầu tư	32	5,52%
	Văn phòng Tổng công ty	16	6%
	Phòng tổ chức và phát triển nguồn nhân lực	4	0,96%
	Phòng tài chính kế toán	8	1,92%
	Văn phòng kiến trúc 1	21	4,80%
	Văn phòng quy hoạch hạ tầng	21	5,28%
	Văn phòng kiến trúc 3	18	4,56%
	Văn phòng kiến trúc 4	20	4,80%
	Văn phòng kiến trúc 5	23	5,52%
	Văn phòng dự án	19	4,56%
	Văn phòng kết cấu 1	20	5,04%
	Văn phòng kết cấu 2	29	6,95%
	Văn phòng kết cấu 3	27	6,47%
	Văn phòng Cơ điện- Nước- Môi trường	38	9,35%
	Xí nghiệp khảo sát và kiểm định chất lượng xây dựng	30	7,67%
	Chi nhánh tư vấn giám sát và quản lý dự án VNCC	34	8,15%
	Văn phòng kinh tế dự án	20	4,56%
	Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	18	4,32%
	Trung tâm tư vấn xây dựng VNCC tại TP Hồ Chí Minh	15	3,60%

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
2	Phân theo hợp đồng lao động		
	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	10	2,40%
	HĐLĐ không thời hạn	341	82,25%
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	54	13,67%
	HĐLĐ dưới 1 năm	8	1,68%

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

Chất lượng lao động luôn là một trong những mục tiêu chú trọng hàng đầu của Tổng công ty, là sức mạnh giúp Tổng công ty luôn đi đầu trong công tác nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng công nghệ. Trên 92% lao động của Tổng công ty có trình độ đại học và trên đại học. Điều này cho thấy chất lượng của đội ngũ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty là tương đối tốt. Độ tuổi trung bình của các cán bộ công nhân viên của Tổng công ty là 37 tuổi cho thấy các cán bộ công nhân viên của Tổng công ty có trình độ, thâm niên làm việc lâu năm vì vậy chất lượng công việc của Tổng công ty cũng sẽ được đảm bảo.

## 2.2. Kế hoạch xử lý lao động thôi việc, mất việc

Do toàn bộ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần vì vậy công ty không cần chuẩn bị kế hoạch xử lý lao động thôi việc, mất việc.

## 2.3. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Chính sách tuyển dụng của Tổng công ty là chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để bổ sung cho nguồn nhân lực sẵn có. Nhằm củng cố nâng cao chất lượng nguồn lao động, công ty chủ trương cử các cán bộ giỏi đi học tập tại các trung tâm đào tạo, các công ty tư vấn hàng đầu trên thế giới. Hình thành trung tâm dịch vụ đào tạo, cấp chứng chỉ để tự đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, công ty tập trung đầu tư chiều sâu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và phát triển tương xứng với tầm vóc mới của Tổng công ty.

Tổng công ty còn xây dựng chế độ lương, thưởng hấp dẫn nhằm thu hút các cán bộ kiến trúc sư, kỹ sư đạt trình độ ngang tầm khu vực ASEAN trong một số lĩnh vực như nhà siêu cao tầng, công trình biển, điện, hạt nhân, giao thông ngầm, nghiên cứu phát triển và quản lý dự án trong vai trò tổng thầu EPC.

Nhằm nâng cao năng lực, bổ sung kiến thức cho đội ngũ nhân lực hiện có, Tổng công ty dự kiến kế hoạch đào tạo cho 130 người với ngành nghề và thời gian đào tạo như sau:

**Bảng 29: Kế hoạch đào tạo cán bộ**

STT	Chương trình đào tạo	Số lượng (khóa)	Kinh phí (đồng)	Thời gian
<b>I</b>	<b>Chương trình đào tạo cơ bản</b>			
1	Chương trình đào tạo cho tổ hợp VC group	3	40.000.000	Theo thông báo
2	Chương trình đào tạo cho khối phòng ban chức năng	3	26.000.000	Theo thông báo
3	Chương trình đào tạo cho khối sản xuất	14	3.000.000	Theo thông báo
4	Chương trình đào tạo khác	2	28.000.000	Theo thông báo
<b>II</b>	<b>Chương trình đào tạo nâng cao</b>			
5	Chương trình đào tạo cho tổ hợp VC group	2	20.000.000	Theo thông báo
6	Chương trình đào tạo cho khối sản xuất	11	169.000.000	Theo thông báo
<b>III</b>	<b>Chương trình đào tạo chuyên sâu</b>			
7	Chương trình đào tạo cho lãnh đạo Tổng công ty	2	37.000.000	Theo thông báo
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37</b>	<b>323.000.000</b>	

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

### 3. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

**Bảng 30: Tình hình sử dụng đất đai sau cổ phần hóa**

Loại đất	Diện tích đất (m2)	Tỷ lệ trên tổng diện tích
Đất thuê trả tiền hàng năm	2.500	100%
<b>Tổng</b>	<b>2.500</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

**Bảng 31: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa**

Tổng công ty đang quản lý 2.500m<sup>2</sup> đất như sau:

Địa chỉ thửa đất/ dự án	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	
		Phương án sử dụng đất	Loại hình sử dụng đất
Trụ sở 243 Đê La Thành, Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.	1.627	Làm trụ sở làm việc	Thuê đất 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
Trụ sở 243 Đê La Thành, Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.	873	Nằm ngoài chỉ giới xây dựng (trong chỉ giới mở đường)	

*Nguồn: Phương án sử dụng đất Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

Đối với phần diện tích sàn chưa sử dụng hết của trụ sở sau này, VNCC dự kiến sẽ cho một số đối tác thuê làm văn phòng làm việc.

Căn cứ văn bản số 4695/UBND-KT của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 07 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã nhất trí thỏa thuận phương án sử dụng đất tại số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Diện tích: 2.500 m<sup>2</sup>) của Tổng công ty khi cổ phần hóa. Theo đó, 1.627 m<sup>2</sup> diện tích đất của Tổng công ty sẽ được sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc, kinh doanh theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Tổng công ty đã xây dựng phương án đầu tư xây dựng trụ sở như sau:

**Bảng 32: Dự án đầu tư trụ sở mới của Tổng công ty**

Chủ đầu tư	Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam
Tên công trình	Trụ sở Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tại 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
Tổng mức đầu tư	145.607.115.000 đồng
Địa điểm xây dựng	243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
Quy mô trụ sở	08 tầng nổi và 02 tầng hầm với diện tích ô đất 1.627m <sup>2</sup> (trong đó diện tích xây dựng 1.037 m <sup>2</sup> ), chiều cao tối đa 30,2 m.
Cấp công trình	Cấp 2
Thời gian thực hiện	2015 - 2017

*Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam*

#### 4. Phương án kinh doanh sau cổ phần hóa

##### 4.1. Chiến lược phát triển

- Phát triển Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam đạt trình độ tư vấn tiên tiến trong khu vực ASEAN, làm chủ các ứng dụng công nghệ hiện đại trong tư vấn thiết kế xây dựng, có thương hiệu trên thị trường ASEAN.
- Xây dựng Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam có cơ cấu hợp lý, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng được đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn có đủ năng lực thực hiện các dự án lớn, trọng điểm quốc gia. Trở thành tổng thầu tư vấn, EPC mạnh.
- Hoàn thiện hoạt động Công ty mẹ theo mô hình công ty cổ phần. Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, phát triển hoạt động kinh doanh tập trung vào các ngành, nghề chính nhằm thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.
- Xây dựng nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ, đào tạo để thực hiện tổng thầu các dự án lớn, tổng thầu EPC. Tạo lập ra lợi thế cạnh tranh trong đấu thầu, thi tuyển trong nước và quốc tế. Nâng cao năng suất lao động tiệm cận với năng suất lao động của các doanh nghiệp tư vấn thiết kế trong khu vực ASEAN. Tạo dựng được thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường ASEAN.
- Phát triển thị phần trong nước tiến tới chiếm lĩnh thị phần cao trong phân khúc các dự án có quy mô lớn, các công trình cấp đặc biệt. Tăng cường dịch vụ tư vấn và phát triển chiếm được thị phần cho các mảng công việc: Công trình năng lượng; Công trình công nghiệp hóa dầu; Công trình công nghiệp nhẹ; Công trình đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Quy hoạch phát triển đô thị.... Đẩy mạnh hợp tác với đối tác nước ngoài và mở rộng thị trường ra khỏi ASEAN. Tăng trưởng doanh thu tối thiểu từ 5-10%.
- Căn cứ tình hình cụ thể và khả năng thị trường, tiếp tục điều chỉnh vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty mẹ, các công ty thành viên và công ty liên kết. Thành lập các công ty thành viên mới từ các đơn vị trực thuộc có hệ thống quản lý tốt nhằm thực hiện tốt ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, năng lực cạnh tranh.
- Tập trung phát triển các dịch vụ cốt lõi: Kết cấu, MEP, Dự toán mạnh, trong đó tạo ra

các mũi nhọn, đi tiên phong trong mảng sáng tác ý tưởng kiến trúc, thông qua các đề xuất thi tuyển, tuyển chọn trong nước và quốc tế, nâng cao vị thế, uy tín và thương hiệu Tổng công ty.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong việc đề xuất các giải pháp kỹ thuật mới, kinh tế, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả. Tiến tới làm chủ công nghệ lĩnh vực mới như thiết kế các công trình siêu cao tầng; công trình ngầm phức tạp; công trình năng lượng: nhà máy điện, hạt nhân; công trình biển; công trình công nghiệp; công trình nhà ở tiết kiệm năng lượng, nhà ở sinh thái, công trình kiến trúc xanh.

#### 4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và giải pháp thực hiện

**Bảng 33: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016-2018**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Vốn điều lệ	357.744	357.744	357.744
Tổng doanh thu	204.832	232.861	228.211
Doanh thu tư vấn, thiết kế	191.489	204.077	217.609
Doanh thu tài chính	13.342	11.284	10.602
Doanh thu hoạt động khác	0	17.500	0
Tổng chi phí	184.455	209.323	205.138
Giá vốn hàng bán	165.306	174.929	187.729
Chi phí tài chính	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.149	17.894	17.409
Chi phí khác	0	16.500	0
Lợi nhuận trước thuế	20.377	23.538	23.074
Lợi nhuận sau thuế	17.742	20.270	19.899
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	2.661	3.041	1.990
Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	3.548	4.054	3.980
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không chuyên trách	355	405	398
Cổ tức được chia	11.177	12.770	13.531
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ	3,1%	3,6%	3,8%
Thu nhập trên 01 cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	496	567	556
Số cổ phần	35.774.448	35.774.448	35.774.448
Tổng quỹ lương	71.000	72.000	72.000

Tổng số lao động (người)	469	469	469
TNBQ của người lao động (triệu đồng/tháng)	11	11.8	11.8

Nguồn: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

#### 4.2.1. Giải pháp cổ phần hóa, đầu tư, tài chính

- Cổ phần hóa là giải pháp trọng tâm và chủ yếu của tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty. Thay đổi phương thức quản lý trong Tổng công ty, tạo động lực thúc đẩy Tổng công ty kinh doanh phát triển, tăng tài sản cho Nhà nước, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Thành lập các công ty thành viên từ các đơn vị trực thuộc và thành lập mới cho các lĩnh vực: Nội thất, cảnh quan, mặt ngoài, quản lý chi phí nhằm sử dụng lợi thế và ưu thế hiện có đồng thời mở rộng dịch vụ, thị trường, tăng doanh thu.
- Xây dựng hệ thống nhà cung cấp và nhà thầu uy tín để thực hiện mục tiêu Tổng thầu tư vấn, tổng thầu EPC.

#### 4.2.2. Phát triển nguồn lực

- Phát triển đồng bộ lực lượng lao động về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để thay thế và bổ sung cho lực lượng lao động sẵn có. Cử các cán bộ giỏi đi học tập tại các trung tâm đào tạo, cấp chứng chỉ để tự đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu của Công ty mẹ, công ty thành viên.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi có năng lực thiết kế các công trình xanh tiết kiệm năng lượng, công trình biển, nhà máy điện hạt nhân, các công trình xây dựng trong điều kiện tự nhiên phức tạp.
- Xây dựng chính sách ưu đãi nhằm gắn bó lâu dài các nhân sự tốt, có kinh nghiệm với Tổng công ty.

#### 4.2.3. Khoa học công nghệ

- Xây dựng chiến lược khoa học công nghệ, có chính sách ưu tiên các nguồn lực, đầu tư có trọng điểm cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học, mua sắm các phần mềm tiên tiến và tăng cường hoạt động của Trung tâm khoa học công nghệ. Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, các mạng lưới trao đổi học thuật, ứng dụng và kết hợp giữa đào tạo và phổ biến kinh nghiệm thực tiễn.

- Triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại trong thiết kế, quản lý chi phí, tính toán và mô phỏng tiêu thụ năng lượng (thiết kế hoàn toàn bằng công nghệ BIM), rút ngắn thời gian thiết kế, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng tư vấn thiết kế.

#### **4.2.4. Tổ chức sản xuất kinh doanh**

- Thực hiện tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình chuyên môn hóa, đa dạng hóa, dựa theo địa bàn hoạt động nhằm tăng năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, tăng độ linh hoạt trong hoạt động, mở rộng mạng lưới chi nhánh rộng khắp nhằm tạo ưu thế khi hội nhập.

#### **4.2.5. Hợp tác quốc tế**

- Hợp tác với các đối tác quốc tế tại thị trường trong nước

Công ty mẹ tập trung thực hiện tổng thầu tư vấn, tổng thầu EPC các công trình phù hợp với trình độ năng lực, qua đó tăng cường hợp tác với các đối tác nhằm bổ sung cho kinh nghiệm và nguồn lực còn thiếu.

Các hình thức hợp tác: áp dụng hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh cho các công trình cụ thể; thành lập liên doanh, công ty cổ phần nhằm phát huy thế mạnh, thương hiệu, dịch vụ với các đối tác quốc tế nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh.

- Xuất khẩu và cung cấp nguồn lực tại chỗ

Để đẩy mạnh việc đa dạng hóa các hình thức hợp tác, tạo điều kiện tăng cường kinh nghiệm cho cán bộ Tổng công ty, việc xuất khẩu và cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ cần được chú ý thích đáng.

- Hợp tác với các đối tác tại thị trường nước ngoài

Việc hợp tác với các đối tác tại thị trường nước ngoài thông qua hai hình thức: phối hợp với các khách hàng lớn, bao gồm khách hàng tổ chức và các doanh nghiệp lớn, khi các doanh nghiệp này đầu tư tại các thị trường nước ngoài và xuất khẩu dịch vụ tư vấn cho các đối tác quốc tế đã có thị trường tại nước ngoài theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

- Xây dựng văn hóa, đẩy mạnh liên kết, hợp tác nội bộ

Xây dựng một tập thể hoạt động có nguyên tắc, đoàn kết, tôn trọng tính độc lập tự chủ của các doanh nghiệp tư vấn, xây dựng văn hóa của người tư vấn trong ứng xử, giải quyết công việc.

Đối với khách hàng phải chú trọng đến tính cam kết trong công việc và thái độ phục vụ khách hàng.

Với nội bộ từng doanh nghiệp, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp thể hiện ở tầm nhìn, hành vi ứng xử, quan hệ hợp tác giữa các cá nhân với nhau, ở cách giao tiếp giữa lãnh đạo và nhân viên. Đồng thời tuân thủ những quy định, nguyên tắc, kỷ luật trong công ty được thiết lập thông qua các nội quy, quy chế.

## **5. Dự thảo điều lệ Công ty cổ phần**

Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam xây dựng dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành (Bản dự thảo Điều lệ được đính kèm theo Phụ lục 1 Phương án cổ phần hoá).

## **6. Nhận diện và phân loại rủi ro**

Mọi rủi ro trên thị trường đều xuất phát từ những thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá cũng như giá của các loại hàng hoá khác. Ngoài ra còn có một số rủi ro khác ảnh hưởng đến tài chính doanh nghiệp như rủi ro về tín dụng, rủi ro trong hoạt động sản xuất, rủi ro trong thanh khoản và rủi ro mang tính hệ thống tác động chung lên toàn thị trường. Những rủi ro trên đều có tính liên kết và tác động qua lại lẫn nhau nên khi thị trường đi xuống, sự cộng hưởng của chúng sẽ gây nên tổn thất khôn lường đối với doanh nghiệp. Vì vậy, cần phải nhận diện các rủi ro để có các biện pháp phòng chống thích hợp, cụ thể:

### **6.1. Rủi ro về cân đối dòng tiền**

Việc cân đối được luồng tiền thu - chi của đơn vị là vô cùng quan trọng.

Tình trạng mất cân đối về dòng tiền có thể xảy ra, khi tại doanh nghiệp tiền thu nhỏ hơn lượng tiền chi.

Việc này làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp do không thanh toán được vật tư, nhân công, không trả được các khoản nợ đến hạn một cách kịp thời dẫn đến việc khiếu kiện...

Sự mất cân đối dòng tiền được chia thành: mất cân đối tạm thời và mất cân đối dài hạn.

Có thể nói, ở bất kỳ doanh nghiệp nào cũng xảy ra mất cân đối tạm thời do việc thu hồi các khoản nợ phải thu không đúng kế hoạch; việc góp vốn không được thực hiện đúng cam kết... mất cân đối tạm thời về dòng tiền có thể khắc phục được bằng nhiều biện pháp và hậu quả thường không lớn.

Mất cân đối dài hạn xảy ra do những nguyên nhân quan trọng như: phần chi phí cố định trong tổng chi phí của doanh nghiệp quá lớn do không có công ăn việc làm, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ; vốn lưu động tự có quá ít; nợ khó đòi tăng lên; doanh thu chưa bù đắp đủ các khoản chi phí thường xuyên, v.v... mất cân đối dài hạn về dòng tiền có thể làm cho doanh nghiệp bị phá sản.

## **6.2. Rủi ro về chi phí vốn**

Với thực trạng các doanh nghiệp hiện nay vốn chủ sở hữu quá thấp/Tổng nguồn vốn (thường chỉ đạt 10-12%) trong khi yêu cầu để chủ động cho sản xuất vốn chủ sở hữu phải đạt 30%/Tổng nguồn vốn.

Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu hết tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay - chi phí sử dụng vốn - trở thành bộ phận ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Song, có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Từ năm 2011 cho tới nay- lạm phát xảy ra, lãi suất tiền vay tăng đột biến. Do đó, những tính toán, dự kiến trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư bị đảo lộn.

Tác động tiêu cực của rủi ro này trở nên trầm trọng và có thể dẫn đến tình trạng phá sản doanh nghiệp nếu nó tồn tại trong một thời kỳ dài.

## **6.3. Rủi ro về sức mua của thị trường**

Trong những năm qua do chịu ảnh hưởng dừng dẫn tiến độ dự án xây dựng công trình dân dụng và các loại bất động sản đóng băng, ảnh hưởng không nhỏ đến ngành Tư vấn xây dựng. Khi đó, rủi ro về sức mua của thị trường đã xảy ra. Ảnh hưởng từ sức mua của thị trường là nhân tố quyết định kết quả của doanh nghiệp.

## **6.4. Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Với những khoản vay bằng ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Do đó phải đánh giá và lượng hóa các chi phí có thể phải bỏ ra kể cả chênh lệch tỉ giá để so sánh với lợi ích thu về đảm bảo không bị động khi tỉ giá thay đổi.

## **6.5. Rủi ro về khả năng tái đầu tư**

Muốn phát triển bền vững, quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải diễn ra liên tục, vòng sau phải cao hơn vòng trước. Đó chính là quá trình tái đầu tư. Nguồn vốn để tái đầu tư là quỹ khấu hao, lợi nhuận thu được từ quá trình sản xuất kinh doanh - xảy ra lạm phát trong các năm qua làm doanh nghiệp sẽ không thể hoạt động liên tục, quy mô kinh doanh bị thu hẹp, các dự án đầu tư phải dừng lại thậm chí do tổng mức đầu tư tăng đột biến, lãi suất tiền vay tăng cao, việc vay vốn bị chặn lại...

#### **6.6. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu**

Với tình hình tiếp tục khó khăn hiện tại của thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là giá cổ phiếu liên quan đến doanh nghiệp hoạt động xây dựng và bất động sản. Do vậy rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Tổng công ty khá lớn - trong đợt chào bán có khả năng không bán hết cổ phần.

#### **6.7. Các rủi ro khác**

Các rủi ro khác như rủi ro về thanh toán công nợ (thu hồi vốn), rủi ro trong cạnh tranh, các quy định của Nhà nước về chính sách quản lý xây dựng, bất động sản, kế hoạch phát triển các ngành trong nền kinh tế... đều có ảnh hưởng đến ngành xây dựng nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

Các rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, biến động chính trị, xã hội,... là những rủi ro bất khả kháng.

### **PHẦN IV: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

#### ***Chính sách ưu đãi cho người lao động:***

- Đặc thù của lĩnh vực tư vấn nói chung và Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam nói riêng: con người là tài sản lớn nhất và thương hiệu của Tổng công ty được xây dựng và duy trì trong 60 năm qua có sự đóng góp rất lớn từ thương hiệu cá nhân của các Kiến trúc sư, kỹ sư chủ trì, chủ nhiệm, tác giả của các phương án thiết kế. Để Tổng công ty ổn định sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa, giữ được cán bộ chủ chốt và người lao động, kiến nghị nhà nước có chính sách ưu đãi cho người lao động của Tổng công ty để người lao động có thể mua được nhiều hơn, gắn bó hơn với Công ty, giữ được thương hiệu, văn hóa của doanh nghiệp, tiến tới làm chủ doanh nghiệp của mình.

- Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét giảm trừ 14.499.186.604 đồng ra khỏi giá trị lợi thế của Tổng công ty và cho phép điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo số liệu đã giảm trừ vì việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ hiện đang chưa phản ánh đúng bản chất của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty (chi tiết tính toán tại Phụ lục kèm theo)

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1: Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần**

**Phụ lục 2: Quyết định về giá trị doanh nghiệp**

**Phụ lục 3: Xác định giá khởi điểm**

**Phụ lục 4: Tính toán giá trị lợi thế kinh doanh của VNCC sau cổ phần hóa**

**Phụ lục 5: Tài liệu pháp lý liên quan đến phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa**

**Phụ lục 6: Danh sách lao động được mua cổ phần**

**Phụ lục 7: Phương án lao động**

**Phụ lục 8: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014**

**Phụ lục 9: Tài liệu liên quan khác**

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY  
TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

TM. TỔ GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO



CỔ PHẦN HÓA  
TỔ TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ DUYÊN

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM  
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG KIM KHÔI

## CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM**



Dự thảo

**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2015

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>5</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	7
Điều 3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong Tổng công ty	7
<b>CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<b>8</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty	10
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	11
Điều 8. Cổ phiếu	12
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông	13
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 11. Chào bán cổ phần	13
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 13. Thu hồi cổ phần	15
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	15
Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty	16
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	16
Điều 17. Phát hành trái phiếu	17
<b>CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>17</b>
Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	17
<b>MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>17</b>
Điều 19. Quyền của cổ đông	17
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông	20
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Thay đổi các quyền	25
Điều 25. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 27. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	27

Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	33
<b>MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>34</b>
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	35
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị	38
Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
<b>MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>42</b>
Điều 36. Ban kiểm soát	42
Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát	43
Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	45
Điều 39. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	46
<b>MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC - NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP - THƯ KÝ HĐQT</b>	<b>46</b>
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý	46
Điều 41. Người quản lý doanh nghiệp	47
Điều 42. Tổng Giám đốc	47
Điều 43. Thư ký Hội đồng quản trị	48
<b>MỤC 5. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>49</b>
Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng	49
Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	49
Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	50
<b>MỤC 6. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY</b>	<b>51</b>
Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	51
Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	51
<b>CHƯƠNG V. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>52</b>
Điều 49. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ	52
Điều 50. Chi trả cổ tức	52
<b>CHƯƠNG VI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>53</b>

Điều 51. Tài khoản ngân hàng	53
Điều 52. Năm tài chính	54
Điều 53. Chế độ kế toán	54
<b>CHƯƠNG VII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>54</b>
Điều 54. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	54
Điều 55. Báo cáo thường niên	55
<b>CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</b>	<b>55</b>
Điều 56. Kiểm toán	55
<b>CHƯƠNG IX. CON DẤU</b>	<b>56</b>
Điều 57. Con dấu	56
<b>CHƯƠNG X. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>56</b>
Điều 58. Chấm dứt hoạt động	56
Điều 59. Thanh lý	56
<b>CHƯƠNG XI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>57</b>
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	57
<b>CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>57</b>
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	57
<b>CHƯƠNG XIII. HIỆU LỰC</b>	<b>58</b>
Điều 62. Ngày hiệu lực	58

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam thông qua vào ngày tháng năm 2015.

## **CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:
  - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
  - b. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng công ty;
  - c. “Cổ phần đã bán” là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Tổng công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập Tổng công ty, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.
  - d. “Cổ phần được quyền chào bán” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán. Số cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà Tổng công ty sẽ bán, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.
  - e. “Cổ phần chưa bán” là cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty và chưa được thanh toán. Tại thời điểm đăng ký Doanh nghiệp, cổ phần chưa bán là tổng số cổ phần mà chưa được đăng ký mua.
  - f. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
  - g. “Tổng công ty” là Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam;
  - h. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - i. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
  - j. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản nội bộ Tổng công ty;

- k. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty trong các trường hợp sau đây:
- (i). Người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con trong nhóm Tổng công ty;
  - (ii). Công ty con đối với Công ty mẹ trong nhóm Tổng công ty;
  - (iii). Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
  - (iv). Người quản lý doanh nghiệp;
  - (v). Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người quản lý Tổng công ty, cổ đông sở hữu phần cổ phần chi phối;
  - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, Tổng công ty quy định tại các Khoản (i), (ii), (iii), (iv) và (v) Điểm này;
  - (vii). Doanh nghiệp trong đó những người, Tổng công ty quy định tại các Khoản (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi) và (viii) khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
  - (viii). Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Tổng công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Tổng công ty.
- l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- m. "Thành viên hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý doanh nghiệp được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- n. "Pháp luật" là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Chương I Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008.
- o. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;
- p. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc

ngữ cảnh.

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên Tổng công ty:

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP
- Tên tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANTS-JSC
- Tên viết tắt: VNCC
- Logo Công ty:



2. Hình thức:

Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-4) 37667463
- Fax: (84-4) 37667464
- Website: [www.vncc.vn](http://www.vncc.vn)

4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này,

**Điều 3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong Tổng công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Tổng công ty, kết nạp những người lao động tại Tổng công ty vào các tổ chức này.
3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác làm việc tại Tổng công ty thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo điều lệ và nội quy của các tổ chức này.

## **CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:
  - a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; hoàn thành các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Phát triển Tổng công ty có trình độ công nghệ, quản lý và chuyên môn hoá cao; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ;
  - c. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế,
  - d. Nâng cao đời sống người lao động, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp;
  - e. Duy trì sự hợp tác và phát triển bền vững của nhóm Công ty mẹ - Công ty con.
2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:
  - a. Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC và tham gia thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau:
    - Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
    - Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
    - Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
    - Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;

- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, cảng và cầu cảng, cảng biển;
  - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình dầu khí;
  - Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
  - Tư vấn thiết kế phòng chống mối cho các công trình xây dựng;
  - Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, Bưu chính viễn thông;
  - Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
  - Tư vấn, thiết kế các công trình văn hóa, thể thao.
- b. Hoạt động tư vấn quản lý
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
  - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
  - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- c. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
  - Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
  - Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
  - Đánh giá tác động môi trường;
- d. Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- e. Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;
- f. Xử lý nền móng các loại công trình;
- g. Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- h. Khai thác nước ngầm;
- i. Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản
- j. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.
- k. Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;
- l. Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty**

1. Quyền của Tổng công ty:
  - a. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
  - b. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
  - c. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
  - d. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
  - e. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
  - f. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
  - g. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
  - h. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
  - i. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;
  - j. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
  - k. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
  - l. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.
2. Nghĩa vụ của Tổng công ty:
  - a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;
  - b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;
  - c. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - d. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và

lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;

- e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
- f. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- g. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
- h. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh;
- i. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

### **CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần**

- 1. Vốn điều lệ
  - a. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng công ty là 357.744.480.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín tỷ đồng);
  - b. Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 35.774.480 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần);
  - c. Vốn điều lệ của Tổng công ty do các cổ đông tự nguyện đóng bằng tiền hoặc tài sản hợp pháp của mình.
- 2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì Khoản 1, Khoản 2 Điều này mặc nhiên được sửa đổi theo nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đó. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện việc sửa đổi điều khoản này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực.

- 3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được pháp luật cho phép và được quy định trong Điều lệ này. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty;
  - Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
  - Các quyền ưu đãi đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có các nội dung sau đây:
  - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng công ty để tiêu hủy;
  - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;

- c. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

#### **Điều 11. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
  - a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

- b. Chào bán ra công chúng;
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 3. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo đúng thời hạn quy định của pháp luật, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
- 4. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;
  - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

#### **Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần**

- 1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
- 3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.
- 4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho người khác, sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.
- 6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông

của Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Phí chuyển nhượng cổ phần: Cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần có trách nhiệm nộp phí chuyển nhượng cổ phần theo mức phí quy định của Tổng công ty tại từng thời điểm.

### **Điều 13. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất huy động mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1

Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Tổng công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty**

Tổng công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Tổng công ty không quy định và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty;
4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại theo đúng thời hạn quy định của pháp luật, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Tổng công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.
5. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

#### **Điều 17. Phát hành trái phiếu**

1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

### **CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

#### **MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 19. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo

số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của pháp luật;
  - i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 4, Điều 32 và Khoản 6, Điều 36 của Điều lệ này;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại các Khoản dưới đây;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
  - e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có

họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 nêu trên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- 5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
  - a. Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;
  - b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
  - d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

6. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:
  - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - Vi phạm pháp luật;
  - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

## **Điều 21. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm xuống còn một nửa so với đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập họp phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông yêu cầu (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 44 của Điều lệ này;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c, Khoản 3 của Điều này hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điểm d, Điểm e, Khoản 3 của Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3, Điều 19 có quyền thay thế Hội đồng quản trị,

Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## **Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi năm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán;
  - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
  - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;
  - h. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - k. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
  - l. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị ;
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
  - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2, Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khốp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được Đại hội đồng cổ đông đưa ra thảo luận và biểu quyết.

**Điều 23. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
  - a. Tất cả các cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.
  - b. Ủy quyền của cổ đông là Tổ chức:
    - (i). Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
      - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
      - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
      - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
      - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
      - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người

đại diện theo ủy quyền.

(ii). Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- Cổ đông là Tổng công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp khác;

c. Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân phải được thực hiện bằng văn bản theo hình thức quy định của pháp luật. Văn bản ủy quyền phải đảm bảo bao gồm các nội dung như quy định tại Khoản (i), Điểm b của Khoản này.

2. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- (i). Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- (ii). Trường hợp cổ đông là tổ chức, khi người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- (iii). Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm e Khoản này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- (iv). Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (v). Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- (vi). Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 24. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26 và Điều 27 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 25. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 4, Điều 21 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên,

địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### 3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
  - b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Tổng công ty niêm yết giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.
  - c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
    - (i). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
    - (ii). Phiếu biểu quyết;
    - (iii). Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
  - d. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm

họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 nêu trên trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

#### **Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập họp lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo

- nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp.
  - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
9. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm họp có thể:
- a. Thông báo cuộc họp được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự họp;
- Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  - d. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 11 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia họp ở địa điểm chính của cuộc họp.
13. Hàng năm Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- b. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:
- (i). Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
  - (ii). Định hướng phát triển Tổng công ty.
  - (iii). Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - (iv). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - (v). Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty được kiểm toán.
  - (vi). Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - (vii). Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua
- a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
- (i). Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - (ii). Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - (iii). Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
  - (iv). Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - (v). Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Mục a, Khoản 2 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

**Điều 29. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
  - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;
8. Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
  3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản Đại hội đồng cổ đông.
  4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu

lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty;
- c. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) đến bảy (07) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa

ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

### **Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
  - b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp.
  - c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những

quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
- Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười (12) tháng;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi năm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 22; Khoản (i) và Khoản (iii), Điểm a, Khoản 4, Điều 45 của Điều lệ này;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác Tổng công ty và quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của họ.
- Cử người tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc uỷ quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tại Doanh nghiệp khác mà Tổng công ty có vốn đầu tư (Tổng công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;
  - Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người quản lý doanh nghiệp đó;
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
    - a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 nêu trên và trừ trường hợp quy định tại Khoản (i) và Khoản (iii), Điểm a, Khoản 4, Điều 45 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Tổng công ty và liên doanh);
    - b. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
    - c. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
    - d. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật;
    - e. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
    - f. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
  4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
  5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.
  6. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  8. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ

đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

#### **Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

#### **Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu

theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý doanh nghiệp khác;
  - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 nêu trên. Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 12 Điều này.
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
12. Biểu quyết.
  - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Điều 45 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng

hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

18. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
19. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

### **MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 36. Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 03 đến 05 thành viên.
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác;
  - c. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
  - d. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty;
4. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
  - b. Bị pháp luật cấm làm kiểm soát viên;
  - c. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của

Tổng công ty;

- d. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - e. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - f. Bị cách chức kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
8. Các kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
9. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
- g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 44 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;
- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- l. Đề xuất lựa chọn Tổng công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- m. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt

đầu việc kiểm toán;

- n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
  - o. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - p. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty;
  - q. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
  - r. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

**Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

- 1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
  - b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
  - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
  - d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
  - e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều

hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

2. Tiền lương và quyền lợi khác của kiểm soát viên
  - a. Được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
  - b. Được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

#### **Điều 39. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC - NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP - THƯ KÝ HĐQT**

##### **Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và Người quản lý doanh

ng nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 41. Người quản lý doanh nghiệp**

1. Được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người quản lý doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những Người quản lý doanh nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định.

#### **Điều 42. Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định mức lương, thưởng, tiền thù lao và các lợi ích liên quan khác. Thông tin về mức lương, thưởng, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại của Luật Doanh nghiệp.
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
4. Tổng Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc ký kết các hợp đồng của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty;
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại Người quản lý doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý doanh nghiệp;

- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Quý 4 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
  - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
  - h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
  - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - j. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
  - k. Tuyển dụng lao động;
  - l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
  6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

#### **Điều 43. Thư ký Hội đồng quản trị**

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

## **MỤC 5. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

### **Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật;
2. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty;
4. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

### **Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại

hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
  - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
    - (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
    - (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
    - (iii) Doanh nghiệp liên quan Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp, bao gồm:
      - + Doanh nghiệp mà những người này sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
      - + Doanh nghiệp mà những người có liên quan của những người này cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
  - b. Hội đồng quản trị quyết định hoặc ủy quyền Tổng giám đốc quyết định dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.
  - c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm (b) của Khoản này và gây thiệt hại cho Tổng công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh

nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **MỤC 6. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4, Điều 32 và Khoản 3, Điều 36 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

### **Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
  - a. Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;
  - b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện

không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
  - d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

## **CHƯƠNG V. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 49. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ**

- 1. Hàng năm, Tổng công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ, việc lập và tỷ lệ trích các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- 2. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;
  - b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật.

### **Điều 50. Chi trả cổ tức**

- 1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b. Đã trích lập các quỹ Tổng công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và theo quy định của Tổng công ty;
  - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài

sản khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng (Bên nhận cổ tức chịu chi phí chuyển tiền). Trường hợp Tổng công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
  - a. Tên Tổng công ty và địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
  - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 51. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

#### **Điều 52. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

#### **Điều 53. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán theo quy định pháp luật kế toán. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **CHƯƠNG VII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 54. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 của Điều lệ này, báo tài chính phải được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:
  - a. Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Tổng công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;
  - b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm Tổng công ty;
  - c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm Tổng công ty.
5. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại Khoản 4 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.
6. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất.
7. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty mẹ, của các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm Tổng công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.
8. Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.
9. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.
10. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 55. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 56. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận

với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **CHƯƠNG IX. CON DẤU**

### **Điều 57. Con dấu**

1. Con dấu của Tổng công ty được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG X. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 58. Chấm dứt hoạt động**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 59. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số người lao động của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng

công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
  - a. Cổ đông với Tổng công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý doanh nghiệp;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết tranh chấp.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## **CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG XIII. HIỆU LỰC**

#### **Điều 62. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm mười ba (13) chương, sáu mươi hai (62) điều, năm mươi tám (58) trang được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua ngày      tháng      năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày      tháng      năm 2015.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cuộc họp kết thúc vào 15h30 cùng ngày.

**CHỦ TỌA - TỔ TRƯỞNG TỔ GIÚP VIỆC**



**Nguyễn Thị Duyên**

**CÁC THÀNH VIÊN TỔ GIÚP VIỆC VÀ THÀNH VIÊN THAM DỰ HỌP**

Ông Đặng Kim Khôi

Bà Nguyễn Thị Tố Trinh

Ông Thân Hồng Linh

Ông Nguyễn Lâm Cường

Ông Trần Bình Trọng

Ông Nguyễn Huy Khanh

Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Bà Cung Lan Khanh

Ông Phạm Vũ Thành

Ông Nguyễn Bá Minh

Ông Nguyễn Văn Phúc

Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Bà Nguyễn Thị Hồng Hiệp

Thư ký cuộc họp - Đào Tuyết Thanh

## PHỤ LỤC 2: QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 980/QĐ-BXD

Hà nội, ngày 25 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn  
xây dựng Việt Nam (VNCC)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ văn bản số 283/TTg-ĐMDN ngày 5/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Văn bản số 1101/BXD-QLDN ngày 29/05/2014 của Bộ Xây dựng về kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-BXD ngày 04/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Việt nam;

Căn cứ vào Biên bản và hồ sơ tài liệu có liên quan về xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam do Công ty Hợp danh Kiểm toán (CPA VIETNAM) tại thời điểm ngày 31/12/2014;

Căn cứ Tờ trình số 54/VNCC-TCKT ngày 27/04/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 503.049.986.001 đồng (Năm trăm lẻ ba tỷ, không trăm bốn chín triệu, chín trăm tám sáu nghìn, không trăm lẻ một đồng). Trong đó:

Tổng Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 357.744.482.485 đồng (Ba trăm năm bảy tỷ, bảy trăm bốn bốn triệu, bốn trăm tám hai nghìn, bốn trăm tám lăm đồng).

**Điều 2.** Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán):

- Tài sản không cần dùng: 185.656.415 đồng
- Tài sản chờ thanh lý: 0 đồng

**Điều 3.** Ban chỉ đạo cổ phần hoá Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam:

Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1, thực hiện các công việc tiếp theo để hoàn tất việc chuyển Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thành công ty cổ phần.

Chỉ đạo Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam bàn giao cho Công ty mua bán nợ Việt Nam tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý và các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ. Trong khi chưa bàn giao, Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam có trách nhiệm tiếp tục quản lý không để xảy ra thất thoát tài sản nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch Tài chính, Quản lý doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *X*

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo ĐM & PTĐN;
- Bộ Tài chính;
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam;
- Lưu: VP.

KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Bùi Phạm Khánh

### PHỤ LỤC 3: XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH  
GIÁ KHỞI ĐIỂM**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I – GIỚI THIỆU</b>	<b>3</b>
1. Giới thiệu chung về Tổng công ty	3
2. Giới thiệu chung về các mô hình định giá cổ phiếu	4
<b>PHẦN II – PHÂN TÍCH ĐỊNH GIÁ</b>	<b>5</b>
1. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	5
1.1 Công thức tính	5
1.2 Giá cổ phần theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	5
1.2.1 Các giả định tính toán cho giai đoạn 2016-2018	5
1.2.2 Dự phóng kết quả kinh doanh giai đoạn 2016-2018	6
1.2.3 Kết quả định giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	7
2. Phương pháp giá trị sổ sách	7
3. Phương pháp so sánh hệ số (multiples)	8
4. Tổng hợp kết quả định giá	10
<b>PHẦN III – KẾT LUẬN</b>	<b>10</b>

## PHẦN I – GIỚI THIỆU

### 1. Giới thiệu chung về Tổng công ty

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP
- Tên tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANT JSC
- Tên viết tắt: VNCC
- Trụ sở chính: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 37667463
- Fax: (84-4) 37667464
- Website: [www.vncc.vn](http://www.vncc.vn)



- Logo:
- Vốn điều lệ trước cổ phần hóa: 310.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ được Bộ Xây dựng xác định lại và Bộ Tài chính thống nhất tại thời điểm 01/01/2010 là : 234.890.826.464 đồng.
- Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng
- Giấy CNĐKDN số 0106000814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/03/2014.
- Ngành nghề kinh doanh:

Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau:

- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp

- nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, cảng và cầu cảng;
  - Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
  - Tư vấn thiết kế phòng chống môi cho các công trình xây dựng;
  - Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, Bưu chính viễn thông;
  - Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
  - Tư vấn, thiết kế các công trình văn hóa, thể thao.
  - Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
  - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
  - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
  - Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
  - Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
  - Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
  - Đánh giá tác động môi trường;
  - Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;
  - Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;
  - Xử lý nền móng các loại công trình;
  - Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
  - Khai thác nước ngầm;
  - Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản
  - Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.
  - Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;

## **2. Giới thiệu chung về các mô hình định giá cổ phiếu**

Xét theo tình hình thực tế và những quy định hiện tại của Nhà nước cũng như đặc thù của VNCC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đề xuất 03 phương pháp là phương pháp chiết khấu dòng cổ tức, phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp so sánh để xác định giá khởi điểm bán cổ phần lần đầu của VNCC.

## PHẦN II – PHÂN TÍCH ĐỊNH GIÁ

### 1. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

#### 1.1 Công thức tính

Giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P_0 = \sum D_i / (1+k)^i + P_n / (1+k)^n$$

Trong đó:

- $P_0$  : là giá trị thực tế vốn chủ sở hữu
- $i$  : thứ tự các năm kế tiếp kể từ sau năm xác định giá trị doanh nghiệp  
( $i = 1 - n$ )
- $D_i$  : khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức năm thứ  $i$
- $n$  : số năm tương lai được chọn
- $P_n$  : giá trị phần vốn chủ sở hữu năm thứ  $n$  và được xác định theo công thức
$$P_n = D_{n+1} / (k - g)$$
- $D_{n+1}$  : khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức dự kiến của năm thứ  $n + 1$
- $k$  : tỷ suất chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn kỳ vọng của các nhà đầu tư khi mua cổ phần
- $g$  : tỷ lệ tăng trưởng cổ tức.

#### 1.2 Giá cổ phần theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

##### 1.2.1 Các giả định tính toán cho giai đoạn 2016-2018

###### - Doanh thu:

- Doanh thu mảng tư vấn thiết kế năm 2016 là 186,5 tỷ đồng sau đó tăng trưởng 6% trong năm 2017, 2018.
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn thiết kế khác năm 2016 là 5 tỷ đồng, sau đó tăng bình quân 5%/năm.
- Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng năm 2017 là 1,1 tỷ đồng, năm 2018 là 2,5 tỷ đồng.
- Năm 2017, doanh thu từ hoạt động từ hoạt động bán Lilama và Tân Cảng là 17,5 tỷ đồng, giá vốn là 16,5 tỷ đồng.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính xuất phát từ lãi cổ tức được trả (tăng trưởng 0%/ năm) và lãi tiền gửi ngân hàng ( lãi suất tiền gửi 6%).

###### - Chi phí:

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/Doanh thu của hoạt động tư vấn xây dựng là 86% trong năm 2016, 2017 và 87% trong năm 2018.
- Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần năm 2016 là 10%, năm 2017 là 9%, năm 2018 là 8% do Công ty dự kiến sẽ tiết kiệm được chi phí này sau cổ phần hóa.
- **Các giả định khác:**
  - Vòng quay khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay khoản phải trả căn cứ theo BCTC năm 2014.
  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2015 - 2018 là 20% theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp ngày 19/06/2013 và các quy định hiện hành.
  - Sau cổ phần hóa, Tổng công ty đạt kết quả kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra.
  - Từ sau năm 2018, tốc độ tăng trưởng cổ tức là 2%.
  - Hệ số chiết khấu là 11,5%/năm.

### 1.2.2 Dự phóng kết quả kinh doanh giai đoạn 2016-2018

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Vốn điều lệ	357.744	357.744	357.744
Tổng doanh thu	204.832	232.861	228.211
Doanh thu tư vấn, thiết kế	191.489	204.077	217.609
Doanh thu tài chính	13.342	11.284	10.602
Doanh thu hoạt động khác	0	17.500	0
Tổng chi phí	184.455	209.323	205.138
Giá vốn hàng bán	165.306	174.929	187.729
Chi phí tài chính	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.149	17.894	17.409
Chi phí khác	0	16.500	0
Lợi nhuận trước thuế	20.377	23.538	23.074
Lợi nhuận sau thuế	17.742	20.270	19.899
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	2.661	3.041	1.990
Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	3.548	4.054	3.980
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không chuyên trách	355	405	398
Cổ tức được chia	11.177	12.770	13.531
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ	3,1%	3,6%	3,8%
Thu nhập trên 01 cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	496	567	556

*Nguồn: VCSC, VCSC ước tính*

### 1.2.3 Kết quả định giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Đơn vị tính: triệu đồng

	2016	2017	2018
Dòng cổ tức(= LNST* Tỷ lệ chia cổ tức)	11.177	12.770	13.531
Hệ số chiết khấu	11,5%	11,5%	11,5%
Mức chiết khấu(= $1/(1 + \text{Hệ số chiết khấu})$ )	0,9	0,9	0,9
Giá trị hiện tại dòng cổ tức 2016-2018(= Dòng cổ tức * Mức chiết khấu)	10.024	11.453	12.136
Giá trị hiện tại dòng cổ tức sau năm 2018(= Giá trị hiện tại dòng cổ tức năm 2018*( $1 + \text{Tốc độ tăng trưởng cổ tức}$ )/(Hệ số chi phí vốn cổ phần- Tốc độ tăng trưởng cổ tức)	148.000		
Giá trị hiện tại của dòng cổ tức (= Giá trị hiện tại dòng cổ tức đến 2018+ Giá trị hiện tại dòng cổ tức sau năm 2018)	181.613		
Khối lượng cổ phiếu lưu hành(= Vốn điều lệ/ 10.000 đồng)	35.774.448		
<b>Giá trị 1 cổ phần (VNĐ)</b> (= Giá trị hiện tại của dòng cổ tức/Khối lượng cổ phiếu lưu hành)	<b>5.077</b>		

Nguồn: VCSC, VCSC ước tính

## 2. Phương pháp giá trị sổ sách

Phương pháp giá trị sổ sách sử dụng vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành để tính giá trị cổ phiếu.

Tại thời điểm chuyển sang hình thức công ty cổ phần:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 357.744.480.000 đồng ( Ba trăm năm bảy tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần lưu hành: 35.774.448 (Ba năm triệu bảy trăm bảy bốn nghìn bốn trăm bốn tám cổ phần)

Vậy, giá trị sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm chuyển sang hình thức công ty cổ phần là:

$$357.744.480.000 / 35.774.448 = 10.000 \text{ đồng/cổ phần.}$$

**Bảng Xác định giá trị Tổng công ty theo phương pháp giá trị sổ sách**

<b>BV (ĐVT: đồng)</b>	
Giá trị sổ sách tại CPH	357.744.480.000
Số lượng CP lưu hành	35.774.448
<b>Giá CP (VNĐ/CP)</b>	<b>10.000</b>

### 3. Phương pháp so sánh hệ số (mutiples)

Phương pháp này sử dụng chỉ số P/E, P/B để xác định giá khởi điểm của cổ phiếu doanh nghiệp. Cụ thể, giá trị của doanh nghiệp được ước tính bằng cách tính chỉ số P/E, P/B bình quân của công ty cùng ngành đang niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX (không bao gồm các công ty tư vấn hoạt động trên OTC như TEDI và một số công ty tư vấn khác) được chúng tôi lựa chọn mà chúng tôi cho rằng có những đặc tính tương đương với Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam, sau đó chiết khấu thanh khoản 20% (để bù đắp rủi ro giá cổ phiếu bị hạ xuống do công ty chưa được niêm yết trên sàn nên tính thanh khoản và tính minh bạch không cao) rồi nhân với lợi nhuận cơ bản tính trên một cổ phiếu (EPS) của Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam để tính giá cổ phiếu Công ty.

Do số lượng các công ty đang niêm yết có hoạt động kinh doanh tương đồng hoàn toàn với Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam rất ít, nên chúng tôi mở rộng phạm vi lựa chọn gồm các công ty đang niêm yết có hoạt động kinh doanh tương đồng một cách tương đối để tính hệ số so sánh. Các công ty được lựa chọn đều hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế và được liệt kê tại bảng dưới đây.

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Số CP bình quân gia quyền để tính EPS	Giá thị trường (đồng/CP)	P/E	P/B
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và phát triển đô thị	CDO	4.021.315	20.500	13,98	0,41
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	TV1	24.624.030	14.000	7,72	1,05
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	TV4	14.535.091	13.500	8,79	1,13
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	TV3	3.380.986	29.000	7,68	1,33

Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	TV2	4.398.500	38.400	4,67	1,49
Tổng công ty tư vấn thiết kế dầu khí	PVE	25.000.000	8.700	9,77	2,94
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	PVV	30.000.000	2.900	16,84	0,46
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư IDICO	INC	2.000.000	5.500	10,31	0,06
Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà	SDC	2.609.710	13.000	7,67	0,18
Hệ số so sánh bình quân				8,91	1,36
Khối lượng cổ phần đang lưu hành(= Vốn điều lệ/10.000)	35.774.448				
LNST 2014 của VNCC (triệu đồng)	27.272				
Giá trị cổ phần (LNST 2014* Chỉ số P/E (P/B) bình quân/ Khối lượng cổ phần lưu hành)				6.791	10.044
Giá trị cổ phần sau chiết khấu 20%				5.433	8.035
<b>Giá trị cổ phần bình quân ( = Giá trị cổ phần tính theo P/E +Giá trị cổ phần tính theo P/B)/2</b>				<b>6.734</b>	

Nguồn: VCSC, VCSC ước tính

Ghi chú: Giá thị trường của cổ phiếu của các cổ phiếu được lấy theo giá đóng cửa ngày 28/08/2015. Số cổ phiếu bình quân gia quyền để tính EPS của các cổ phiếu được căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán 2014.

#### 4. Tổng hợp kết quả định giá

Phương pháp định giá	Giá trị mỗi cổ phần (đồng/ cổ phần)
Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	5.077
Phương pháp giá trị sổ sách	10.000
Phương pháp so sánh hệ số	6.734
<b>Giá bình quân theo 03 phương pháp</b>	<b>7.270</b>

### PHẦN III – KẾT LUẬN

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, giá khởi điểm chào bán ra bên ngoài không được thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Căn cứ vào kết quả định giá và các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động bán cổ phần lần đầu ra công chúng và tình hình thị trường chứng khoán hiện nay, VCSC đề xuất mức giá khởi điểm bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng là 10.000 đồng/cổ phần.

**PHỤ LỤC 4: TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ LỢI THỂ KINH DOANH  
CỦA VNCC SAU CỔ PHẦN HÓA**

## **TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ LỢI THẾ KINH DOANH CỦA VNCC SAU KHI CỔ PHẦN HÓA**

Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét giảm trừ 14.499.186.604 đồng ra khỏi giá trị lợi thế của Tổng công ty và cho phép điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo số liệu đã giảm trừ vì việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ hiện đang chưa phản ánh đúng bản chất của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty (chi tiết tính toán tại Phụ lục kèm theo).

**PHỤ LỤC TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ LỢI THẾ KINH DOANH CỦA VNCC SAU KHI CỔ PHẦN HÓA**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
I	Vốn chủ sở hữu theo số kế toán 3 năm liên tiếp trước thời điểm XDGTĐN	138.263.620.466	160.709.188.632	249.879.034.238	182.950.614.445
II	Lợi nhuận sau thuế 3 năm liên tiếp trước thời điểm XDGTĐN (*)	23.840.075.675	17.760.890.825	23.453.162.421	21.684.709.640
1	Lãi tiền gửi ngân hàng	21.360.587.044	7.798.944.922	10.609.098.928	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.340.146.761	1.949.736.231	2.334.001.764	
3=1-2	Lợi nhuận sau thuế của lãi tiền gửi ngân hàng	16.020.440.283	5.849.208.692	8.275.097.164	
III=II-3	Lợi nhuận sau thuế đã trừ lãi tiền gửi ngân hàng	7.819.635.392	11.911.682.134	15.178.065.257	11.636.460.928
IV	Giá trị phần vốn nhà nước theo số kế toán tại thời điểm định giá				263.989.793.045
V	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân	5,66%	7,41%	6,07%	6,36%
VI	Lãi suất trái phiếu chính phủ 5 năm (Ngày 29/12/2014)				6,19%
VII	Chênh lệch tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ				0,17%
IIIX	Giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ				449.939.681
IX	Giá trị thương hiệu, tiềm năng phát triển				1.839.304.652
X=IIIX+IX	Tổng giá trị lợi thế kinh doanh, tiềm năng PT của VNCC là				<b>2.289.244.333</b>
	Giá trị lợi thế kinh doanh theo Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/8/2015 (**)				16.788.430.937
	<b>Chênh lệch</b>				<b>-14.499.186.604</b>

(\*): Lợi nhuận sau thuế 3 năm liên tiếp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là lợi nhuận sau thuế 03 năm 2012, 2013, 2014 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng công ty sau khi đã trừ phần lợi nhuận sau thuế là lãi tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp không sử dụng cho sản xuất kinh doanh, được hạch toán bổ sung vào Quỹ. Số liệu các năm như sau:

- + Năm 2013: 8.593.082.346 đồng.
- + Năm 2014: 3.819.066.854 đồng.

(\*\*): Việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ hiện đang chưa phản ánh đúng bản chất của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty do giai đoạn 2012-2014 lợi nhuận sau thuế chiếm tỷ trọng lớn từ doanh thu hoạt động tài chính, mà chủ yếu lãi tiền gửi ngân hàng có mức lãi suất cao nên khi so sánh với lãi suất trái phiếu Chính phủ (tại thời điểm 31/12/2014 ở mức rất thấp) sẽ cho giá trị lợi thế kinh doanh, thương hiệu của VNCC rất cao (16.788.430.937 đồng). Sau khi cổ phần hóa Tổng công ty sẽ trả lại nhà nước một khoản tiền rất lớn cũng như chia quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động nên sẽ không còn khoản thu về hoạt động kinh doanh tài chính nữa nên lợi thế này sẽ không còn phát huy được (Tổng cộng cả hai khoản này khoảng 138 tỷ đồng). Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh 03 năm liền kề trước của Tổng công ty sau khi loại trừ phần lợi nhuận do gửi tiết kiệm thì giá trị lợi thế, thương hiệu của VNCC chỉ còn là 2.289.244.333 đồng, giảm 14.499.186.604 đồng). Ngoài ra theo tính toán của Tổng công ty, kết quả sản xuất kinh doanh trong 03 năm sau cổ phần hóa (2016-2018) chỉ đạt được mức lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu bình quân khoảng 5,62%/năm thấp hơn lãi suất trái phiếu Chính phủ tại thời điểm 31/12/2014 (6,19%/năm).

**PHỤ LỤC 5: TÀI LIỆU PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG ÁN  
SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA**

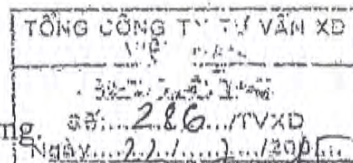
ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4695/UBND-KT

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2015

V/v: thỏa thuận phương án sử dụng đất của  
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam;  
Bộ Xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội  
khi thực hiện cổ phần hóa



Kính gửi: Bộ Xây dựng.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Công văn số 1018/BXD-KHTC ngày 11/5/2015 của Bộ Xây dựng xin ý kiến về phương án sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nội khi cổ phần hóa Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3089/STC-QLCS ngày 23/6/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhất trí thỏa thuận phương án sử dụng đất tại số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Diện tích đất: 2.500 m<sup>2</sup>) của Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam khi thực hiện cổ phần hóa, như sau:

- Đơn vị sử dụng 1.627m<sup>2</sup> làm trụ sở, văn phòng làm việc, kinh doanh theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm và phải phù hợp với quy hoạch của Thành phố;

- Đơn vị có trách nhiệm quản lý phần diện tích 873m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch mở đường, không được xây dựng công trình, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định (ký hợp đồng thuê đất hàng năm);

- Đơn vị đã nộp tiền thuê đất đến kỳ I năm 2015 và tiền thuế đất phi nông nghiệp năm 2014, tuy nhiên đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện nghĩa vụ tài chính về đất đối với khuôn viên đất này đến trước thời điểm chuyển thành công ty cổ phần. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT UBND TP: Vũ Hồng Khanh,  
Nguyễn Văn Sửu;
- Các Sở: TC, TN & MT, QHKT;
- Chi cục QLCS - Sở Tài chính;
- Tổng Công ty Tư vấn xây dựng VN;
- CVP, PCVP Kỵ, KT, TH, TN;
- Lưu: VT, KT(Hành).

1945(17)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số 1018 /BXD-KHTC**

V/v Xin ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá Tổng Cty Tư vấn Xây dựng Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Bộ Xây dựng nhận được công văn số 173/TTr-VNCC ngày 13/03/2015 của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (VNCC) xin ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá Tổng công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014.

Thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; Tổng công ty VNCC có phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất được phê duyệt đối với 01 cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Để có cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá, Bộ Xây dựng đã thống nhất với phương án sử dụng đất của Tổng công ty VNCC. Đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, có ý kiến với phương án sử dụng đất của Tổng công ty VNCC trên địa bàn thành phố Hà Nội. (Bộ Xây dựng gửi kèm phương án sử dụng đất của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam để Quý cơ quan xem xét).

**BỘ XÂY DỰNG**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Vụ QLDN, KHTC.

Số: 837/TSY-BXD

Ngày 10 tháng 6 năm 2015

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



T/L BỘ TRƯỞNG  
K/T CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG  
TRẦN QUỐC HÙNG.



**Bùi Phạm Khánh**

**BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN  
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **173/TTTr-VNCC**

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

V/v: Trình Bộ Xây dựng phương án  
sử dụng đất sau Cổ phần hóa Công ty  
mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng  
Việt Nam.

**TỜ TRÌNH**

**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA  
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**Kính gửi: BỘ XÂY DỰNG**

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

- Căn cứ Văn bản số 283/TTg-ĐMDN ngày 05/03/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-BXD ngày 04/8/2014 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam;

- Căn cứ công văn số 218/VNCC-KHĐT ngày 31/10/2014 của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam về việc lập tiến độ cổ phần hóa;

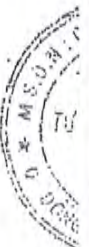
- Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam kính trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Tổng công ty nằm trong kế hoạch cổ phần hóa với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Đơn vị nằm trong kế hoạch cổ phần hóa, đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp (có diện tích đất đang sử dụng nằm trong phương án sử dụng đất):**

- Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam;

**II. Thực trạng sử dụng đất của đơn vị hiện đang quản lý: Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam:**

1. Các cơ sở nhà đất do Tổng công ty trực tiếp đứng tên chủ sở hữu: Có 01 cơ sở nhà đất làm Trụ sở Tổng công ty:



- Diện tích đất: 2.500m<sup>2</sup>
- Địa chỉ: Số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Hiện trạng sử dụng cơ sở nhà đất: Sử dụng làm trụ sở làm việc.
- Hình thức quản lý sử dụng cơ sở nhà đất: Đất thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.
- Hồ sơ nhà đất bao gồm:
  - + Quyết định số: 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho phép Công ty Tư vấn Xây dựng Dân dụng Việt Nam- Bộ Xây dựng thuê 2500m<sup>2</sup> đất đã xây dựng công trình tại số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa để làm trụ sở.
  - + Quyết định số: 4195/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.
  - + Công văn số: 4289/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 27/8/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đăng ký hồ sơ địa chính của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam.
  - + Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 888692 ngày 04/9/2013 cho Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tại địa chỉ số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Tổng diện tích 2500m<sup>2</sup>).
  - + Hợp đồng thuê đất số: 307/HĐTĐ ngày 18/7/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường đại diện UBND Thành phố Hà Nội ký về việc cho Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thuê 2500m<sup>2</sup> đất tại số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội làm trụ sở làm việc.
  - Quá trình rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất: Tháng 11/2010, Tổ công tác liên bộ ngành đã xuống rà soát và kiểm tra để sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 83/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nội dung được thể hiện tại các văn bản dưới đây:
    - + Văn bản số 8936/BTC-QLCS ngày 07/7/2011 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng trong đó bao gồm cơ sở nhà đất nêu trên.
    - + Quyết định số 720/QĐ-BXD ngày 19/7/2011 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam.
    - Phương án sử dụng đất: Phù hợp với nội dung phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-BXD ngày 19/7/2011.

1052  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
VIỆT NAM  
TP.

2. Các cơ sở nhà đất do các Chi nhánh, trung tâm thuộc Tổng công ty quản lý hoặc đứng tên chủ sở hữu: *Không có cơ sở nhà đất khác.*

### III. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của các đơn vị:

TT	Địa chỉ thửa đất/dự án	Diện tích đất (m2)	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa		Ghi chú
			Phương án SDD	Loại hình sử dụng đất	
I	Đất trụ sở Tổng công ty	2.500			
1	Trụ sở 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.	2.500	Tiếp tục sử dụng làm trụ sở cơ quan	Thuê đất-trả tiền thuê đất hàng năm	Đã rà soát và kiểm tra theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg

(Kèm theo phương án sử dụng đất là biểu tổng hợp và các giấy tờ pháp lý đất đai của từng đơn vị)

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Vụ KHTC, Vụ QLDN-BXD;
- UBND TP Hà Nội;
- HĐTV TCT;
- Lưu: VT, VP.



Đặng Kim Khôi

**BỘ TÀI CHÍNH**

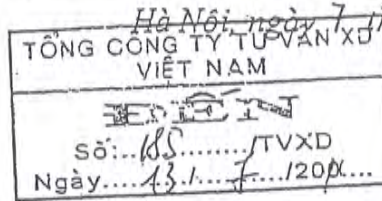
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN SAO**

Số: 8936 /BTC-QLCS

Về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng (đợt I)



Kính gửi: - Bộ Xây dựng  
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; căn cứ phương án đề xuất của Bộ Xây dựng tại Công văn số 08/BXD-KHTC ngày 05/01/2011; ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Công văn số 4969/UBND-KT ngày 17/6/2011; Bộ Tài chính có ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 14 cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do các doanh nghiệp nhà nước - Bộ Xây dựng quản lý, sử dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đợt I) như sau:

1. Thống nhất giữ lại tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của thành phố 10 cơ sở nhà, đất gồm:

a) 02 cơ sở nhà, đất của Tập đoàn Sông Đà:

- Nhà G10 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân (diện tích đất: 3.829,9m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 6.982m<sup>2</sup>)

- Ô HH4 khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm (diện tích đất: 9.863m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 66.107m<sup>2</sup>)

b) 01 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Licogi tại G1 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân (diện tích đất: 1.928m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 5.000m<sup>2</sup>).

c) 02 cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh:

- Xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (diện tích đất: 18.343,8m<sup>2</sup>)

- Xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (diện tích đất: 4.741m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 1.650m<sup>2</sup>)

d) 01 cơ sở nhà, đất của Công ty Lắp máy điện nước tại Ấp Tổ, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (diện tích đất: 22.217m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 201m<sup>2</sup>).

e) 01 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty cổ phần Sông Hồng tại số 70 An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ (diện tích đất: 17.259m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 14.372,36m<sup>2</sup>).

f) 01 cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tại số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa (diện tích đất: 2.500m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 3.570m<sup>2</sup>).

g) 02 cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCo):

- Xóm 6 xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm (diện tích đất: 4.431,6m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 1.845m<sup>2</sup>)

- Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm (diện tích đất: 748m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 2.284m<sup>2</sup>)

Đề nghị Bộ Xây dựng quyết định việc giữ lại tiếp tục sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 6 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg và chỉ đạo đơn vị phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất để quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Đối với cơ sở nhà, đất tại khối 2, thị trấn Đông Anh (diện tích đất: 65.742m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 28.600m<sup>2</sup>) của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh:

- Đề nghị đơn vị chuyển giao từ tầng 2 đến tầng 5 nhà 5 tầng tại Khu 3 về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với phần diện tích còn lại thống nhất đơn vị giữ lại tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của thành phố; đề nghị Bộ Xây dựng quyết định việc giữ lại tiếp tục sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 6 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg và chỉ đạo đơn vị phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất để quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Đối với cơ sở nhà, đất tại số 5 Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy (diện tích đất: 2.728m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 170m<sup>2</sup>) của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCo):

Thống nhất về chủ trương tiếp tục sử dụng để thực hiện dự án đầu tư theo Quyết định số 2416/QĐ-UB ngày 28/4/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo đơn vị làm việc với cơ quan chức năng của Thành phố để xác định diện tích đất chuyển mục đích cho phù hợp. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành công văn này, nếu đơn vị chưa triển khai thực hiện dự án đầu tư thì sẽ thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật.

4. Đối với cơ sở nhà, đất tại khu Tứ Kỳ - Quốc Bảo, ngõ 54 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì (diện tích đất: 10.116m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 5.739m<sup>2</sup>) của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCo):

Đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo đơn vị xây dựng phương án chuyển mục đích cơ sở nhà, đất này. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành công văn này, nếu đơn vị chưa triển khai thực hiện dự án đầu tư thì sẽ thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật.

5. Đối với cơ sở nhà, đất tại 61E Đê La Thành, quận Đống Đa (diện tích đất: 708m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 1.502,1m<sup>2</sup>) của Công ty Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20 (Licogi 20):

Hiện cơ sở nhà, đất này đang có vướng mắc về quyền sử dụng đất giữa Công ty Lắp máy điện nước và Xây dựng và Công ty Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20. Vì vậy, đề nghị Bộ Xây dựng xem xét giải quyết; tạm thời chưa đưa cơ sở nhà, đất này vào xử lý, sắp xếp lại.

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, QHKT, TN&MT TP Hà Nội;
- Tập đoàn Sông Đà;
- TCT Xây dựng và PHTT LICOGI;
- Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Đông Anh;
- Công ty Lắp máy điện nước;
- TCT CP Sông Hồng;
- TCT Tư vấn XD VN;
- Công ty TNHH NN MTV Ksát&XD;
- Công ty Kỹ thuật NM&XD 20;
- Cục TCDN;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hữu Chí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THUY KHUÊ  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.**

Ngày: 21-07-2011

Số: 0000660 Quyển: 01 .....SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Đức Thành**

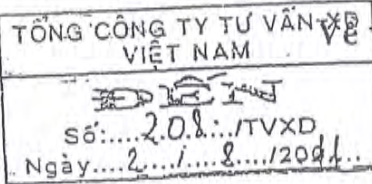
BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 720/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**



Về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất  
của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/06/2008;

Căn cứ Nghị định 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ văn bản số 8936/BTC-QLCS ngày 07/7/2011 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cho phép Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam được giữ lại tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của thành phố 01 cơ sở nhà, đất đối với trụ sở làm việc như sau:

- Địa chỉ: Tại số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa.

- Diện tích đất: 2.500 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 3.570 m<sup>2</sup>

**Điều 2:** Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng của Thành phố hoàn thiện hồ sơ pháp lý để quản lý, sử dụng về nhà, đất theo quy định hiện hành

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Tổng Giám đốc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- UBND TP HN;
- Cục QLN và TTBDS;
- Lưu: VT, Vụ KHTC (3 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG  
  
Trần Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 4195/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN SAO**

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2011

## QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND Thành phố Hà Nội

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2003 về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2968/TTr-STNMT-ĐKTK ngày 19 tháng 8 năm 2011,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.1. Điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND thành phố Hà Nội từ Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam thành Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam.

Lý do điều chỉnh: Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam được thành lập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày 21/7/2006 và Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22/7/2010 của Bộ Xây dựng.

2. Thu hồi Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 3244/QĐ-UBND ngày 18/7/2006 của UBND thành phố Hà Nội; giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu và quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB180752 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/7/2006 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới cho Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam.

3. Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính để xác định lại đơn giá thuê đất; liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB180752, làm thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đất cũ, ký hợp đồng thuê đất mới và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Các nội dung khác tại Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Chủ tịch UBND: quận Đống Đa, phường Láng Thượng; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Phạm Thanh Thủy*

Nơi nhận:

- Như điều 2; *[Signature]*
  - Lưu: VT, TNMT. *[Signature]*
- (18757.25/7/2011)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THUY KHUÊ  
HỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 09-11-2011

Số: 00.1948 Quyển: 01 ..SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

*Phạm Thanh Thủy*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH *[Signature]*



Vũ Hồng Khanh

Số: .....68524...../QĐ-UB

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2005

### QUYẾT ĐỊNH

V/v cho phép Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam-Bộ Xây dựng  
thuê 2500m<sup>2</sup> đất đã xây dựng công trình tại số 243 đề La Thành,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa để làm Trụ sở làm việc

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND;
- Căn cứ Luật Đất đai 2003;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số 3718/TTr-STMNT.NĐ ngày 15 tháng 9 năm 2005,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho phép Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam thuê 2500m<sup>2</sup> đất (Hai nghìn, năm trăm mét vuông) trong tổng số 6000 m<sup>2</sup> đất đã xây dựng công trình và 1000m<sup>2</sup> đất làm đường UBND Thành phố giao cho Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước (nay là Bộ Xây dựng) tại Giấy sử dụng đất số 4423 UB/KTCB ngày 9/11/1981, Trung tâm quy hoạch phát triển nông thôn thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng) quản lý sử dụng đã bàn giao cho Công ty để làm Trụ sở làm việc theo Quyết định số 757/BXD ngày 26/4/2005 của Bộ Xây dựng.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định bởi các mốc: từ 1, 2 đến 24 tại bản vẽ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đề xuất ngày 7/7/2005, được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 9/7/2005, Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất xác nhận ngày 15 tháng 9 năm 2005. Trong tổng số 2500 m<sup>2</sup> đất có:

+ 1627 m<sup>2</sup> đất giới hạn bởi các mốc 3, 4 đến 18, A, B là đất đã xây dựng công trình.

Thời gian thuê: Thuê 50 năm (năm mươi), kể từ ngày 26/4/2005.

+ 873 m<sup>2</sup> đất giới hạn bởi các mốc 1, 2, B, A, 19, 20 đến 24 là đất nằm trong quy hoạch mở đường, không được xây dựng công trình khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định.

Thời gian thuê: Thuê hàng năm.

Giá thuê đất được tính theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính và UBND Thành phố Hà Nội.

Điều 2: Căn cứ Điều I Quyết định này, Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam có trách nhiệm:

1/ Liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để ký Hợp đồng thuê đất theo Quyết định này;


2/ Liên hệ với Cục Thuế Hà Nội để làm thủ tục nộp tiền thuê đất theo quy định.

3/ Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tại Khoản 1, 2, Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để nhận bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, lập trích lục bản đồ khu đất và làm thủ tục trình UBND Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

4/ Quản lý, sử dụng diện tích đất được thuê trong phạm vi mốc giới, đúng mục đích và nội dung qui định tại Điều I.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, nếu Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam không ký Hợp đồng thuê đất hoặc sau khi ký Hợp đồng thuê đất mà không thực hiện đúng nội dung Hợp đồng thì Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất ra văn bản huỷ Hợp đồng thuê đất và lập hồ sơ trình UBND Thành phố thu hồi Quyết định thuê đất.


Điều 4: Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch-Kiến trúc; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Chủ tịch UBND quận Đống Đa, Chủ tịch UBND phường Láng Thượng; Giám đốc: Trung tâm quy hoạch phát triển nông thôn, Công ty Tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4

- CT UBND (để b/c)

- Bộ Xây dựng

 Lưu VP, ĐKTK

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KT/ CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quý Đôn

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND thành phố Hà Nội "V/v cho phép Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-Bộ Xây dựng thuê 2.500 m<sup>2</sup> đất đã xây dựng công trình tại số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa để làm trụ sở làm việc";

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 9/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội "V/v điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND thành phố Hà Nội".

Hôm nay ngày 18 tháng 7 năm 2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

- Do ông: Nguyễn Trọng Lễ.

- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

**BÊN THUÊ ĐẤT: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM.**

- Do ông: Đặng Kim Khôi.

- Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: 243 Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Mã số doanh nghiệp: 0100105278.

- Tài khoản số 21510000316003 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

**Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:**

1. Diện tích đất thuê: 2.500 m<sup>2</sup> (Hai nghìn năm trăm mét vuông).

Tại: số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa.

Để sử dụng vào mục đích: làm trụ sở làm việc.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định bởi các mốc: từ 1, 2 đến 24 tại bản vẽ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đề xuất ngày 7/7/2005, được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 9/7/2005.

Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) xác nhận ngày 15/9/2005. Trong đó:

- 1.627 m<sup>2</sup> đất giới hạn bởi các mốc 3, 4 đến 18, A, B là đất đã xây dựng công trình.

- 873 m<sup>2</sup> đất giới hạn bởi các mốc 1, 2, B, A, 19, 20 đến 24 là đất nằm trong quy hoạch mở đường, không được xây dựng công trình khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định.

3. Thời hạn thuê đất:

- Diện tích 1.627 m<sup>2</sup> đất để xây dựng công trình, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 26/4/2005 (theo Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 của UBND thành phố Hà Nội).

- Diện tích 873 m<sup>2</sup> đất để mở đường, thời hạn thuê: Hàng năm.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo qui định sau:

1. Căn cứ Quyết định số 6883/QĐ-STC ngày 29/12/2012 của Sở Tài Chính về việc phê duyệt đơn giá thuê của Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam tại 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội:

- Đối với diện tích 1.627 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ là 435.600 đồng/m<sup>2</sup>/năm (Bốn trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm đồng trên một mét vuông một năm);

- Đối với diện tích 873 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ là 217.800 đồng/m<sup>2</sup>/năm (Hai trăm mười bảy nghìn tám trăm đồng trên một mét vuông một năm);

- Đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm kể từ ngày 9/9/2011. Hết thời hạn ổn định trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính để xác định lại đơn giá thuê đất; liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Thời điểm nộp tiền theo đơn giá trên được tính: Kể từ ngày 9/9/2011.

5. Nơi nộp tiền thuê đất: Chi cục thuế quận Đống Đa.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại điều 38 luật đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 111 Luật Đất đai.

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại điều 131 của Nghị định số 181// NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

**Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:**

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản, phát mại tài sản hoặc giải thể doanh nghiệp (đối với trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm).

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại điều 38 của Luật Đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bên đó phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Hợp đồng này gồm 03 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế quận Đống Đa.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

## BÊN THUÊ ĐẤT



**BÊN CHỢ THUÊ ĐẤT**



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THUY KHUÊ PHÓ GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC HỒNG THỰC BAN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
KTS. *Đặng Kim Khôi* *Nguyễn Trọng Lễ*  
Ngày: 26-07-2013

Số: 0.1.1.7.0.8 Quyển

....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Bá Đông

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4279/STNMT-VPĐKĐĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2013

V/v: đăng ký hồ sơ địa chính của Tổng  
công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam

Kính gửi: Tổng công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 và Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 180752 do UBND Thành phố Hà Nội đã cấp ngày 18/7/2006;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1178/TTr-VPĐKĐĐ ngày 22/8/2013 của Văn phòng Đăng ký Đất đai Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 180752 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/7/2006 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BO 888692 cho Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam, với nội dung:

Thửa đất được quyền sử dụng thuộc tờ bản đồ 7E-IV-08 theo Trích lục bản đồ tỷ lệ 1/1000 do Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất lập ngày 20/4/2006;

Tổng số thửa đất: 2, tổng diện tích: 2500m<sup>2</sup> (Hai nghìn năm trăm mét vuông)

Số tờ	Thửa đất số	Địa chỉ thửa đất	DT đất SD riêng (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc
7E-IV-08	Khu A	Số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	1627 m <sup>2</sup>	Làm trụ sở làm việc	50 năm kể từ ngày 26/4/2005	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
7E-IV-08	Khu B	Số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	873 m <sup>2</sup>	Nằm trong quy hoạch mở đường, không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định	Hàng năm	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

Ghi chú: Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 và Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 180752 do UBND Thành phố Hà Nội đã cấp ngày 18/7/2006.

Tổng công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam có trách nhiệm đăng ký Giấy chứng nhận được cấp tại UBND phường Láng Thượng, UBND quận Đống Đa và sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Giám đốc Sở (để b/c);
  - UBND phường Láng Thượng; | Để đăng
  - UBND quận Đống Đa; | ký HSĐC
  - Lưu VT, ĐKĐĐ;
- (MHS: 30821.VPĐKĐĐ-2/8/2013)

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghĩa

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 6854...Quyền số: 4.....SCT/BS

Ngày: 24 -10- 2013

TM. UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Khanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

#### I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất

Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0100105278 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2010 (chuyên đổi từ DNNN: Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam (Giấy CN ĐKKD số 0106000814, cấp ngày: 12/12/2006) theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22/7/2010 của Bộ Xây dựng)

Địa chỉ trụ sở: Số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

B0 888692



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

-Tổng số thừa đất: 2 ; tổng diện tích: 2.500,00 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai nghìn năm trăm phẩy không mét vuông.)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa chỉ Thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn sử
			SD riêng	SD chung			
7E-IV-08	Khu A	Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	1.627,00	Không	Làm trụ sở làm việc	50 năm kể từ ngày 26/4/2005	Nhà nước thuê đất hàng năm
7E-IV-08	Khu B	Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	873,00	Không	Nằm trong quy hoạch mở đường, không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định	Hàng năm	Nhà nước thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

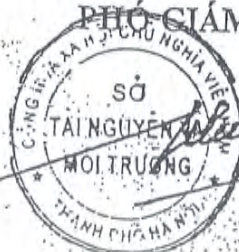
6. Ghi chú: Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 6854/QĐ-UB ngày 12/10/2005 và Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 180752 do UBND Thành phố Hà Nội đã cấp ngày 18/7/2006

CHỨNG THỰC

Số chứng thực: 6

TM. UB

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2013  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
 TUQ.CHỦ TỊCH  
 KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghĩa

Số vào sổ cấp GCN: 560

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Theo trích lục bản đồ số 71/TĐ-06 tỷ lệ 1:1000 do  
Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 20/4/2006.

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Quyển số: 4.....SCT/BS

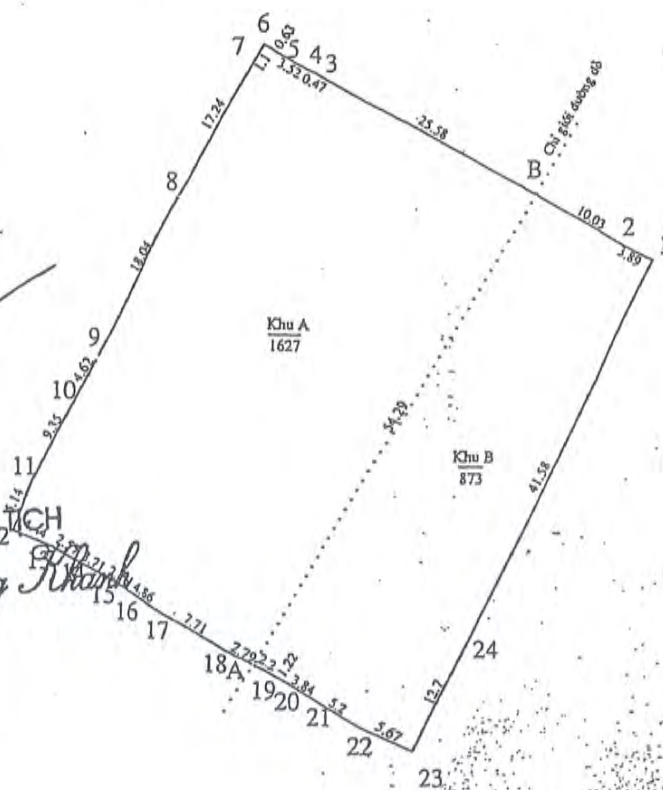
- 2013

SÔNG ĐIỆN BIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Khánh



#### IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Ngày	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



010018713030821

## PHỤ LỤC 6: DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN

**BỘ XÂY DỰNG**  
**TỔNG CÔNG TY TVXD VIỆT NAM**  
 Mẫu số 7: Danh sách mua cổ phần ưu đãi theo số năm công tác  
**DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI**  
**TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 25/08/2015**

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>A</b>	<b>Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động</b>							
1	Nguyễn Thị Duyên	1		06/09/1959	07/2012	33.23	3300	
2	Đặng Kim Khôi	2	08/07/1958		03/1986	33.90	3300	
3	Nguyễn Thị Tố Trinh	3		30/06/1970	11/2006	9.02	900	
4	Cung Lan Khanh	4		30/10/1968	01/1989	26.64	2600	
5	Nguyễn Ngọc Dũng	5	10/04/1957		03/1983	32.48	3200	
6	Trần Bình Trọng	6	21/10/1961		05/1984	31.32	3100	
7	Nguyễn Huy Khanh	7	18/11/1971		08/1994	21.05	2100	
8	Thần Hồng Linh	8	24/08/1965		01/1995	20.65	2000	
9	Nguyễn Lâm Cường	9	03/01/1970		09/1992	22.98	2200	
10	Nguyễn Thị Đoàn Trang	10		25/06/1974	04/1999	16.40	1600	
<b>B</b>	<b>Lao động làm việc theo hợp đồng lao động</b>							
<b>I</b>	<b>Phòng Kế hoạch đầu tư</b>							
11	Nguyễn Bá Minh	11	14/01/1972		10/1995	19.90	1900	
12	Nguyễn Văn Tiến	12	22/09/1973		03/1998	17.48	1700	
13	Phạm Hồng Minh	13		08/01/1978	12/2001	13.73	1300	
14	Nguyễn Văn Phúc	14	10/04/1974		01/2006	13.32	1300	
15	Trần Hoàng Khánh	15	20/09/1961		11/1985	29.81	2900	
16	Đào Thị Tuyết Thanh	16		12/05/1972	03/1998	17.48	1700	
17	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17		31/01/1972	11/1997	17.81	1700	
18	Trần Trọng Hùng	18	13/09/1977		08/2002	13.07	1300	
19	Đinh Thị Thủy	19		08/12/1988	12/2009	5.73	500	
20	Nguyễn Thu Thủy	20		23/12/1980	05/2004	11.32	1100	
21	Nguyễn Thị Thảo	21		10/09/1982	01/2009	6.64	600	
22	Hoàng Thị Thủy	22		04/11/1984	08/2008	7.06	700	
23	Ngô Thành Trung	23	09/01/1986		10/2009	5.90	500	
24	Lê Minh Tuấn	24	20/04/1984		10/2009	5.90	500	
25	Nguyễn Nhật Mai	25		04/03/1984	01/2008	7.65	700	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
26	Vũ Duy Hùng	26	11/12/1987		09/2011	3.98	300	
27	Trịnh Thị Minh Châu	27		04/04/1988	12/2011	3.73	300	
28	Nguyễn Hữu Toàn	28	05/08/1989		12/2012	2.73	200	
29	Bùi Xuân Thanh	29		02/09/1986	09/2014	0.98	0	
30	Trần Đức Long	30	20/04/1981		09/2014	0.98	0	
31	Trịnh Thị Vân	31		14/08/1974	04/2015	0.40	0	
32	Nguyễn Nhật Lệ	32	29/05/1974		05/2015	0.32	0	
II	Văn phòng Tổng công ty							
33	Đỗ Ngọc Liên	33		04/12/1977	04/2008	15.23	1500	
34	Lê Nguyễn Vinh	34	11/07/1983		03/2008	7.48	700	
35	Đỗ Thị Thanh Hoa	35		09/11/1978	05/2004	11.32	1100	
36	Đặng Hoài Phương	36		05/03/1983	03/2008	7.48	700	
37	Đông Công Giáp	37	11/01/1972		03/1998	17.48	1700	
38	Lê Thị Hương	38		02/10/1985	09/2007	7.98	700	
39	Nguyễn Châu Giang	39		05/05/1981	08/2010	5.07	500	
40	Trương Văn Cường	40	03/06/1958		08/1997	18.06	1800	
41	Dương Quang Thành	41	04/10/1977		07/2007	8.63	800	
42	Nguyễn Quốc Anh	42	09/07/1972		11/2010	4.81	400	
43	Nguyễn Phương Đồng	43	18/01/1984		09/2011	3.97	300	
44	Đinh Thanh Quang	44	29/11/1967		01/2000	15.65	1500	
45	Nguyễn Thị Thu	45		31/01/1979	03/1999	16.48	1600	
46	Nguyễn Thị Thu Vân	46		01/02/1987	06/2011	4.23	400	
47	Trần Trọng Đồng	47	10/25/1946		11/2014	0.81	0	
48	Cù Xuân Kính	48	8/12/1952		08/2015	0.07	0	
III	Phòng Tổ chức và Phát triển nguồn nhân lực							
49	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	49		31/03/1973	06/1994	21.23	2100	
50	Đào Thu Thủy	50		16/12/1974	04/1997	18.40	1800	
51	Nguyễn Công Trung	51	07/09/1981		06/2013	2.23	200	
52	Ngô Ngọc Hải	52	17/03/1981		01/2006	9.65	900	
IV	Phòng Tài chính Kế toán							
53	Phạm Vũ Thanh	53	25/12/1972		01/2012	3.65	300	
54	Đàm Thị Hải Yến	54		05/01/1973	12/1993	21.73	2100	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
55	Nguyễn Thị Thu Hà	55		04/10/1960	02/1981	34.56	3400	
56	Lê Thị Thu	56		18/08/1961	10/1983	33.07	3300	
57	Nguyễn Đình Thắng	57	20/06/1973		08/1997	18.06	1800	
58	Phạm Diễm Ngọc	58		25/09/1983	01/2008	7.62	700	
59	Trịnh Tuấn Anh	59	13/06/1985		02/2010	5.56	500	
60	Nguyễn Thanh Dung	60		5/10/1982	08/2015	4.33	400	
V	Văn phòng Kiến trúc 1							
61	Trần Đức Toàn	61	03/03/1973		08/1996	19.06	1900	
62	Lê Huy	62	09/11/1973		10/1995	19.90	1900	
63	Nguyễn Quý Phong	63	13/01/1975		10/1997	17.90	1700	
64	Phạm Thị Quỳnh Lan	64		26/04/1971	08/1997	18.06	1800	
65	Nguyễn Quang Anh	65	29/11/1978		01/2003	12.65	1200	
66	Đào Thị Việt Hà	66		21/08/1980	05/2008	7.32	700	
67	Nguyễn Anh Tuyền	67	02/11/1984		01/2008	7.65	700	
68	Nguyễn Khánh Ly	68		14/09/1985	01/2011	4.65	400	
69	Lê Quang Trung	69	22/05/1983		12/2007	7.73	700	
70	Lưu Tiên Thành	70	26/06/1987		09/2011	3.98	300	
71	Quách Thế Anh	71	31/03/1987		09/2011	3.98	300	
72	Đâu Thị Hường	72		18/10/1985	09/2011	3.98	300	
73	Lê Anh Vũ	73	17/03/1986		09/2011	3.98	300	
74	Lê Minh Hiếu	74	17/10/1989		12/2012	2.73	200	
75	Bùi Thị Tươi	75		11/03/1988	12/2012	2.73	200	
76	Mai Quỳnh Phương	76		01/01/1987	01/2014	1.65	100	
77	Hồ Văn Thăng	77	12/05/1984		10/2009	5.90	500	
78	Trần Thanh Sơn	78	22/07/1978		10/2014	0.90	0	
79	Nguyễn Văn Chuyển	79	10/08/1988		10/2014	0.90	0	
80	Nguyễn Thị Du	80		10/11/1988	10/2014	0.90	0	
81	Đặng Hải Bình	81	15/03/1977		01/2015	0.65	0	
VI	Văn phòng Quy hoạch Hạ tầng							
82	Đoàn Đức Phi	82	07/11/1978		04/2007	8.40	800	
83	Đoàn Thị Thanh Hải	83		01/02/1980	04/2004	11.40	1100	
84	Trương Đức Dũng	84	21/01/1980		04/2004	11.40	1100	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
85	Nguyễn Thị Thi	85		21/05/1977	04/2008	7.40	700	
86	Phan Thị Khúc Vũ	86		24/01/1983	04/2007	8.40	800	
87	Trần Xuân Việt	87	08/09/1979		04/2005	10.64	1000	
88	Chu Thị Chi	88		10/04/1982	01/2006	9.65	900	
89	Nguyễn Thị Thanh Trà	89		28/02/1975	10/1997	17.90	1700	
90	Hà Thị Nga	90		26/01/1983	10/2009	5.90	500	
91	Nguyễn Tường Linh	91		05/04/1985	10/2009	5.90	500	
92	Vũ Minh Hiền	92		23/10/1983	11/2010	10.81	1000	
93	Nguyễn Thị Châu Loan	93		27/07/1985	11/2010	4.81	400	
94	Lê Quang Minh	94	16/08/1984		07/2009	6.15	600	
95	Trịnh Thị Minh Hiền	95		03/11/1988	09/2011	3.98	300	
96	Vũ Hồng Anh	96		30/11/1988	09/2011	3.98	300	
97	Vương Trí Hưng	97	19/09/1986		09/2011	3.98	300	
98	Hoàng Thế Hòa	98	25/06/1985		10/2014	0.90	0	
99	Nguyễn Thanh Hùng	99	26/05/1989		10/2014	0.90	0	
100	Lê Hoàng Long	100	02/10/1989		01/2015	0.65	0	
101	Nguyễn Thị Hương	101		15/10/1991	10/2014	0.89	0	
102	Nguyễn Quốc Khanh	102	01/09/1991		10/2014	0.90	0	
VII Văn phòng Kiến trúc 3								
103	Nguyễn Tuấn Ngọc	103	24/01/1979		09/2002	12.98	1200	
104	Trần Thái Bình	104	24/10/1973		01/1996	19.62	1900	
105	Vũ Nhật Quang	105	10/11/1976		01/2003	12.65	1200	
106	Phạm Duy Tuấn	106	23/10/1981		06/2007	8.23	800	
107	Nguyễn Thị Thu	107		08/10/1977	01/2003	12.65	1200	
108	Trần Phương Lan	108		06/06/1980	04/2004	11.40	1100	
109	Bùi Quang Chính	109	27/12/1981		04/2007	8.40	800	
110	Nguyễn Thị Hồng Minh	110		16/06/1979	01/2003	12.65	1200	
111	Nguyễn Cát Tùng	111	11/10/1985		10/2012	2.90	200	
112	Nguyễn Thị Thùy Dương	112		05/01/1988	09/2011	3.98	300	
113	Nguyễn Hoàng Anh	113		22/09/1989	01/2014	1.65	100	
114	Nguyễn Đức Anh	114	18/11/1990		01/2014	1.65	100	
115	Lại Thị Phương Anh	115		27/02/1987	04/2014	1.40	100	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
116	Nguyễn Tuấn Anh	116	24/6/1989		10/2014	0.90	0	
117	Nguyễn Thị Long	117		10/03/1990	10/2014	0.90	0	
118	Đỗ Huy Hoàng	118	28/11/1990		10/2014	0.89	0	
119	Ngô Thế Quân	119	26/10/1990		10/2014	0.89	0	
120	Trần Hoàng Sơn	120	03/04/1981		10/2014	0.89	0	
<b>VIII Văn phòng Kiến trúc 4</b>								
121	Dương Thị Thanh Vân	121		21/12/1970	10/1995	19.90	1900	
122	Nguyễn Trường Linh	122	06/09/1978		01/2003	12.65	1200	
123	Trần Quang Huy	123	09/11/1978		01/2003	12.65	1200	
124	Hoàng Thị Quỳnh Ngọc	124		19/12/1974	04/2000	15.40	1500	
125	Phạm Thị Hiền	125		08/10/1974	05/1997	18.32	1800	
126	Nguyễn Thị Lan Oanh	126		13/08/1975	11/1997	17.81	1700	
127	Trần Thị Hồng Khuyên	127		02/07/1979	01/2003	12.65	1200	
128	Nguyễn Minh Hiếu	128	20/08/1982		09/2007	7.98	700	
129	Đào Thế Sơn	129	21/05/1984		08/2008	7.06	700	
130	Trần Mạnh Long	130	22/12/1983		08/2007	8.07	800	
131	Vũ Thị Hiền	131		26/08/1982	10/2012	2.90	200	
132	Nguyễn Lưu Sơn	132	28/2/1986		11/2010	4.81	400	
133	Hoàng Nghĩa Hà	133	13/06/1984		11/2010	4.81	400	
134	Lê Thị Nga	134		20/04/1987	09/2011	3.98	300	
135	Phan Tiến Hậu	135	21/01/1988		10/2011	3.90	300	
136	Hoàng Anh Tuấn	136	23/10/1988		12/2011	3.73	300	
137	Nguyễn Đức Trung	137	04/12/1989		12/2012	2.73	200	
138	Nguyễn Minh Trung	138	28/08/1984		01/2015	0.64	0	
139	Phạm Văn Thọ	139	12/05/1990		01/2015	0.64	0	
140	Nguyễn Văn Tiến	140	22/04/1948		05/2014	1.32	100	
<b>IX Văn phòng Kiến trúc 5</b>								
141	Lê Trường Sơn	141	13/12/1970		11/1994	20.81	2000	
142	Bùi Quốc Dũng	142	03/02/1962		03/1991	24.48	2400	
143	Hà Đức Hường	143	14/07/1973		08/1995	20.07	2000	
144	Trần Thị Lan Phương	144		17/10/1968	05/1991	24.32	2400	
145	Ngô Thu Hà	145		22/09/1972	05/1996	19.32	1900	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
146	Nguyễn Đức Hiệp	146	18/05/1978		12/2001	13.73	1300	
147	Nguyễn Đức Tuấn	147	24/02/1978		01/2003	12.65	1200	
148	Lê Xuân Hoàng	148	15/10/1977		01/2003	12.65	1200	
149	Đào Văn Sơn	149	02/10/1978		04/2004	11.40	1100	
150	Nguyễn Văn Tiến Thành	150	05/05/1982		05/2008	7.32	700	
151	Đặng Thị Việt Anh	151		22/08/1972	04/1995	20.40	2000	
152	Trần Thanh Nhân	152		23/04/1985	08/2008	7.06	700	
153	Trần Tuấn Anh	153	26/03/1985		08/2008	7.06	700	
154	Đỗ Ngọc Lâm	154	29/08/1984		08/2008	7.06	700	
155	Trần Hà Thái	155	21/05/1984		10/2009	5.90	500	
156	Nguyễn Bảo Thái	156	19/11/1985		07/2011	4.15	400	
157	Nguyễn Mạnh Vương	157	13/08/1987		09/2011	3.98	300	
158	Nghiêm Thanh Đức	158	05/10/1987		10/2011	3.90	300	
159	Nguyễn Thị Nhài	159		30/11/1988	12/2012	2.73	200	
160	Nguyễn Cường	160	08/08/1984		04/2013	2.40	200	
161	Nguyễn Trung Kiên	161	08/03/1986		08/2013	2.06	200	
162	Phạm Thị Vân	162		20/12/1990	10/2014	0.90	0	
163	Nguyễn Thị Liên	163		08/08/1956	09/2014	0.98	0	
<b>X Văn phòng Dự án</b>								
164	Vũ Hồng Thủy	164	27/10/1957		09/1984	35.23	3500	
165	Bùi Huy Hoàng	165	14/02/1974		04/1996	19.40	1900	
166	Vũ Ngọc Văn	166	01/01/1958		03/1989	35.65	3500	
167	Nguyễn Mạc Hà	167	23/12/1960		11/1985	29.81	2900	
168	Ngô Thị Vân	168		14/02/1969	08/1992	23.06	2300	
169	Trịnh Thu Hà	169		04/03/1971	11/1995	19.81	1900	
170	Đặng Thị Kim Xuân	170		26/10/1976	01/2001	14.64	1400	
171	Phạm Minh Đức	171	25/04/1982		01/2006	9.65	900	
172	Doãn Thị Vân	172		06/03/1983	04/2007	8.40	800	
173	Cung Tố Chi	173		26/11/1974	01/1997	18.64	1800	
174	Nguyễn Quỳnh Nga	174		31/08/1976	01/2003	12.65	1200	
175	Phạm Thị Thủy Hà	175		06/12/1981	01/2008	7.65	700	
176	Lê Thị Lành	176		04/07/1984	08/2008	7.06	700	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
177	Lê Thủy Thanh Liêm	177	23/09/1984		12/2008	6.73	600	
178	Nguyễn Hoàng My	178		29/12/1978	07/2011	4.15	400	
179	Dương Văn Minh	179	11/09/1986		09/2011	3.98	300	
180	Vũ Thị Lê Vân	180		29/06/1988	09/2011	3.98	300	
181	Nguyễn Hữu Vĩnh Lý	181	09/10/1987		09/2011	3.98	300	
182	Nguyễn Mạnh Tuấn	182	10/12/1988		12/2011	3.73	300	
<b>XI Văn phòng Kết cấu 1</b>								
183	Phạm Hữu Trí Dục	183	19/10/1958		01/1984	31.65	3100	
184	Lương Tuấn Cường	184	14/07/1959		03/1984	31.48	3100	
185	Nguyễn Thanh Hải	185	10/06/1978		01/2003	12.65	1200	
186	Nguyễn Khắc Tâm	186	01/01/1980		01/2004	11.65	1100	
187	Cao Thị Thủy	187		20/04/1963	12/1985	29.73	2900	
188	Đỗ Văn Bình	188	03/06/1958		05/2002	34.73	3400	
189	Nguyễn Thị Bích Hạnh	189		05/08/1960	08/1979	36.07	3600	
190	Nghiêm Trung Hùng	190	09/02/1981		04/2007	8.40	800	
191	Đặng Thanh Thủy	191		29/05/1966	04/1987	28.40	2800	
192	Nguyễn Quốc Khánh	192	02/09/1984		01/2008	7.65	700	
193	Nguyễn Quốc Khánh	193	21/08/1984		01/2008	7.65	700	
194	Nguyễn Trung Đức	194	07/11/1985		01/2010	5.65	500	
195	Nguyễn Việt Hưng	195	13/11/1983		07/2006	9.15	900	
196	Đỗ Tuấn Thi	196	16/07/1985		01/2008	7.64	700	
197	Nguyễn Ngọc Anh	197	13/10/1988		09/2011	3.98	300	
198	Nguyễn Ngọc Đức	198	01/01/1987		09/2011	3.98	300	
199	Lê Kim Ngân	199	03/06/1984		09/2011	3.98	300	
200	Nguyễn Anh Thái	200	28/04/1988		12/2011	3.73	300	
201	Phạm Ngọc Thanh	201	09/02/1988		10/2014	0.90	0	
202	Võ Như Hiền	202	22/05/1988		10/2014	0.90	0	
<b>XII Văn phòng Kết cấu 2</b>								
203	Nguyễn Xuân Hải	203	19/09/1971		07/1994	21.15	2100	
204	Trương Đức Huỳnh	204	10/08/1958		01/1983	32.65	3200	
205	Hoàng Anh Tùng	205	03/04/1978		10/2004	10.90	1000	
206	Bùi Xuân Phước	206	05/05/1980		01/2004	11.65	1100	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
207	Trương Diệp Anh	207		09/01/1963	05/1988	27.32	2700	
208	Nguyễn Thị Bạch Nga	208		13/01/1972	08/1994	21.07	2100	
209	Dương Thái Diệu Linh	209		31/08/1973	01/1995	20.65	2000	
210	Trịnh Thị Mai	210	04/03/1977		12/2001	13.73	1300	
211	Đường Tất Lương	211	21/03/1980		01/2004	11.65	1100	
212	Nguyễn Thị Huệ	212	23/12/1983		07/2007	8.15	800	
213	Cao Thế Hưng	213	12/02/1982		01/2006	9.65	900	
214	Nguyễn Thuỳ Linh	214	03/11/1976		02/2000	15.56	1500	
215	Nguyễn Đình Thức	215	24/04/1982		01/2006	9.65	900	
216	Ngô Minh Tuấn	216	21/10/1984		06/2008	7.23	700	
217	Đỗ Trần Phương	217	11/12/1983		06/2008	7.23	700	
218	Trần Xuân Hùng	218	16/10/1984		10/2008	6.90	600	
219	Trần Tiến Đình	219	11/09/1986		10/2009	5.90	500	
220	Trần Thuý Hằng	220	31/12/1986		01/2010	5.65	500	
221	Trịnh Hoàng Hương	221	05/05/1987		01/2011	4.65	400	
222	Đỗ Quang Hưng	222	07/09/1982		01/2011	4.65	400	
223	Ngô Văn Giang	223	19/10/1985		09/2011	3.98	300	
224	Phạm Mạnh Tùng	224	25/12/1987		09/2011	3.98	300	
225	Hoàng Hữu Hiếu	225	06/01/1988		09/2011	3.98	300	
226	Hoàng Hà	226	01/10/1987		09/2011	3.98	300	
227	Vũ Văn Tiến	227	19/09/1984		09/2011	3.98	300	
228	Đỗ Trần Cương	228	28/10/1989		01/2015	0.64	0	
229	Phạm Văn Toàn	229	10/05/1991		10/2014	0.90	0	
230	Nguyễn Ngọc Thắng	230	28/03/1991		10/2014	0.90	0	
231	Lê Tiến Nghĩa	231	26/08/1991		10/2014	0.89	0	
<b>XIII Văn phòng Kết cấu 3</b>								
232	Đặng Quyết Thắng	232	09/06/1977		07/2002	13.15	1300	
233	Lê Văn Quyết	233	14/11/1956		06/1980	35.23	3500	
234	Phạm Quang Trung	234	26/06/1976		12/2001	13.73	1300	
235	Trần Quê Hương	235		03/09/1960	02/1983	32.56	3200	
236	Lưu Khánh Hằng	236		17/09/1960	08/1979	36.07	3600	
237	Kiều Thị Diễm	237		07/07/1966	02/1987	28.56	2800	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
238	Lương Thị Phương Anh	238		29/06/1973	01/1997	18.64	1800	
239	Đặng Phương Anh	239		03/04/1974	01/1997	18.64	1800	
240	Nguyễn Thị Thu Hà	240		26/06/1975	06/1999	16.23	1600	
241	Nguyễn Hoàng Oanh	241		08/09/1975	06/1997	18.63	1800	
242	Ngô Thị Thu Trang	242		08/10/1978	01/2003	12.65	1200	
243	Nguyễn Xuân Tài	243	23/06/1978		01/2003	12.65	1200	
244	Lê Thị Ngọc Liên	244		16/07/1961	01/1983	32.65	3200	
245	Nguyễn Minh Tuấn	245	01/08/1983		01/2007	8.65	800	
246	Nguyễn Tiến Quyết	246	03/11/1985		04/2008	7.40	700	
247	Tăng Hữu Quân	247	24/08/1985		08/2008	7.06	700	
248	Vũ Thị Thu Nga	248		19/08/1985	10/2008	6.90	600	
249	Phạm Thị Huệ Chi	249		09/09/1983	01/2010	5.65	500	
250	Vũ Mạnh Tuấn	250	01/12/1984		10/2009	7.65	700	
251	Trần Bá Tiến	251	25/05/1987		01/2011	4.65	400	
252	Dương Đình Quế	252	20/11/1985		01/2011	4.65	400	
253	Đỗ Cao Nguyễn	253	25/10/1988		09/2011	3.98	300	
254	Nguyễn Ngọc Thìn	254	17/05/1988		09/2011	3.98	300	
255	Lê Minh Đức	255	12/09/1988		09/2011	3.98	300	
256	Đặng Xuân Dương	256	14/01/1991		10/2014	0.90	0	
257	Phạm Kế Luyện	257	24/04/1990		10/2014	0.90	0	
258	Mai Văn Bắc	258	06/12/1989		10/2014	0.89	0	
XIV	Văn phòng Cơ điện - Nước - Môi trường							
259	Đặng Thanh Hải	259	18/12/1979		01/2003	12.65	1200	
260	Phạm Thế Hùng	260	11/08/1975		03/1999	16.48	1600	
261	Nguyễn Duy Thành	261	25/03/1970		01/2003	12.65	1200	
262	Ngô Hoài An	262		17/07/1980	10/2004	10.90	1000	
263	Khâu Thanh Tùng	263	09/10/1980		04/2005	10.40	1000	
264	Tướng Phi Hà	264	03/10/1977		04/2002	13.40	1300	
265	Ngô Linh Ngọc	265	20/07/1979		01/2003	12.65	1200	
266	Phạm Thanh Bình	266	24/01/1981		04/2004	11.40	1100	
267	Nguyễn Ngọc Thủy	267	15/12/1982		01/2009	6.64	600	
268	Đào Văn Trung	268	18/07/1980		04/2007	8.40	800	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
269	Nguyễn Hoàng Thi	269	29/06/1976		01/2006	9.65	900	
270	Trần Thị Dung	270		07/09/1984	04/2007	8.40	800	
271	Đinh Văn Quyết	271	29/01/1984		01/2006	9.65	900	
272	Nguyễn Thị Minh Tuyết	272		26/01/1973	03/1996	19.48	1900	
273	Nguyễn Văn Trung	273	11/01/1984		04/2008	7.40	700	
274	Ngô Văn Chuyên	274	04/04/1982		04/2008	7.40	700	
275	Đỗ Xuân Bình	275	16/09/1985		08/2008	7.06	700	
276	Nguyễn Thị Kim Huệ	276		04/08/1983	10/2008	6.90	600	
277	Nguyễn Bá Canh	277	05/10/1957		03/1980	35.48	3500	
278	Trần Thị Kiều Diễm	278		25/09/1978	01/2003	12.65	1200	
279	Trịnh Đức Tiến	279	19/09/1980		04/2004	11.40	1100	
280	Vũ Thị Liên	280		23/04/1982	01/2006	9.65	900	
281	Đặng Văn Tiến	281	10/08/1982		04/2008	7.40	700	
282	Lê Quang Thanh	282	11/09/1983		09/2007	7.98	700	
283	Văn Đức Mạnh	283	01/09/1983		08/2008	7.06	700	
284	Đặng Việt Bằng	284	14/10/1982		10/2009	5.90	500	
285	Đoàn Văn Quyền	285	01/12/1984		01/2010	5.65	500	
286	Nguyễn Thế Tùng	286	11/05/1986		01/2010	5.65	500	
287	Ngô Quang Cường	287	20/11/1988		03/2010	5.48	500	
288	Nguyễn Ngọc Dũng	288	16/11/1981		09/2011	3.98	300	
289	Đổng Thị Thật	289		16/05/1987	09/2011	3.98	300	
290	Nguyễn Văn Anh	290		13/02/1987	09/2011	3.98	300	
291	Đỗ Thị Ai	291		09/08/1987	09/2011	3.98	300	
292	Đặng Thanh Sơn	292	10/10/1987		01/2013	2.64	200	
293	Phạm Thị Lan Anh	293		29/07/1988	04/2014	1.40	100	
294	Nguyễn Duy Hiền	294	01/07/1987		12/2014	0.73	0	
295	Nguyễn Thị Vân Thảo	295		11/09/1991	12/2014	0.73	0	
296	Nguyễn Mai Anh	296		20/05/1991	12/2014	0.72	0	
XV	Xí nghiệp Khảo sát và Kiểm định chất lượng xây dựng							
297	Trương Tam Quyết	297	04/10/1961		10/1985	30.48	3000	
298	Vũ Thái Dũng	298	03/06/1957		06/1980	35.22	3500	
299	Nguyễn Ngọc Vinh	299	06/02/1970		01/1997	18.64	1800	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
300	Vương Hoàng Nam	300	06/04/1970		01/1997	18.64	1800	
301	Đặng Mạnh Hùng	301	28/03/1964		10/1988	26.90	2600	
302	Vũ Đông	302	09/01/1959		01/1997	18.64	1800	
303	Nguyễn Xuân Thiện	303	30/07/1968		01/1989	26.64	2600	
304	Nguyễn Xuân Tinh	304	05/08/1979		01/2003	12.65	1200	
305	Trần Thị Lan Hương	305		10/05/1980	04/2005	10.40	1000	
306	Nguyễn Đình Cường	306	12/02/1981		01/2006	9.65	900	
307	Lê Minh Tân	307	19/01/1977		01/2006	9.65	900	
308	Phạm Thị Diệu Hương	308		20/07/1973	01/1997	18.64	1800	
309	Nguyễn Thị Thu Thủy	309		25/11/1978	01/2008	7.65	700	
310	Nguyễn Văn Phúc	310	06/10/1963		08/2000	15.06	1500	
311	Võ Trung Việt	311	03/06/1963		08/2000	15.06	1500	
312	Nguyễn Xuân Anh	312	13/08/1969		02/1999	16.56	1600	
313	Tướng Phi Quý	313	07/07/1973		02/1999	16.56	1600	
314	Đỗ Duy Đoàn	314	13/09/1974		01/2002	13.65	1300	
315	Nguyễn Hữu Chính	315	01/05/1966		01/2002	13.65	1300	
316	Nguyễn Anh Dũng	316	08/12/1965		01/2002	13.65	1300	
317	Đặng Văn Hoà	317	26/04/1972		02/1999	16.56	1600	
318	Lê Lâm Ân	318	20/02/1972		03/2004	11.48	1100	
319	Trần Thanh Tùng	319	01/05/1986		01/2010	5.65	500	
320	Nguyễn Văn Thắng	320	13/10/1981		01/2010	5.65	500	
321	Đinh Quang Trung	321	27/10/1987		01/2011	4.65	400	
322	Nguyễn Mạnh Hùng	322	09/01/1969		01/2011	4.65	400	
323	Lê Thị Hồng Linh	323		09/10/1986	09/2011	3.98	300	
324	Trần Văn Thắng	324	20/09/1987		09/2011	3.98	300	
325	Hồ Thị Thanh	325		23/03/1986	12/2012	2.73	200	
326	Nguyễn Ngọc Duy	326	29/07/1991		10/2014	0.90	0	
XVI	Chi nhánh Tư vấn giám sát và Quản lý dự án VNCC							
327	Nguyễn Anh Tuấn	327	10/10/1974		08/1996	19.06	1900	
328	Đinh Viết Hưng	328	16/08/1975		08/1997	18.06	1800	
329	Lê Anh Dũng	329	10/07/1977		05/2001	14.32	1400	
330	Nguyễn Thanh Tùng	330	01/01/1957		05/1980	35.32	3500	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
331	Đoàn Tuấn Nhã	331	01/11/1955		01/1979	36.64	3600	
332	Nguyễn Tiến Dũng	332	26/05/1960		04/1986	29.40	2900	
333	Nguyễn Lương Hoà	333	20/04/1958		10/1979	35.90	3500	
334	Hoàng Hải Ninh	334	01/11/1960		04/2006	9.40	900	
335	Phạm Hồng Minh	335	12/02/1970		09/1994	20.98	2000	
336	Lê Quốc Anh	336	19/09/1968		01/2002	14.64	1400	
337	Bach Đăng Sơn	337	26/12/1973		07/1996	19.15	1900	
338	Lê Sĩ Quế	338	26/05/1970		02/2003	15.90	1500	
339	Đào Việt Hưng	339	03/05/1974		04/2006	9.40	900	
340	Nguyễn Đức Thiện	340	11/02/1980		08/2008	9.23	900	
341	Đinh Văn Hạo	341	24/12/1978		01/2004	11.65	1100	
342	Phạm Văn Quỳnh	342	18/04/1975		04/2007	8.40	800	
343	Nguyễn Học Trí Dũng	343	27/07/1978		01/2005	10.64	1000	
344	Lưu Văn Thiện	344	25/04/1974		01/2006	9.65	900	
345	Tổng Trung Kiên	345	03/10/1977		07/2007	8.15	800	
346	Triệu Văn Hoàn	346	15/05/1975		10/2004	10.90	1000	
347	Nguyễn Thanh Vinh	347	18/06/1975		10/2004	10.90	1000	
348	Phạm Việt Ánh	348	02/07/1976		10/2004	10.90	1000	
349	Khiếu Đình Duẩn	349	10/11/1981		01/2006	9.65	900	
350	Đoàn Văn Hưng	350	09/09/1982		04/2007	8.40	800	
351	Lê Thị Loan	351		20/06/1985		7.06	700	
352	Lương Ngọc Huân	352	04/10/1981		08/2008	7.06	700	
353	Lê Thị Thanh Bình	353		24/03/1974		18.48	1800	
354	Nguyễn Hữu Nam	354	29/04/1977		01/2006	9.65	900	
355	Nguyễn Văn Thắng	355	02/01/1980		10/2009	5.90	500	
356	Phạm Trọng Quý	356	28/08/1983		10/2009	5.90	500	
357	Tô Ngọc Nhân	357	17/06/1986		01/2011	4.65	400	
358	Trần Việt Hùng	358	11/06/1971		09/2012	15.90	1500	
359	Phạm Thị Phương	359		29/01/1986	09/2011	3.98	300	
360	Vương Đình Vũ	360	26/10/1984		09/2011	3.98	300	
<b>XVII Văn phòng Kinh tế dự án</b>								
361	Nguyễn Duy Tiếp	361	03/04/1960		01/1984	31.65	3100	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	i	2	3	4	5	6	7
362	Phạm Thị Hoài Linh	362		20/03/1969	04/1998	17.40	1700	
363	Đặng Thị Quỳnh Nga	363		30/09/1963	03/1986	29.48	2900	
364	Nguyễn Công Linh	364	15/12/1977		07/2002	14.81	1400	
365	Nguyễn Thị Oanh	365		06/06/1962	05/1982	33.32	3300	
366	Nguyễn Thị Thanh Mai	366		25/01/1971	11/2008	6.81	600	
367	Đoàn Việt Dũng	367	22/11/1971		07/1998	17.15	1700	
368	Nguyễn Quốc Anh	368	29/04/1979		01/2003	12.65	1200	
369	Đào Thị Bích Lộc	369		23/06/1974	09/1998	16.98	1600	
370	Lê Thị Thanh Bình	370		22/10/1982	01/2006	9.65	900	
371	Hoàng Thị Nga	371		02/06/1978	12/2001	13.73	1300	
372	Trương Linh Tâm	372		31/12/1982	10/2008	6.90	600	
373	Vương Lan Anh	373		28/09/1986	10/2009	5.90	500	
374	Âu Thị Hiền	374		27/11/1985	01/2010	5.65	500	
375	Lâm Ngọc Liên	375		18/09/1986	01/2011	4.65	400	
376	Lý Thị Kim Huệ	376		02/11/1987	09/2011	3.98	300	
377	Chu Thị Hạnh	377		07/12/1990	10/2014	0.90	0	
378	Vũ Thị Tâm	378		05/05/1989	10/2014	0.90	0	
379	Phạm Thị Thuý	379		09/07/1983	04/2009	6.40	600	
380	Phạm Ngọc Diệp	380		24/01/1990	10/2014	0.89	0	
XVIII Chỉ nhánh Tổng công ty TVXD Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh								
381	Dương Thị Kiều Anh	381		01/02/1973	01/1995	20.65	2000	
382	Trần Bá Tuấn	382	14/06/1977		05/2014	1.32	100	
383	Nguyễn Thu Hằng	383		13/09/1973	04/1995	20.40	2000	
384	Trần Thanh Xuân	384		30/10/1977	03/2000	15.48	1500	
385	Nguyễn Hữu Thanh	385	02/01/1978		06/2005	10.23	1000	
386	Nguyễn Thị Thuý Vân	386		24/03/1978	07/1996	19.15	1900	
387	Vũ Thị Hương	387		16/11/1976	09/2002	12.98	1200	
388	Phạm Huy Thanh	388	14/09/1974		04/2009	6.40	600	
389	Dương Thị Lý	389		19/06/1982	07/2013	2.15	200	
390	Tiểu Tôn Toàn	390	27/08/1979		09/2014	0.98	0	
391	Lương Bá Vinh	391	31/07/1981		09/2014	0.98	0	
392	Trần Thị Lệ Thanh	392		13/08/1985	04/2009	6.40	600	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước	Cổ phần mua ưu đãi (100 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
393	Phan Văn Chiến	393	10/05/1986		09/2011	3.98	300	
394	Phan Vũ Phương	394	15/02/1988		07/2012	3.15	300	
395	Lê Minh Tuấn	395	03/01/1977		09/2011	3.98	300	
396	Lê Hồng Phong	396	01/07/1983		04/2007	8.40	800	
397	Trương Mạnh Tuấn	397	15/10/1964		07/2008	7.15	700	
398	Hoàng Phi Long	398	05/03/1981		11/2009	5.81	500	
XIX	Trung tâm TVXD VNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh							
399	Tạ Thị Thanh Bình	399		24/07/1960	06/2008	7.23	700	
400	Nguyễn Tuấn Thành	400	28/08/1962		06/2008	7.23	700	
401	Nguyễn Thế Kiệt	401	19/04/1975		06/2008	7.23	700	
402	Vũ Như Định	402	12/03/1980		06/2008	7.23	700	
403	Trần Đỗ Triệu Duy	403	30/10/1974		06/2008	7.23	700	
404	Hoàng Thị Quỳnh Phương	404		03/07/1981	06/2008	7.23	700	
405	Bùi Đăng Sam	405	26/07/1977		06/2008	7.23	700	
406	Nguyễn Huy Chiến	406	29/03/1979		06/2008	7.23	700	
407	Nguyễn Thị Bích Hậu	407		20/05/1985	06/2008	7.23	700	
408	Trần Xuân Anh	408	29/09/1978		11/2010	4.81	400	
409	Trịnh Ngọc Hùng	409	30/12/1975		06/2012	3.23	300	
410	Trần Sơn Hải	410	08/03/1980		05/2011	4.32	400	
411	Bùi Xuân Vũ	411	05/11/1959		05/2011	4.32	400	
412	Châu Ngọc Niềm	412		16/06/1983	05/2013	2.32	200	
413	Nguyễn Đình Khương	413	29/06/1990		01/2015	0.65	0	
	TỔNG CỘNG						418,900	



**BỘ XÂY DỰNG**  
**TỔNG CÔNG TY TVXD VIỆT NAM**  
 Mẫu số 8: Danh sách mua cổ phần ưu đãi làm việc lâu dài, chuyển gia giới  
**DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI**  
**TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 25/08/2015**

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu dài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyển gia giới (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
A	Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động							
1	Nguyễn Thị Duyên	1	08/07/1958	06/09/1959	3		1500	
2	Đặng Kim Khôi	2			10		5000	
3	Nguyễn Thị Tố Trinh	3		30/06/1970	8		4000	
4	Cung Lan Khanh	4		30/10/1968				
5	Nguyễn Ngọc Dũng	5	10/04/1957		6		3000	
6	Trần Bình Trọng	6	21/10/1961		10		5000	
7	Nguyễn Huy Khanh	7	18/11/1971		10		5000	
8	Thân Hồng Linh	8	24/08/1965		10		5000	
9	Nguyễn Lâm Cường	9	03/01/1970		10		5000	
10	Nguyễn Thị Doan Trang	10		25/06/1974	10		5000	
B	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động							
I	Phòng Kế hoạch đầu tư							
11	Nguyễn Bá Minh	11	14/01/1972		10		5000	
12	Nguyễn Văn Tiến	12	22/09/1973		10		5000	
13	Phạm Hồng Minh	13		08/01/1978	10		5000	
14	Nguyễn Văn Phúc	14	10/04/1974		10		5000	
15	Trần Hoàng Khánh	15	20/09/1961		6		3000	
16	Đào Thị Tuyết Thanh	16		12/05/1972	10	2000		
17	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17		31/01/1972	10		5000	
18	Trần Trọng Hùng	18	13/09/1977		10	2000		
19	Đinh Thị Thuý	19		08/12/1988	10	2000		
20	Nguyễn Thu Thuý	20		23/12/1980	10	2000		
21	Nguyễn Thị Thảo	21		10/09/1982	10	2000		
22	Hoàng Thị Thuý	22		04/11/1984	10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu dài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
23	Ngô Thành Trung	23	09/01/1986		10	2000		
24	Lê Minh Tuấn	24	20/04/1984		10	2000		
25	Nguyễn Nhật Mai	25		04/03/1984	10		5000	
26	Vũ Duy Hùng	26	11/12/1987		10	2000		
27	Trịnh Thị Minh Châu	27		04/04/1988	10	2000		
28	Nguyễn Hữu Toán	28	05/08/1989		10	2000		
30	Trần Đức Long	30	20/04/1981		10	2000		
31	Trịnh Thị Vân	31		14/08/1974	10	2000		
32	Nguyễn Nhật Lệ	32	29/05/1974		10		5000	
II	Văn phòng Tổng công ty							
33	Đỗ Ngọc Liên	33		04/12/1977	10		5000	
34	Lê Nguyễn Vinh	34	11/07/1983		10	2000		
35	Đỗ Thị Thanh Hoa	35		09/11/1978	10	2000		
36	Đặng Hoài Phương	36		05/03/1983	10	2000		
37	Đông Công Giáp	37	11/01/1972		10		5000	
38	Lê Thị Hương	38		02/10/1985	10	2000		
39	Nguyễn Châu Giang	39		05/05/1981	10	2000		
40	Trương Văn Cường	40	03/06/1958		3	600		
41	Dương Quang Thành	41	04/10/1977		10	2000		
42	Nguyễn Quốc Anh	42	09/07/1972		10	2000		
43	Nguyễn Phương Đông	43	18/01/1984		10	2000		
44	Đinh Thanh Quang	44	29/11/1967		10	2000		
45	Nguyễn Thị Thu	45		31/01/1979	10	2000		
46	Nguyễn Thị Thu Vân	46		01/02/1987	10	2000		
47	Trần Trọng Đồng	47	10/25/1946					
48	Cù Xuân Kinh	48	8/12/1952					
III	Phòng Tổ chức và Phát triển nguồn nhân lực							
49	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	49		31/03/1973	10		5000	
50	Đào Thu Thủy	50		16/12/1974	10		5000	
51	Nguyễn Công Trung	51	07/09/1981		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đãi (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
52	Ngô Ngọc Hải	52	17/03/1981		10	2000		
IV	<b>Phòng Tài chính Kế toán</b>							
53	Phạm Vũ Thành	53	25/12/1972		10		5000	
54	Đàm Thị Hải Yến	54		05/01/1973	10		5000	
55	Nguyễn Thị Thu Hà	55		04/10/1960				
56	Lê Thị Thu	56		18/08/1961				
57	Nguyễn Đình Thắng	57	20/06/1973		10		5000	
58	Phạm Diễm Ngọc	58		25/09/1983	10	2000		
59	Trịnh Tuấn Anh	59	13/06/1985		10	2000		
60	Nguyễn Thanh Dung	60		5/10/1982	10	2000		
V	<b>Văn phòng Kiến trúc 1</b>							
61	Trần Đức Toàn	61	03/03/1973		10		5000	
62	Lê Huy	62	09/11/1973		10		5000	
63	Nguyễn Quý Phong	63	13/01/1975		10		5000	
64	Phạm Thị Quỳnh Lan	64		26/04/1971	10	2000		
65	Nguyễn Quang Anh	65	29/11/1978		10		5000	
66	Đào Thị Việt Hà	66		21/08/1980	10	2000		
67	Nguyễn Anh Tuyền	67	02/11/1984		10		5000	
68	Nguyễn Khánh Ly	68		14/09/1985	10	2000		
69	Lê Quang Trung	69	22/05/1983		10	2000		
70	Lưu Tiến Thành	70	26/06/1987		10		5000	
71	Quách Thế Anh	71	31/03/1987		10		5000	
72	Đậu Thị Hương	72		18/10/1985	10	2000		
73	Lê Anh Vũ	73	17/03/1986		10		5000	
74	Lê Minh Hiếu	74	17/10/1989		10	2000		
75	Bùi Thị Tươi	75		11/03/1988	10	2000		
76	Mai Quỳnh Phương	76		01/01/1987	10	2000		
77	Hồ Văn Thắng	77	12/05/1984		10	2000		
78	Trần Thanh Sơn	78	22/07/1978		10		5000	
79	Nguyễn Văn Chuyên	79	10/08/1988		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đãi (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
52	Ngô Ngọc Hải	52	17/03/1981		10	2000		
IV	Phòng Tài chính Kế toán							
53	Phạm Vũ Thành	53	25/12/1972		10		5000	
54	Đàm Thị Hải Yến	54		05/01/1973	10		5000	
55	Nguyễn Thị Thu Hà	55		04/10/1960				
56	Lê Thị Thu	56		18/08/1961				
57	Nguyễn Đình Thắng	57	20/06/1973		10		5000	
58	Phạm Diễm Ngọc	58		25/09/1983	10	2000		
59	Trịnh Tuấn Anh	59	13/06/1985		10	2000		
60	Nguyễn Thanh Dung	60		5/10/1982	10	2000		
V	Văn phòng Kiến trúc I							
61	Trần Đức Toàn	61	03/03/1973		10		5000	
62	Lê Huy	62	09/11/1973		10		5000	
63	Nguyễn Quý Phong	63	13/01/1975		10		5000	
64	Phạm Thị Quỳnh Lan	64		26/04/1971	10	2000		
65	Nguyễn Quang Anh	65	29/11/1978		10		5000	
66	Đào Thị Việt Hà	66		21/08/1980	10	2000		
67	Nguyễn Anh Tuyền	67	02/11/1984		10		5000	
68	Nguyễn Khánh Ly	68		14/09/1985	10	2000		
69	Lê Quang Trung	69	22/05/1983		10	2000		
70	Lưu Tiến Thành	70	26/06/1987		10		5000	
71	Quách Thế Anh	71	31/03/1987		10		5000	
72	Đậu Thị Hương	72		18/10/1985	10	2000		
73	Lê Anh Vũ	73	17/03/1986		10		5000	
74	Lê Minh Hiếu	74	17/10/1989		10	2000		
75	Bùi Thị Tươi	75		11/03/1988	10	2000		
76	Mai Quỳnh Phương	76		01/01/1987	10	2000		
77	Hồ Văn Thắng	77	12/05/1984		10	2000		
78	Trần Thanh Sơn	78	22/07/1978		10		5000	
79	Nguyễn Văn Chuyên	79	10/08/1988		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
80	Nguyễn Thị Du	80		10/11/1988	10	2000		
81	Đặng Hải Bình	81	15/03/1977		10		5000	
VI Văn phòng Quy hoạch Hạ tầng								
82	Đoàn Đức Phi	82	07/11/1978		10		5000	
83	Đoàn Thị Thanh Hải	83		01/02/1980	10		5000	
84	Trương Đức Dũng	84	21/01/1980		10		5000	
85	Nguyễn Thị Thi	85		21/05/1977	10		5000	
86	Phan Thị Khúc Vũ	86		24/01/1983	10		5000	
87	Trần Xuân Việt	87	08/09/1979		10		5000	
88	Chu Thị Chi	88		10/04/1982	10		5000	
89	Nguyễn Thị Thanh Trà	89		28/02/1975	10		5000	
90	Hà Thị Nga	90		26/01/1983	10		5000	
91	Nguyễn Tường Linh	91		05/04/1985	10		5000	
92	Vũ Minh Hiền	92		23/10/1983	10	2000		
93	Nguyễn Thị Châu Loan	93		27/07/1985	10	2000		
94	Lê Quang Minh	94	16/08/1984		10	2000		
95	Trịnh Thị Minh Hiền	95		03/11/1988	10	2000		
96	Vũ Hồng Anh	96		30/11/1988	10	2000		
97	Vương Trí Hưng	97	19/09/1986		10	2000		
98	Hoàng Thế Hòa	98	25/06/1985		10		5000	
99	Nguyễn Thanh Hùng	99	26/05/1989		10	2000		
100	Lê Hoàng Long	100	02/10/1989		10	2000		
101	Nguyễn Thị Hương	101		15/10/1991				
102	Nguyễn Quốc Khánh	102	01/09/1991		10	2000		
VII Văn phòng Kiến trúc 3								
103	Nguyễn Tuấn Ngọc	103	24/01/1979		10		5000	
104	Trần Thái Bình	104	24/10/1973		10		5000	
105	Vũ Nhật Quang	105	10/11/1976		10		5000	
106	Phạm Duy Tuấn	106	23/10/1981		10		5000	
107	Nguyễn Thị Thu	107		08/10/1977	10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
108	Trần Phương Lan	108		06/06/1980	10		5000	
109	Bùi Quang Chính	109	27/12/1981		10		5000	
110	Nguyễn Thị Hồng Minh	110		16/06/1979	10	2000		
111	Nguyễn Cát Tùng	111	11/10/1985		10		5000	
112	Nguyễn Thị Thùy Dương	112		05/01/1988	10		5000	
113	Nguyễn Hoàng Anh	113		22/09/1989	10	2000		
114	Nguyễn Đức Anh	114	18/11/1990		10		5000	
115	Lại Thị Phương Anh	115		27/02/1987	10	2000		
116	Nguyễn Tuấn Anh	116	24/6/1989		10		5000	
117	Nguyễn Thị Long	117		10/03/1990	10	2000		
118	Đỗ Huy Hoàng	118	28/11/1990		10	2000		
119	Ngô Thế Quân	119	26/10/1990		10	2000		
120	Trần Hoàng San	120	03/04/1981		10		5000	
<b>VIII Văn phòng Kiến trúc 4</b>								
121	Dương Thị Thanh Vân	121		21/12/1970	10		5000	
122	Nguyễn Trường Linh	122	06/09/1978		10		5000	
123	Trần Quang Huy	123	09/11/1978		10		5000	
124	Hoàng Thị Quỳnh Ngọc	124		19/12/1974	10		5000	
125	Phạm Thị Hiền	125		08/10/1974	10	2000		
126	Nguyễn Thị Lan Oanh	126		13/08/1975	10	2000		
127	Trần Thị Hồng Khuyên	127		02/07/1979	10	2000		
128	Nguyễn Minh Hiếu	128	20/08/1982		10		5000	
129	Đào Thế Sơn	129	21/05/1984		10		5000	
130	Trần Mạnh Long	130	22/12/1983		10		5000	
131	Vũ Thị Hiền	131		26/08/1982	10	2000		
132	Nguyễn Lưu Sơn	132	28/2/1986		10	2000		
133	Hoàng Nghĩa Hà	133	13/06/1984		10	2000		
134	Lê Thị Nga	134		20/04/1987	10	2000		
135	Phan Tiến Hậu	135	21/01/1988		10	2000		
136	Hoàng Anh Tuấn	136	23/10/1988		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyển giá giới (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
137	Nguyễn Đức Trung	137	04/12/1989		10	2000		
138	Nguyễn Minh Trung	138	28/08/1984		10		5000	
139	Phạm Văn Thọ	139	12/05/1990		10	2000		
140	Nguyễn Văn Tiến	140	22/04/1948		10	2000		
IX	Văn phòng Kiến trúc 5							
141	Lê Trường Sơn	141	13/12/1970		10		5000	
142	Bùi Quốc Dũng	142	03/02/1962		7		3500	
143	Hà Đức Hương	143	14/07/1973		10		5000	
144	Trần Thị Lan Phương	144		17/10/1968	8		4000	
145	Ngô Thu Hà	145		22/09/1972	10		5000	
146	Nguyễn Đức Hiệp	146	18/05/1978		10		5000	
147	Nguyễn Đức Tuấn	147	24/02/1978		10		5000	
148	Lê Xuân Hoàng	148	15/10/1977		10		5000	
149	Đào Văn Sơn	149	02/10/1978		10		5000	
150	Nguyễn Văn Tiến Thành	150	05/05/1982		10		5000	
151	Đặng Thị Việt Anh	151		22/08/1972	10		5000	
152	Trần Thanh Nhân	152		23/04/1985	10		5000	
153	Trần Tuấn Anh	153	26/03/1985		10		5000	
154	Đỗ Ngọc Lâm	154	29/08/1984		10		5000	
155	Trần Hà Thái	155	21/05/1984		10		5000	
156	Nguyễn Bảo Thái	156	19/11/1985		10	2000		
157	Nguyễn Mạnh Vương	157	13/08/1987		10	2000		
158	Nghiêm Thanh Đức	158	05/10/1987		10	2000		
159	Nguyễn Thị Nhài	159		30/11/1988	10	2000		
160	Nguyễn Cường	160	08/08/1984	0	10		5000	
161	Nguyễn Trung Kiên	161	08/03/1986	0	10		5000	
162	Phạm Thị Vân	162		20/12/1990	10	2000		
163	Nguyễn Thị Liên	163		08/08/1956	10			
X	Văn phòng Dự án							
164	Vũ Hồng Thủy	164	27/10/1957					

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyển gia giới (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	I	2	3	4	5	6	7
165	Bùi Huy Hoàng	165	14/02/1974		10		5000	
166	Vũ Ngọc Văn	166	01/01/1958					
167	Nguyễn Mạc Hà	167	23/12/1960		5		2500	
168	Ngô Thị Vân	168		14/02/1969	9		4500	
169	Trịnh Thu Hà	169		04/03/1971	10		5000	
170	Đặng Thị Kim Xuân	170		26/10/1976	10		5000	
171	Phạm Minh Đức	171	25/04/1982		10		5000	
172	Doãn Thị Vân	172		06/03/1983	10		5000	
173	Cung Tố Chi	173		26/11/1974	10		5000	
174	Nguyễn Quỳnh Nga	174		31/08/1976	10	2000		
175	Phạm Thị Thủy Hà	175		06/12/1981	10	2000		
176	Lê Thị Lanh	176		04/07/1984	10	2000		
177	Lê Thủy Thanh Liềm	177	23/09/1984		10		5000	
178	Nguyễn Hoàng My	178		29/12/1978	10		5000	
179	Dương Văn Minh	179	11/09/1986		10	2000		
180	Vũ Thị Lê Vân	180		29/06/1988	10	2000		
181	Nguyễn Hữu Vĩnh Lý	181	09/10/1987		10	2000		
182	Nguyễn Mạnh Tuấn	182	10/12/1988		10	2000		
XI	Văn phòng Kết cấu 1							
183	Phạm Hữu Trí Dục	183	19/10/1958		3		1500	
184	Lương Tuấn Cường	184	14/07/1959		4		2000	
185	Nguyễn Thanh Hải	185	10/06/1978		10		5000	
186	Nguyễn Khắc Tâm	186	01/01/1980		10		5000	
187	Cao Thị Thủy	187		20/04/1963	3		1500	
188	Đỗ Văn Bình	188	03/06/1958		3		1500	
189	Nguyễn Thị Bích Hạnh	189		05/08/1960				
190	Nghiêm Trung Hùng	190	09/02/1981		10		5000	
191	Đặng Thanh Thủy	191		29/05/1966	6		3000	
192	Nguyễn Quốc Khánh	192	02/09/1984		10		5000	
193	Nguyễn Quốc Khánh	193	21/08/1984		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyển giá giới (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	I	2	3	4	5	6	7
194	Nguyễn Trung Đức	194	07/11/1985		10		5000	
195	Nguyễn Việt Hưng	195	13/11/1983		10		5000	
196	Đỗ Tuấn Thi	196	16/07/1985		10	2000		
197	Nguyễn Ngọc Anh	197	13/10/1988		10	2000		
198	Nguyễn Ngọc Đức	198	01/01/1987		10	2000		
199	Lê Kim Ngân	199	03/06/1984		10	2000		
200	Nguyễn Anh Thái	200	28/04/1988		10	2000		
201	Phạm Ngọc Thanh	201	09/02/1988		10	2000		
202	Võ Như Hiền	202	22/05/1988		10	2000		
<b>XII Văn phòng Kết cấu 2</b>								
203	Nguyễn Xuân Hải	203	19/09/1971		10		5000	
204	Trương Đức Huỳnh	204	10/08/1958		3		1500	
205	Hoàng Anh Tùng	205	03/04/1978		10		5000	
206	Bùi Xuân Phước	206	05/05/1980		10		5000	
207	Trương Diệp Ánh	207		09/01/1963				
208	Nguyễn Thị Bạch Nga	208		13/01/1972	10		5000	
209	Dương Thái Diệu Linh	209		31/08/1973	10		5000	
210	Trịnh Thị Mai	210	04/03/1977		10	2000		
211	Đường Tấn Lương	211	21/03/1980		10		5000	
212	Nguyễn Thị Huệ	212	23/12/1983		10		5000	
213	Cao Thế Hưng	213	12/02/1982		10		5000	
214	Nguyễn Thuỳ Linh	214	03/11/1976		10	2000		
215	Nguyễn Đình Thức	215	24/04/1982		10		5000	
216	Ngô Minh Tuấn	216	21/10/1984		10	2000		
217	Đỗ Trần Phương	217	11/12/1983		10		5000	
218	Trần Xuân Hùng	218	16/10/1984		10		5000	
219	Trần Tiến Định	219	11/09/1986		10		5000	
220	Trần Thuý Hằng	220	31/12/1986		10	2000		
221	Trịnh Hoàng Hương	221	05/05/1987		10		5000	
222	Đỗ Quang Hưng	222	07/09/1982		10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	I	2	3	4	5	6	7
223	Ngô Văn Giang	223	19/10/1985		10	2000		
224	Phạm Mạnh Tùng	224	25/12/1987		10	2000		
225	Hoàng Hữu Hiếu	225	06/01/1988		10	2000		
226	Hoàng Hà	226	01/10/1987		10		5000	
227	Vũ Văn Tiến	227	19/09/1984		10	2000		
228	Đỗ Trần Cương	228	28/10/1989		10	2000		
229	Phạm Văn Toàn	229	10/05/1991		10	2000		
230	Nguyễn Ngọc Thắng	230	28/03/1991		10	2000		
231	Lê Tiên Nghĩa	231	26/08/1991		10	2000		
<b>XIII Văn phòng Kết cấu 3</b>								
232	Đặng Quyết Thắng	232	09/06/1977		10		5000	
233	Lê Văn Quyết	233	14/11/1956					
234	Phạm Quang Trung	234	26/06/1976		10		5000	
235	Trần Quế Hương	235		03/09/1960				
236	Lưu Khánh Hằng	236		17/09/1960				
237	Kiều Thị Diễm	237		07/07/1966	4		2000	
238	Lương Thị Phương Anh	238		29/06/1973	10		5000	
239	Đặng Phương Anh	239		03/04/1974	10	2000		
240	Nguyễn Thị Thu Hà	240		26/06/1975	10		5000	
241	Nguyễn Hoàng Oanh	241		08/09/1975	10	2000		
242	Ngô Thị Thu Trang	242		08/10/1978	10	2000		
243	Nguyễn Xuân Tài	243	23/06/1978		10		5000	
244	Lê Thị Ngọc Liên	244		16/07/1961				
245	Nguyễn Minh Tuấn	245	01/08/1983		10		5000	
246	Nguyễn Tiến Quyết	246	03/11/1985		10		5000	
247	Tăng Hữu Quân	247	24/08/1985		10		5000	
248	Vũ Thị Thu Nga	248		19/08/1985	10	2000		
249	Phạm Thị Huệ Chi	249		09/09/1983	10		5000	
250	Vũ Mạnh Tuấn	250	01/12/1984		10		5000	
251	Trần Bá Tiến	251	25/05/1987		10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	I	2	3	4	5	6	7
252	Dương Đình Quế	252	20/11/1985		10		5000	
253	Đỗ Cao Nguyên	253	25/10/1988		10	2000		
254	Nguyễn Ngọc Thìn	254	17/05/1988		10	2000		
255	Lê Minh Đức	255	12/09/1988		10	2000		
256	Đặng Xuân Dương	256	14/01/1991		10	2000		
257	Phạm Kế Luyện	257	24/04/1990		10	2000		
258	Mai Văn Bắc	258	06/12/1989		10	2000		
XIV	Văn phòng Cơ điện - Nước - Môi trường							
259	Đặng Thanh Hải	259	18/12/1979		10		5000	
260	Phạm Thế Hùng	260	11/08/1975		10		5000	
261	Nguyễn Duy Thành	261	25/03/1970		10		5000	
262	Ngô Hoài An	262		17/07/1980	10		5000	
263	Khâu Thanh Tùng	263	09/10/1980		10		5000	
264	Tướng Phi Hà	264	03/10/1977		10		5000	
265	Ngô Linh Ngọc	265	20/07/1979		10		5000	
266	Phạm Thanh Bình	266	24/01/1981		10		5000	
267	Nguyễn Ngọc Thùy	267	15/12/1982		10		5000	
268	Đào Văn Trung	268	18/07/1980		10		5000	
269	Nguyễn Hoàng Thi	269	29/06/1976		10		5000	
270	Trần Thị Dung	270		07/09/1984	10	2000		
271	Đinh Văn Quyết	271	29/01/1984		10	2000		
272	Nguyễn Thị Minh Tuyết	272		26/01/1973	10	2000		
273	Nguyễn Văn Trung	273	11/01/1984		10	2000		
274	Ngô Văn Chuyên	274	04/04/1982		10	2000		
275	Đỗ Xuân Bình	275	16/09/1985		10	2000		
276	Nguyễn Thị Kim Huệ	276		04/08/1983	10		5000	
277	Nguyễn Bá Canh	277	05/10/1957		10			
278	Trần Thị Kiều Diễm	278		25/09/1978	10		5000	
279	Trịnh Đức Tiến	279	19/09/1980		10		5000	
280	Vũ Thị Liên	280		23/04/1982	10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
281	Đặng Văn Tiến	281	10/08/1982		10		5000	
282	Lê Quang Thanh	282	11/09/1983		10		5000	
283	Văn Đức Mạnh	283	01/09/1983		10	2000		
284	Đặng Việt Bằng	284	14/10/1982		10	2000		
285	Đoàn Văn Quyền	285	01/12/1984		10	2000		
286	Nguyễn Thế Tùng	286	11/05/1986		10	2000		
287	Ngô Quang Cường	287	20/11/1988		10	2000		
288	Nguyễn Ngọc Dũng	288	16/11/1981		10	2000		
289	Đổng Thị Thật	289		16/05/1987	10	2000		
290	Nguyễn Văn Anh	290		13/02/1987	10		5000	
291	Đỗ Thị Ái	291		09/08/1987	10	2000		
292	Đặng Thanh Sơn	292	10/10/1987		10	2000		
293	Phạm Thị Lan Anh	293		29/07/1988	10	2000		
294	Nguyễn Duy Hiền	294	01/07/1987		10	2000		
295	Nguyễn Thị Văn Thảo	295		11/09/1991	10	2000		
296	Nguyễn Mai Anh	296		20/05/1991	10	2000		
XV	Xi nghiệp Khảo sát và Kiểm định chất lượng xây dựng							
297	Trương Tam Quyết	297	04/10/1961		6		3000	
298	Vũ Thái Dũng	298	03/06/1957					
299	Nguyễn Ngọc Vinh	299	06/02/1970		10		5000	
300	Vương Hoàng Nam	300	06/04/1970		10		5000	
301	Đặng Mạnh Hùng	301	28/03/1964		9		4500	
302	Vũ Đông	302	09/01/1959		4		2000	
303	Nguyễn Xuân Thiện	303	30/07/1968		10		5000	
304	Nguyễn Xuân Tính	304	05/08/1979		10		5000	
305	Trần Thị Lan Hương	305		10/05/1980	10		5000	
306	Nguyễn Đình Cường	306	12/02/1981		10		5000	
307	Lê Minh Tân	307	19/01/1977		10		5000	
308	Phạm Thị Diệu Hương	308		20/07/1973	10		5000	
309	Nguyễn Thị Thu Thủy	309		25/11/1978	10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số I	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
310	Nguyễn Văn Phúc	310	06/10/1963		8		4000	
311	Võ Trung Việt	311	03/06/1963		8		4000	
312	Nguyễn Xuân Anh	312	13/08/1969		10	2000		
313	Tường Phi Quý	313	07/07/1973		10	2000		
314	Đỗ Duy Đoàn	314	13/09/1974		10	2000		
315	Nguyễn Hữu Chính	315	01/05/1966		10	2000		
316	Nguyễn Anh Dũng	316	08/12/1965		10	2000		
317	Đặng Văn Hoà	317	26/04/1972		10	2000		
318	Lê Lâm Ân	318	20/02/1972		10	2000		
319	Trần Thanh Tùng	319	01/05/1986		10		5000	
320	Nguyễn Văn Thắng	320	13/10/1981		10	2000		
321	Đinh Quang Trung	321	27/10/1987		10		5000	
322	Nguyễn Mạnh Hùng	322	09/01/1969		10	2000		
323	Lê Thị Hồng Linh	323		09/10/1986	10		5000	
324	Trần Văn Thắng	324	20/09/1987		10		5000	
325	Hồ Thị Thanh	325		23/03/1986	10		5000	
326	Nguyễn Ngọc Duy	326	29/07/1991		10	2000		
XVI	Chi nhánh Tư vấn giám sát và Quản lý dự án VNCC							
327	Nguyễn Anh Tuấn	327	10/10/1974		10		5000	
328	Đinh Viết Hưng	328	16/08/1975		10		5000	
329	Lê Anh Dũng	329	10/07/1977		10		5000	
330	Nguyễn Thanh Tùng	330	01/01/1957					
331	Đoàn Tuấn Nhã	331	01/11/1955					
332	Nguyễn Tiến Dũng	332	26/05/1960		5		2500	
333	Nguyễn Lương Hoà	333	20/04/1958					
334	Hoàng Hải Ninh	334	01/11/1960		5		2500	
335	Phạm Hồng Minh	335	12/02/1970		10		5000	
336	Lê Quốc Anh	336	19/09/1968		10		5000	
337	Bạch Đăng Sơn	337	26/12/1973		10		5000	
338	Lê Sĩ Quế	338	26/05/1970		10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyển gia giới (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
339	Đào Việt Hưng	339	03/05/1974		10		5000	
340	Nguyễn Đức Thiện	340	11/02/1980		10		5000	
341	Đinh Văn Hạo	341	24/12/1978		10		5000	
342	Phạm Văn Quỳnh	342	18/04/1975		10	2000		
343	Nguyễn Học Trí Dũng	343	27/07/1978		10		5000	
344	Lưu Văn Thiện	344	25/04/1974		10		5000	
345	Tổng Trung Kiên	345	03/10/1977		10		5000	
346	Triệu Văn Hoàn	346	15/05/1975		10		5000	
347	Nguyễn Thành Vinh	347	18/06/1975		10		5000	
348	Phạm Việt Anh	348	02/07/1976		10	2000		
349	Khiếu Đình Duân	349	10/11/1981		10	2000		
350	Đoàn Văn Hưng	350	09/09/1982		10			
351	Lê Thị Loan	351		20/06/1985	10		5000	
352	Lương Ngọc Huân	352	04/10/1981		10	2000		
353	Lê Thị Thanh Bình	353		24/03/1974	10	2000		
354	Nguyễn Hữu Nam	354	29/04/1977		10	2000		
355	Nguyễn Văn Thắng	355	02/01/1980		10	2000		
356	Phạm Trọng Quý	356	28/08/1983		10	2000		
357	Tô Ngọc Nhân	357	17/06/1986		10	2000		
358	Trần Việt Hùng	358	11/06/1971		10		5000	
359	Phạm Thị Phương	359		29/01/1986	10		5000	
360	Vương Đình Vũ	360	26/10/1984		10	2000		
<b>XVII Văn phòng Kinh tế dự án</b>								
361	Nguyễn Duy Tiếp	361	03/04/1960		5		2500	
362	Phạm Thị Hoài Linh	362		20/03/1969	9		4500	
363	Đặng Thị Quỳnh Nga	363		30/09/1963	3		1500	
364	Nguyễn Công Linh	364	15/12/1977		10		5000	
365	Nguyễn Thị Oanh	365		06/06/1962				
366	Nguyễn Thị Thanh Mai	366		25/01/1971	10		5000	
367	Đoàn Việt Dũng	367	22/11/1971		10		5000	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đài (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
368	Nguyễn Quốc Anh	368	29/04/1979		10		5000	
369	Đào Thị Bích Lộc	369		23/06/1974	10	2000		
370	Lê Thị Thanh Bình	370		22/10/1982	10		5000	
371	Hoàng Thị Nga	371		02/06/1978	10		5000	
372	Trương Linh Tâm	372		31/12/1982	10	2000		
373	Vương Lan Anh	373		28/09/1986	10	2000		
374	Áu Thị Hiền	374		27/11/1985	10		5000	
375	Lâm Ngọc Liên	375		18/09/1986	10	2000		
376	Lý Thị Kim Huệ	376		02/11/1987	10	2000		
377	Chu Thị Hạnh	377		07/12/1990	10	2000		
378	Vũ Thị Tâm	378		05/05/1989	10	2000		
379	Phạm Thị Thuý	379		09/07/1983	10	2000		
380	Phạm Ngọc Diệp	380		24/01/1990	10	2000		
XVIII Chi nhánh Tổng công ty TVXD Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh								
381	Dương Thị Kiều Anh	381		01/02/1973	10		5000	
382	Trần Bá Tuấn	382	14/06/1977		10		5000	
383	Nguyễn Thu Hằng	383		13/09/1973	10		5000	
384	Trần Thanh Xuân	384		30/10/1977	10		5000	
385	Nguyễn Hữu Thanh	385	02/01/1978		10		5000	
386	Nguyễn Thị Thuý Vân	386		24/03/1978	10	2000		
387	Vũ Thị Hương	387		16/11/1976	10	2000		
388	Phạm Huy Thành	388	14/09/1974		10		5000	
389	Dương Thị Lý	389		19/06/1982	10	2000		
390	Tiều Tôn Toán	390	27/08/1979		10	2000		
391	Lương Bá Vĩnh	391	31/07/1981		10		5000	
392	Trần Thị Lệ Thanh	392		13/08/1985	10		5000	
393	Phan Văn Chiến	393	10/05/1986		10	2000		
394	Phan Vũ Phương	394	15/02/1988		10		5000	
395	Lê Minh Tuấn	395	03/01/1977		10		5000	
396	Lê Hồng Phong	396	01/07/1983		10	2000		

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Số năm cam kết làm việc	Cổ phần mua ưu đãi làm việc lâu đãi (200 CP/năm)	Cổ phần mua ưu đãi chuyên gia giỏi (500 CP/năm)	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7
397	Trương Mạnh Tuấn	397	15/10/1964		9	1800		
398	Hoàng Phi Long	398	05/03/1981		10	2000		
XIX	Trung tâm TVXD VNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh							
399	Tạ Thị Thanh Bình	399		24/07/1960				
400	Nguyễn Tuấn Thành	400	28/08/1962		7		3500	
401	Nguyễn Thế Kiệt	401	19/04/1975		10		5000	
402	Vũ Như Định	402	12/03/1980		10		5000	
403	Trần Đỗ Triệu Duy	403	30/10/1974		10		5000	
404	Hoàng Thị Quỳnh Phương	404		03/07/1981	10	2000		
405	Bùi Đăng Sơn	405	26/07/1977		10	2000		
406	Nguyễn Huy Chiến	406	29/03/1979		10	2000		
407	Nguyễn Thị Bích Hậu	407		20/05/1985	10	2000		
408	Trần Xuân Ánh	408	29/09/1978		10		5000	
409	Trịnh Ngọc Hùng	409	30/12/1975		10		5000	
410	Trần Sơn Hải	410	08/03/1980		10	2000		
411	Bùi Xuân Vũ	411	05/11/1959		4	800		
412	Châu Ngọc Niềm	412		16/06/1983	10	2000		
413	Nguyễn Đình Khương	413	29/06/1990		10	2000		
	TỔNG CỘNG					347.200	1.013.500	

## PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Mẫu số 1:

**BỘ XÂY DỰNG**  
**TỔNG CÔNG TY TVXD VIỆT NAM**  
**DANH SÁCH LAO ĐỘNG**  
**TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 25/08/2015**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động								
1	Nguyễn Thị Duyên		06/09/1959	Chủ tịch HĐQT	MBA - KTS	K	07/2012	33.23	Số 10, ngõ 76, Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội
2	Đặng Kim Khôi	08/07/1958		Tổng Giám đốc	KTS	K	03/1986	33.90	308, phố Bà Triệu, Hà Nội
3	Nguyễn Thị Tố Trinh		30/06/1970	Thành viên HĐQT	Ths.QTKD - CN Kinh tế	K	11/2006	24.90	Phường Tiên Cát, Việt Trì, Vĩnh Phúc
4	Cung Lan Khanh		30/10/1968	Tổ trưởng TKS	Cử nhân kinh tế	K	01/1989	26.64	Lô 5, 12A, khu đô thị mới Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội
5	Nguyễn Ngọc Dũng	10/04/1957		Phó Tổng GD	TS.KSXD	K	03/1983	32.48	Số 4, Láng Kiến Trúc Phong Cảnh Bưởi, Vòng Thị, Tây Hồ, Hà Nội
6	Trần Bình Trọng	21/10/1961		Phó Tổng GD	Ths.KTS	K	05/1984	31.32	Số 6, ngõ 57, phố Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
7	Nguyễn Huy Khanh	18/11/1971		Phó Tổng GD	Ths.KTS	K	08/1994	21.05	P404, B20, tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
8	Thân Hồng Linh	24/08/1965		Phó Tổng GD	Ths.KTS	K	01/1995	20.65	31A, tập thể Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
9	Nguyễn Lâm Cường	03/01/1970		Phó Tổng GD	Ths.KSXD	K	09/1992	22.98	Số 72, Phố Thuốc Bắc, Hoàn Kiếm, Hà Nội
10	Nguyễn Thị Đoàn Trang		25/06/1974	KSV	Cử nhân kinh tế	K	04/1999	16.40	SN 3, ngõ 3, cụm 6, Thôn Lọc, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội
B	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động								
I	Phòng Kế hoạch đầu tư								
11	Nguyễn Bá Minh	14/01/1972		Trưởng phòng	KTS	A	10/1995	19.90	Khu tập thể cấp thoát nước, Nghĩa Dũng, Hà Nội
12	Nguyễn Văn Tiến	22/09/1973		Phó phòng	KTS	A	03/1998	17.48	Tổ 12, Cụm 3, Từ Liêm, Tây Hồ, Hà Nội
13	Phạm Hồng Minh		08/01/1978	Phó phòng	KTS.Ths.QTKD	A	12/2001	13.73	D04-2-CC- Bộ Kế Hoạch đầu tư, Cầu Giấy, Hà Nội
14	Nguyễn Văn Phúc	10/04/1974		Phó phòng	KTXD	A	01/2006	13.32	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Tây

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
15	Trần Hoàng Khánh	20/09/1961		Đánh giá ISO trường	KTS	A	11/1985	29.81	555 Kim Ngưu, Hà Nội
16	Đào Thị Tuyết Thanh		12/05/1972	Cán bộ	CN Luật	A	03/1998	17.48	Tập thể Đường Sông, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
17	Nguyễn Thị Thanh Hiền		31/01/1972	Cán bộ	CN ngoại ngữ	A	11/1997	17.81	P310.A3, khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
18	Trần Trọng Hùng	13/09/1977		Cán bộ	KS CNTT.CNQTKD	A	08/2002	13.07	Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
19	Đinh Thị Thủy		08/12/1988	Cán bộ	Cao đẳng Kinh tế	A	12/2009	5.73	Xóm Gò, Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên
20	Nguyễn Thu Thủy		23/12/1980	Cán bộ	Cử nhân ngoại ngữ	A	05/2004	11.32	Số 2, Ngõ 2, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
21	Nguyễn Thị Thảo		10/09/1982	Cán bộ	Cử nhân ngoại ngữ	A	01/2009	6.64	Thôn Nam Tiến, Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình
22	Hoàng Thị Thủy		04/11/1984	Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	C2B, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội
23	Ngô Thành Trung	09/01/1986		Cán bộ	KTS	A	10/2009	5.90	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội
24	Lê Minh Tuấn	20/04/1984		Cán bộ	KTS	A	10/2009	5.90	Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên
25	Nguyễn Nhật Mai		04/03/1984	Cán bộ	Ths.KTS	A	01/2008	7.65	16, Ngõ 52, phố Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
26	Vũ Duy Hùng	11/12/1987		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Đông Hồng, Đông Hiếu, Thái Hòa, Nghệ An
27	Trịnh Thị Minh Châu		04/04/1988	Cán bộ	KTS	A	12/2011	3.73	Hà Nội
28	Nguyễn Hữu Toàn	05/08/1989		Cán bộ	KTS	A	12/2012	2.73	Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh
29	Bùi Xuân Thanh		02/09/1986	Cán bộ	Kế toán	B	09/2014	0.98	Số 25, Ngõ 148 Mai Anh Tuấn, Đống Đa, Hà Nội
30	Trần Đức Long	20/04/1981		Cán bộ	CN Kinh tế đầu tư	A	09/2014	0.98	Số 40, Phố Văn Hồ 3, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
31	Trịnh Thị Vân		14/08/1974	Cán bộ	CN Luật, kinh tế ngoại thương	B	04/2015	0.40	P501 A1 TT Đại học Ngoại thương, Phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội.
32	Nguyễn Nhật Lệ	29/05/1974		Cán bộ	KTS	A	05/2015	0.32	504 B2 TT Khương Thượng, Trung Từ, Đống Đa, Hà Nội
<b>II Văn phòng Tổng công ty</b>									
33	Đỗ Ngọc Liên		04/12/1977	Chánh VP	Cử nhân QTKD	A	04/2008	15.23	55 Bế Văn Đàn, Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây
34	Lê Nguyễn Vinh	11/07/1983		Cán bộ tin học	KS Tin học	A	03/2008	7.48	Tân Ninh, Thiệu Sơn, Thanh Hoá
35	Đỗ Thị Thanh Hoa		09/11/1978	Thư ký HDTV	Cử nhân NN	A	05/2004	11.32	Số 10, tổ 43, Vĩnh Tuy, Hà Nội
36	Đặng Hoài Phương		05/03/1983	Cán bộ	CN Quản lý NN	A	03/2008	7.48	67 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
37	Đổng Công Giáp	11/01/1972		CNKT	Quản trị VP	A	03/1998	17.48	P310.A3, khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
38	Lê Thị Hương		02/10/1985	Văn thư		A	09/2007	7.98	Cầu Giấy, Hà Nội
39	Nguyễn Châu Giang		05/05/1981	Văn thư	CN kinh tế	A	08/2010	5.07	59/112 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
40	Trương Văn Cường	03/06/1958		Lái xe		A	08/1997	18.06	255, tổ 82, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
41	Dương Quang Thành	04/10/1977		Lái xe		A	07/2007	8.63	Tập thể 817 Tân Xuân, Xuân Đình, Hà Nội
42	Nguyễn Quốc Anh	09/07/1972		Lái xe		A	11/2010	4.81	9A Đặng Gia Tắt, Ba Đình, Hà Nội
43	Nguyễn Phương Đông	18/01/1984		Lái xe		A	09/2011	3.97	191 Thụy Khuê, Tây hồ, Hà nội
44	Đinh Thanh Quang	29/11/1967		Lái xe		A	01/2000	15.65	5/1 Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
45	Nguyễn Thị Thu		31/01/1979	Nhân viên vệ		A	03/1999	16.48	P4,D4-B24, tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
46	Nguyễn Thị Thu Vân		01/02/1987	Cán sự		A	06/2011	4.23	Hà Nội
47	Trần Trọng Đông	10/25/1946		Nhân viên		C	11/2014	0.81	Số 4, Ngách 37/3 Đông Tác, Đống Đa, Hà Nội
48	Cù Xuân Kinh	8/12/1952		Lái xe		C	08/2015	0.07	Hà Nội
<b>III Phòng Tổ chức và Phát triển nguồn nhân lực</b>									
49	Nguyễn Thị Hồng Hiệp		31/03/1973	Trưởng phòng	Ths.KSXĐ	A	06/1994	21.23	20 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
50	Đào Thu Thủy		16/12/1974	Cán bộ	Cử nhân Luật	A	04/1997	18.40	51 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
51	Nguyễn Công Trung	07/09/1981		Cán bộ	CN Kinh tế LD	A	06/2013	2.23	Số 1 ngách 58/17 Hoàng Đạo Thánh, Thanh xuân, Hà nội
52	Ngô Ngọc Hải	17/03/1981		Cán bộ	KSXĐ	A	01/2006	9.65	101 Ngõ 31, Tổ 6, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
<b>IV Phòng Tài chính Kế toán</b>									
53	Phạm Vũ Thành	25/12/1972		Phụ trách phòng	CN Ths.QTKD	A	01/2012	3.65	Số nhà 37 tổ 98 phường Vĩnh tuy, HBT, HN
54	Đàm Thị Hải Yến		05/01/1973	Phó phòng	CN Kinh tế	A	12/1993	21.73	P515, B22, khu tập thể Kim Liên,Đống Đa,Hà Nội
55	Nguyễn Thị Thu Hà		04/10/1960	Cán bộ	Kế toán	A	02/1981	34.56	SN 189.phố Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
56	Lê Thị Thu		18/08/1961	Cán bộ	Kế toán	A	10/1983	33.07	SN 11, phố Đội Cung, Hà Nội
57	Nguyễn Đình Thắng	20/06/1973		Cán bộ	CĐ QTKD - KSXD	A	08/1997	18.06	Nhà B14, tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
58	Phạm Diễm Ngọc		25/09/1983	Thủ quỹ	CN QTKD	A	01/2008	7.62	73A, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng,Hà Nội
59	Trịnh Tuấn Anh	13/06/1985		Cán bộ	CN KT - Kế toán	A	02/2010	5.56	TT Mậu A, Văn Yên, Yên Bái
60	Nguyễn Thanh Dung		5/10/1982	Cán bộ	Cử nhân kinh tế	A	08/2015	12.56	Số 9 Lô 10 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Hai
V	<b>Văn phòng Kiến trúc 1</b>								

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, diện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
61	Trần Đức Toàn	03/03/1973		Giám đốc VP	KTS	A	08/1996	19.06	A6, P7, khu tập thể Khảo sát Xây dựng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
62	Lê Huy	09/11/1973		Phó GD VP	KTS	A	10/1995	19.90	48 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
63	Nguyễn Quý Phong	13/01/1975		Phó GD VP	Ths.KTS	A	10/1997	17.90	P207, nhà B20, P.Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
64	Phạm Thị Quỳnh Lan		26/04/1971	Cán bộ	KTS	A	08/1997	18.06	142c Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
65	Nguyễn Quang Anh	29/11/1978		Cán bộ	KTS	A	01/2003	12.65	Tập thể Viện Hóa học công nghiệp Phú Diễn, Đống Đa, Hà Nội
66	Đào Thị Việt Hà		21/08/1980	Cán bộ	KTS	A	05/2008	7.32	Tổ 8 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
67	Nguyễn Anh Tuyền	02/11/1984		Cán bộ	KTS	A	01/2008	7.65	Xóm 11, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định
68	Nguyễn Khánh Ly		14/09/1985	Kế toán	Cử nhân Kế toán	A	01/2011	4.65	Tổ Nam Dư Hạ, Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội
69	Lê Quang Trung	22/05/1983		Cán bộ	Cử nhân NN	A	12/2007	7.73	Khu I, Xuân Lộc, Thanh Thủy, Phú Thọ
70	Lưu Tiến Thành	26/06/1987		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Nguyễn Ngọc Nai, Hà Nội
71	Quách Thế Anh	31/03/1987		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh
72	Đậu Thị Hương		18/10/1985	Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Trường Tiên Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An
73	Lê Anh Vũ	17/03/1986		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	30/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội
74	Lê Minh Hiếu	17/10/1989		Cán bộ	KTS	A	12/2012	2.73	Số 189 ngõ 559 Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
75	Bùi Thị Tươi		11/03/1988	Cán bộ	CN MT-TK nội thất	A	12/2012	2.73	Nghĩa Hưng, Nghĩa Hưng, Nam Định
76	Mai Quỳnh Phương		01/01/1987	Cán bộ	Cử nhân NN	B	01/2014	1.65	P111 - B11, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
77	Hồ Văn Thắng	12/05/1984		Cán bộ	KTS	A	10/2009	5.90	Hoàng Hợp, Hoàng Hoá, Thanh Hoá
78	Trần Thanh Sơn	22/07/1978		Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.90	số 13 Nguyễn Gia Thiều, P. Trần Hưng Đạo, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
79	Nguyễn Văn Chuyển	10/08/1988		Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.90	Xuân Hòa, Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh
80	Nguyễn Thị Du		10/11/1988	Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.90	Phường Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
81	Đặng Hải Bình	15/03/1977		Cán bộ	Kiến trúc sư	A	01/2015	0.65	Số 27, Tổ 48, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
<b>VI Văn phòng Quy hoạch</b>									
<b>Hạ tầng</b>									
82	Đoàn Đức Phi	07/11/1978		Giám đốc VP	KTS	A	04/2007	8.40	Số 8/46 Ngõ Hòa Bình 7, Minh Khai, Hà Nội
83	Đoàn Thị Thanh Hải		01/02/1980	Phó GD VP	Ths. KSDT	A	04/2004	11.40	P441B-C2, TT Bưu chính viễn thông, Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
84	Trương Đức Dũng	21/01/1980		Phó GD VP	Ths. KSDT	A	04/2004	11.40	Số 168, Tổ 2 đường vào CA Huyện Thanh Trì, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
85	Nguyễn Thị Thị		21/05/1977	Cán bộ	Ths.KTS	A	04/2008	7.40	A3 TT Khảo sát BXD, Phố Nghĩa Dũng, Ngõ 93 Phúc Xá, Hà Nội
86	Phạm Thị Khúc Vũ		24/01/1983	Cán bộ	Ths.KTS quy hoạch	A	04/2007	8.40	250 Chùa Bộc, Hà Nội
87	Trần Xuân Việt	08/09/1979		Cán bộ	KSDT	A	04/2005	10.64	Liên Bảo, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
88	Chu Thị Chi		10/04/1982	Cán bộ	KSCĐ	A	01/2006	9.65	73 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
89	Nguyễn Thị Thanh Trà		28/02/1975	Kế toán	Cử nhân kế toán	A	10/1997	17.90	14A Ngõ 8, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
90	Hà Thị Nga		26/01/1983	Cán bộ	KS nước	A	10/2009	5.90	Số 2 Ngõ 56 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội
91	Nguyễn Tường Linh		05/04/1985	Cán bộ	KTS	A	10/2009	5.90	Số 20A, Ngõ 29 Vọng Thị, Tây Hồ, Hà Nội
92	Vũ Minh Hiền		23/10/1983	Cán bộ	Trung cấp	A	11/2010	10.81	Số 33 Khu TT Viện Công nghệ, Từ Liêm, Hà Nội
93	Nguyễn Thị Châu Loan		27/07/1985	Cán bộ	KSDT	A	11/2010	4.81	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
94	Lê Quang Minh	16/08/1984		Cán bộ	KSDT	A	07/2009	6.15	Số 21, Ngõ 1, Khôi 7 P.Vĩnh Trại, Lạng Sơn
95	Trịnh Thị Minh Hiền		03/11/1988	Cán bộ	KTSQH	A	09/2011	3.98	Số 7, Dãy H2 TT Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội
96	Vũ Hồng Anh		30/11/1988	Cán bộ	KTSQH	A	09/2011	3.98	Số 31 Khu B, TT Đại học Kiến Trúc, Hà Nội
97	Wương Trí Hưng	19/09/1986		Cán bộ	KS Hạ tầng	A	09/2011	3.98	Công Hòa, Quốc Oai, Hà Nội
98	Hoàng Thế Hòa	25/06/1985		Cán bộ	KS Xây dựng đường bộ	B	10/2014	0.90	1506-19T6 Khu DT Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
99	Nguyễn Thanh Hưng	26/05/1989		Cán bộ	KS Xây dựng cầu đường	B	10/2014	0.90	Số 3202 nhà CT6B, Khu DT Xa la, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
100	Lê Hoàng Long	02/10/1989		Cán bộ	Kiến trúc sư QH	B	01/2015	0.65	Số 47 ngõ 3 Phố Thọ Lão, Hà Nội
101	Nguyễn Thị Hương		15/10/1991	Cán bộ	KS Hạ tầng	B	10/2014	0.89	Số 5, Dãy A3, Ngách 2, Ngõ 9 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội
102	Nguyễn Quốc Khánh	01/09/1991		Cán bộ	KS Hạ tầng	B	10/2014	0.90	Tổ 27 Khu 3 P. Cao Thắng, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
<b>VII Văn phòng Kiến trúc 3</b>									
103	Nguyễn Tuấn Ngọc	24/01/1979		Giám đốc VP	KTS	A	09/2002	12.98	P906 - D11 Đường Trần Thái Tông, Hà Nội
104	Trần Thái Bình	24/10/1973		Phó GD VP	Ths.KTS	A	01/1996	19.62	30/41 Đông Tác, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
105	Vũ Nhật Quang	10/11/1976		Phó GD VP	KTS	A	01/2003	12.65	14 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
106	Phạm Duy Tuấn	23/10/1981		Phó GD VP	KTS	A	06/2007	8.23	9A ngõ Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội
107	Nguyễn Thị Thu		08/10/1977	Cán bộ	KTS	A	01/2003	12.65	Số 5 Ngõ 55, Văn Hồ 2, Lê Đại Hành, Hà Nội
108	Trần Phương Lan		06/06/1980	Cán bộ	KTS	A	04/2004	11.40	14 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
109	Bùi Quang Chính	27/12/1981		Cán bộ	KTS	A	04/2007	8.40	Xóm 5, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
110	Nguyễn Thị Hồng Minh		16/06/1979	Kế toán	Cử nhân tài chính	A	01/2003	12.65	P305, B20, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
111	Nguyễn Cát Tùng	11/10/1985		Cán bộ	KTS	A	10/2012	2.90	Ngã 3 Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
112	Nguyễn Thị Thùy Dương		05/01/1988	Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Lễ Pháp, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
113	Nguyễn Hoàng Anh		22/09/1989	Cán bộ	Cử nhân Kế toán	B	01/2014	1.65	Số 11, ngách 44/55, ngõ 44, phố Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
114	Nguyễn Đức Anh	18/11/1990		Cán bộ	KTS	B	01/2014	1.65	Số 18 Hàng Bè, Hoàn Kiếm, Hà Nội
115	Lại Thị Phương Anh		27/02/1987	Cán bộ	KTS	B	04/2014	1.40	D2606, Tòa nhà 28 tầng, Làng quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà Nội
116	Nguyễn Tuấn Anh	24/6/1989		Cán bộ	KTS	B	10/2014	0.90	47/72 Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
117	Nguyễn Thị Long		10/03/1990	Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.90	Số 21, ngách 66, Ngõ Đình Đông, Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
118	Đỗ Huy Hoàng	28/11/1990		Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.89	38 Trần Phú, Tổ 3 P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, Hà Nội.
119	Ngô Thế Quân	26/10/1990		Cán bộ	Kiến trúc sư	B	10/2014	0.89	Số 15 A4, Tổ 1 Giáp Nhất, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
120	Trần Hoàng Sơn	03/04/1981		Cán bộ	Kiến trúc sư	A	10/2014	0.89	Thọ Am, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội
<b>VIII Văn phòng Kiến trúc 4</b>									
121	Dương Thị Thanh Vân		21/12/1970	Phó GD VP	KTS	A	10/1995	19.90	65, N19, Khu tập thể Liễu Giai, Cổng V1, Ba Đình, Hà Nội
122	Nguyễn Trường Linh	06/09/1978		Phó GD VP	KTS	A	01/2003	12.65	Số 48, Ngõ 56 Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy Hà Nội
123	Trần Quang Huy	09/11/1978		Phó GD VP	KTS	A	01/2003	12.65	P87 Nhà A4, Làng Quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà Nội
124	Hoàng Thị Quỳnh Ngọc		19/12/1974	Cán bộ	KTS	A	04/2000	15.40	P410, CT9 KĐT Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
125	Phạm Thị Hiền		08/10/1974	Cán bộ	KTS	A	05/1997	18.32	P212, B24 TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
126	Nguyễn Thị Lan Oanh		13/08/1975	Cán bộ	KTS	A	11/1997	17.81	P505, B24 TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
127	Trần Thị Hồng Khuyên		02/07/1979	Kế toán	Cử nhân kinh tế	A	01/2003	12.65	Số 86, Ngõ 281 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội
128	Nguyễn Minh Hiếu	20/08/1982		Cán bộ	KTS	A	09/2007	7.98	Số 16/41 Ngõ Tô Hoàng, P. Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
129	Đào Thế Sơn	21/05/1984		Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	Số 23/49, Ngõ 491, Đê La Thành, Hà Nội
130	Trần Mạnh Long	22/12/1983		Cán bộ	KSXD	A	08/2007	8.07	P1708, CT5B, Khu DT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
131	Vũ Thị Hiền		26/08/1982	Cán bộ	KTS	A	10/2012	2.90	Số 12 ngách 155/182 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội
132	Nguyễn Lưu Sơn	28/2/1986		Cán bộ	KTS	A	11/2010	4.81	Thôn Đình Cả, Xã Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh
133	Hoàng Nghĩa Hà	13/06/1984		Cán bộ	KTS	A	11/2010	4.81	Tổ 6, TT Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội
134	Lê Thị Nga		20/04/1987	Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	P2806 Tòa nhà Hemisco, P.Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
135	Phan Tiến Hậu	21/01/1988		Cán bộ	KTS	A	10/2011	3.90	P2302 CC Quân đội 16B Nguyễn Thái Học, Hà Đông, Hà Nội
136	Hoàng Anh Tuấn	23/10/1988		Cán bộ	KTS	A	12/2011	3.73	Số 30, Quan Thổ 1, Tồn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội
137	Nguyễn Đức Trung	04/12/1989		Cán bộ	KTS	A	12/2012	2.73	P202B, số 27 Ngõ 195/41/16, Trần Cung, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
138	Nguyễn Minh Trung	28/08/1984		Cán bộ	KTS	B	01/2015	0.64	A9 Ngõ 109 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
139	Phạm Văn Thọ	12/05/1990		Cán bộ	KTS	B	01/2015	0.64	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
140	Nguyễn Văn Tiến	22/04/1948		Cán bộ	KTS	C	05/2014	1.32	Hà Nội
<b>IX Văn phòng Kiến trúc 5</b>									
141	Lê Trường Sơn	13/12/1970		Giám đốc VP	KTS	A	11/1994	20.81	520 CT4A Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
142	Bùi Quốc Dũng	03/02/1962		Phó GD VP	Ths.KTS	A	03/1991	24.48	Số 8 Ngõ 53, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
143	Hà Đức Hương	14/07/1973		Phó GD VP	KTS	A	08/1995	20.07	Số 89, Hẻm 173/63/17 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội
144	Trần Thị Lan Phương		17/10/1968	Cán bộ	KTS	A	05/1991	24.32	Số 83C, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội
145	Ngô Thu Hà		22/09/1972	Cán bộ	KTS	A	05/1996	19.32	P603, Nhà HH1, Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy
146	Nguyễn Đức Hiệp	18/05/1978		Cán bộ	KTS	A	12/2001	13.73	Số 28, Yên Lãng, P.Trịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
147	Nguyễn Đức Tuấn	24/02/1978		Cán bộ	Ths. KTS	A	01/2003	12.65	P201, Nhà E12, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
148	Lê Xuân Hoàng	15/10/1977		Cán bộ	KTS	A	01/2003	12.65	P1105B, Nhà E1 KDDTM Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
149	Đào Văn Sơn	02/10/1978		Cán bộ	KTS	A	04/2004	11.40	Yên Thánh, Biên Giang, Hà Đông, Hà Tây
150	Nguyễn Văn Tiến Thành	05/05/1982		Cán bộ	KTS	A	05/2008	7.32	Khu TĐC thôn Nguyễn Xá, Phố Nối, Hưng Yên
151	Đặng Thị Việt Anh		22/08/1972	Cán bộ	KS KT	A	04/1995	20.40	Số 22, Ngõ 102/72 đường Trường Chinh, Hà Nội
152	Trần Thanh Nhân		23/04/1985	Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	Số 30, Dãy A Khu DD Đa Sỹ, Hà Đông, Hà Nội
153	Trần Tuấn Anh	26/03/1985		Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	42A/35, Ngõ Giàng Mút, Bạch Mai, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
154	Đỗ Ngọc Lâm	29/08/1984		Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	Số 16, Ngách 296, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, P.Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
155	Trần Hà Thái	21/05/1984		Cán bộ	KTS	A	10/2009	5.90	Số 19, tổ 34A, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
156	Nguyễn Bảo Thái	19/11/1985		Cán bộ	KTS	A	07/2011	4.15	Số 8 Khu A4, TT Thông tấn xã Việt Nam, Bùi Ngọc Dương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
157	Nguyễn Mạnh Vương	13/08/1987		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	P1405 CT1, KĐT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
158	Nghiêm Thanh Đức	05/10/1987		Cán bộ	KTS	A	10/2011	3.90	P103 C2 TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
159	Nguyễn Thị Nhài		30/11/1988	Cán bộ	KTS	A	12/2012	2.73	Số 16, Ngách 1, Ngõ 898 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
160	Nguyễn Cường	08/08/1984		Cán bộ	Ths.KT. KTS	B	04/2013	2.40	Số 45 ngõ 2 Nguyễn Viết Xuân, Thanh Xuân, Hà Nội
161	Nguyễn Trung Kiên	08/03/1986		Cán bộ	Ths.KTS	B	08/2013	2.06	P501 Nhà Công vụ Quốc hội, số 2 Hoàng Cầu, Đống Đa, HN
162	Phạm Thị Vân		20/12/1990	Cán bộ	KTS	B	10/2014	0.90	Số 39 Tổ 66B, Ngõ Trại Cá, Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội
163	Nguyễn Thị Liên		08/08/1956	Cán bộ	KTS	B	09/2014	0.98	Hà Nội
<b>X Văn phòng Dự án</b>									
164	Vũ Hồng Thủy	27/10/1957		Giám đốc VP	Ths.KTS	A	09/1984	35.23	B4, 181 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
165	Bùi Huy Hoàng	14/02/1974		Phó GD VP	Ths.KTS	A	04/1996	19.40	P101, 881 Đường Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội
166	Vũ Ngọc Văn	01/01/1958		Phó GD VP	KTS	A	03/1989	35.65	P1704, Tòa nhà 57 Láng Hạ, Hà Nội
167	Nguyễn Mạc Hà	23/12/1960		Cán bộ	KTS	A	11/1985	29.81	30 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
168	Ngô Thị Vân		14/02/1969	Cán bộ	KTS	A	08/1992	23.06	1486, tổ 10, P. Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
169	Trịnh Thu Hà		04/03/1971	Cán bộ	Ths.KTS	A	11/1995	19.81	Số 12, Ngõ 33 Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
170	Đặng Thị Kim Xuân		26/10/1976	Cán bộ	KTS	A	01/2001	14.64	Đội 5, Tàn Lấp, Đan Phượng, Hà Nội
171	Phạm Minh Đức	25/04/1982		Cán bộ	KTS	A	01/2006	9.65	Số 07 Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội
172	Doãn Thị Vân		06/03/1983	Cán bộ	Ths.KTS	A	04/2007	8.40	Số 144/180 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
173	Cung Tố Chi		26/11/1974	Kế toán	Cử nhân ngoại ngữ	A	01/1997	18.64	P101, 881 Đường Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội
174	Nguyễn Quỳnh Nga		31/08/1976	Cán bộ	Cử nhân ngoại ngữ	A	01/2003	12.65	Số 27, Phố Đồng Tác, Đống Đa, Hà Nội
175	Phạm Thị Thủy Hà		06/12/1981	Cán bộ	KTS	A	01/2008	7.65	SN 225 tổ 51, TT Đồng Anh, Đống Anh, Hà Nội
176	Lê Thị Lành		04/07/1984	Cán bộ	KTS	A	08/2008	7.06	Số 109 A25 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
177	Lê Thủy Thanh Liêm	23/09/1984		Cán bộ	KTS	A	12/2008	6.73	Xóm lẻ, Thôn Tráng, Xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
178	Nguyễn Hoàng My		29/12/1978	Cán bộ	KTS	A	07/2011	4.15	P906, D11 Đường Trần Thái Tông, Hà Nội
179	Dương Văn Minh	11/09/1986		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Số 6, Ngõ 299/55/1 Hoàng Mai, Hà Nội
180	Vũ Thị Lê Vân		29/06/1988	Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Số 41, Ngõ 292 Kim Giang, Hoàng Mai, Hà Nội
181	Nguyễn Hữu Vĩnh Lý	09/10/1987		Cán bộ	KTS	A	09/2011	3.98	Số 14 Ngõ 850 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
182	Nguyễn Mạnh Tuấn	10/12/1988		Cán bộ	KTS	A	12/2011	3.73	P902 Nhà CT7B Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
<b>XI Văn phòng Kết cấu 1</b>									
183	Phạm Hữu Trí Dục	19/10/1958		Giám đốc VP	Ths.KSXD	A	01/1984	31.65	Nhà 42, ngõ 663, Trương Định, Hà Nội
184	Lương Tuấn Cường	14/07/1959		Phó GD VP	KSXD	A	03/1984	31.48	P618, Ngõ 1A Bán đảo Linh Đàm, Hà Nội
185	Nguyễn Thanh Hải	10/06/1978		Phó GD VP	Ths.KSXD	A	01/2003	12.65	58/2/19 Đê Tô Hoàng, Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
186	Nguyễn Khắc Tâm	01/01/1980		Phó GD VP	Ths.THXD	A	01/2004	11.65	Tiên Sơn, Việt Yên, Bắc Giang
187	Cao Thị Thuý		20/04/1963	Cán bộ	KSXD	A	12/1985	29.73	20 Lê Thánh Tông, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
188	Đỗ Văn Bình	03/06/1958		Cán bộ	KS Nước	A	05/2002	34.73	D11, tổ 91, P.Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
189	Nguyễn Thị Bích Hạnh		05/08/1960	Cán bộ	KSXD	A	08/1979	36.07	Số 123 Tân Ấp, Ba Đình, Hà Nội
190	Nguyễn Trung Hùng	09/02/1981		Cán bộ	KS THXD	A	04/2007	8.40	Số 7, Ngõ 99, Tô 29, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
191	Đặng Thanh Thuý		29/05/1966	Kế toán	Cử nhân kinh tế	A	04/1987	28.40	Số 32, Ngõ 19, Trần Quang Diệu, Hà Nội
192	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1984		Cán bộ	KSXD	A	01/2008	7.65	4A, Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
193	Nguyễn Quốc Khánh	21/08/1984		Cán bộ	Trung cấp XD	A	01/2008	7.65	SN 47, Ngách 296/86, phố Minh Khai, Hà Nội
194	Nguyễn Trung Đức	07/11/1985		Cán bộ	KSXD	A	01/2010	5.65	123 phố Tân Ấp, Ba Đình, Hà Nội
195	Nguyễn Việt Hưng	13/11/1983		Cán bộ	Ths.KSXD	A	07/2006	9.15	T50609 Timescity, 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
196	Đỗ Tuấn Thi	16/07/1985		Cán bộ	KSXD	A	01/2008	7.64	Xuân Lôi, Đình Dư, Văn Lâm, Hưng Yên
197	Nguyễn Ngọc Anh	13/10/1988		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Xóm 3, Mễ Trì Thượng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
198	Nguyễn Ngọc Đức	01/01/1987		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Số 4A, ngõ 9 Ô Cách, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
199	Lê Kim Ngân	03/06/1984		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Tổ 10, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
200	Nguyễn Anh Thái	28/04/1988		Cán bộ	KSXD	A	12/2011	3.73	Xóm 5, Đồng Lao, Đống La, Hoài Đức, Hà Nội
201	Phạm Ngọc Thanh	09/02/1988		Cán bộ	KSXD	B	10/2014	0.90	Tổ 14, Thị trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định
202	Võ Như Hiền	22/05/1988		Cán bộ	KSXD	B	10/2014	0.90	Xã Kỳ Bắc, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
<b>XII Văn phòng Kết cấu 2</b>									
203	Nguyễn Xuân Hải	19/09/1971		Giám đốc VP	KSXD	A	07/1994	21.15	50/235 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
204	Trương Đức Huỳnh	10/08/1958		Phó GD VP	Ths KSXD	A	01/1983	32.65	Bảo Lý, Lý Nhân, Hà Nam
205	Hoàng Anh Tùng	03/04/1978		Phó GD VP	Ths KSXD	A	10/2004	10.90	Số 11, Ngách 8/11/36/79, Phủ Đổ, Nam Từ Liêm
206	Bùi Xuân Phước	05/05/1980		Phó GD VP	KSXD	A	01/2004	11.65	P1806 CT5A Xa La, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
207	Trương Diệp Ánh		09/01/1963	Cán bộ	KSXD	A	05/1988	27.32	35B, Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội
208	Nguyễn Thị Bạch Nga		13/01/1972	Cán bộ	KSXD	A	08/1994	21.07	P2, Ngách 5/17, Hoàng Tích Chí, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
209	Dương Thái Diệu Linh		31/08/1973	Cán bộ	KSXD	A	01/1995	20.65	Số 10, Dãy 38A, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội
210	Trịnh Thị Mai	04/03/1977		Cán bộ	KSXD	A	12/2001	13.73	P2104 VP3 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
211	Đường Tất Lương	21/03/1980		Cán bộ	Ths KSXD	A	01/2004	11.65	Xóm 13, Vĩnh Linh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội
212	Nguyễn Thị Huệ	23/12/1983		Cán bộ	Ths KSXD	A	07/2007	8.15	33/94 Ngõ Tự Do, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
213	Cao Thế Hưng	12/02/1982		Cán bộ	KSXD	A	01/2006	9.65	Xóm Tây Hồ II, Xã Nghĩa Quang, Nghĩa Dân, Nghệ An
214	Nguyễn Thủy Linh	03/11/1976		Cán bộ	CNNN	A	02/2000	15.56	23/47 Ngõ Hòa Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
215	Nguyễn Đình Thức	24/04/1982		Cán bộ	KSXD	A	01/2006	9.65	D4 TT Hòa chất, Ngõ 100 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
216	Ngô Minh Tuấn	21/10/1984		Cán bộ	KSXD	A	06/2008	7.23	114, tổ 9 Đường Hoàng Công Chất, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
217	Đỗ Trần Phương	11/12/1983		Cán bộ	KSXD	A	06/2008	7.23	P8,C2,D11, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
218	Trần Xuân Hùng	16/10/1984		Cán bộ	Ths KSXD	A	10/2008	6.90	Tổ 11 Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội
219	Trần Tiến Định	11/09/1986		Cán bộ	KSXD	A	10/2009	5.90	Số 5, Ngõ 139 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
220	Trần Thủy Hằng	31/12/1986		Cán bộ	KSXD	A	01/2010	5.65	P612, B24 Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
221	Trịnh Hoàng Hương	05/05/1987		Cán bộ	Ths KSXD	A	01/2011	4.65	37A, Ngõ 151, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
222	Đỗ Quang Hưng	07/09/1982		Cán bộ	KSXD	A	01/2011	4.65	Số 4 Đại An, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
223	Ngô Văn Giang	19/10/1985		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	An Duyên, Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội
224	Phạm Mạnh Tùng	25/12/1987		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Số 20, Ngõ 268, Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
225	Hoàng Hữu Hiệu	06/01/1988		Cán bộ	KSXĐ	A	09/2011	3.98	Hồng son, Đồ Lương, Nghệ An
226	Hoàng Hà	01/10/1987		Cán bộ	Ths.KSXĐ	A	09/2011	3.98	Hà Nội
227	Vũ Văn Tiến	19/09/1984		Cán bộ	KSXĐ	A	09/2011	3.98	Số 25, Ngõ 150 Phố Chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
228	Đỗ Trần Cương	28/10/1989		Cán bộ	KSXĐ	B	01/2015	0.64	Số 122 Nguyễn Trãi, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định
229	Phạm Văn Toán	10/05/1991		Cán bộ	KS Công nghệ Kỹ thuật XD	B	10/2014	0.90	Số 75 Trần Phú, P. Trần Phú, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
230	Nguyễn Ngọc Thắng	28/03/1991		Cán bộ	KSXĐ	B	10/2014	0.90	Số 37 Trường Lâm, Tổ 7, P. Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội
231	Lê Tiến Nghĩa	26/08/1991		Cán bộ	KSXĐ	B	10/2014	0.89	Số 202 C5, Mỹ Đình I, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
<b>XIII Văn phòng Kết cấu 3</b>									
232	Đặng Quyết Thắng	09/06/1977		Giám đốc VP	Ths.KSXĐ	A	07/2002	13.15	Hoàng Minh Giám, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
233	Lê Văn Quyết	14/11/1956		Phó GE VP	KSXĐ	A	06/1980	35.23	123 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
234	Phạm Quang Trung	26/06/1976		Phó GE VP	KSXĐ	A	12/2001	13.73	TT Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
235	Trần Quế Hương		03/09/1960	Cán bộ	KSXĐ	A	02/1983	32.56	Khu Đại Kim, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
236	Lưu Khánh Hằng		17/09/1960	Cán bộ	KSXĐ	A	08/1979	36.07	F102, Nhà H2, Tổ 98 TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
237	Kiều Thị Diễm		07/07/1966	Cán bộ	KSXĐ	A	02/1987	28.56	Số 18, Ngõ 37 Phố Đồng Tác, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
238	Lương Thị Phương Anh		29/06/1973	Cán bộ	KSXĐ	A	01/1997	18.64	48 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
239	Đặng Phương Anh		03/04/1974	Cán bộ	KSXĐ	A	01/1997	18.64	P12A05 Tầng 13, 93 Lò Đức, Hà Nội
240	Nguyễn Thị Thu Hà		26/06/1975	Cán bộ	KSXĐ	A	06/1999	16.23	P316, B14 Tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
241	Nguyễn Hoàng Oanh		08/09/1975	Cán bộ	KSXĐ	A	06/1997	18.63	35 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội
242	Ngô Thị Thu Trang		08/10/1978	Cán bộ	KSXĐ	A	01/2003	12.65	Khu DT Resco Cổ Nhuế, Xuân Đình, Hà Nội
243	Nguyễn Xuân Tài	23/06/1978		Cán bộ	KSXĐ	A	01/2003	12.65	Số 36, Ngõ 389 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
244	Lê Thị Ngọc Liên		16/07/1961	Cán bộ	Kế toán	A	01/1983	32.65	Số 30, Ngõ 299, Tổ 4 Cầu Giấy, Hà Nội
245	Nguyễn Minh Tuấn	01/08/1983		Cán bộ	Ths.KSXĐ	A	01/2007	8.65	Số 47, Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
246	Nguyễn Tiến Quyết	03/11/1985		Cán bộ	Ths.KSXĐ	A	04/2008	7.40	Số 3/35/91 Hoa Lám, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
247	Tăng Hữu Quân	24/08/1985		Cán bộ	KSXĐ	A	08/2008	7.06	Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Tây Hồ

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
248	Vũ Thị Thu Nga		19/08/1985	Cán bộ	Kế Toán	A	10/2008	6.90	Hà Đông, Hà Nội
249	Phạm Thị Huệ Chi		09/09/1983	Cán bộ	Ths.KSXD	A	01/2010	5.65	Nguyễn Thị Thập, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
250	Vũ Mạnh Tuấn	01/12/1984		Cán bộ	KSXD	A	10/2009	7.65	Số 19, Ngõ 10, Đường 800A, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
251	Trần Bá Tiến	25/05/1987		Cán bộ	Ths.KSXD	A	01/2011	4.65	Mỹ Đình, Hà Nội
252	Dương Đình Quế	20/11/1985		Cán bộ	KSXD	A	01/2011	4.65	P304 A1, TT Thám may, Ngõ 155, Đặng Tiến Đồng, Đống Đa, Hà Nội
253	Đỗ Cao Nguyên	25/10/1988		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Ngõ Linh Quang, Đống Đa, Hà Nội
254	Nguyễn Ngọc Thìn	17/05/1988		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	Ngõ 164 Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội
255	Lê Minh Đức	12/09/1988		Cán bộ	KSXD	A	09/2011	3.98	119 Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội
256	Đặng Xuân Dương	14/01/1991		Cán bộ	KS Kỹ thuật công trình XD	B	10/2014	0.90	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc
257	Phạm Kế Luyện	24/04/1990		Cán bộ	KSXD	B	10/2014	0.90	Thôn Đông Cừ, Xã Dũng Tiến, Huyện Thường Tín, Hà Nội
258	Mai Văn Bắc	06/12/1989		Cán bộ	KSXD	B	10/2014	0.89	P302 A2, 229 Phố Vọng, Hà Nội
<b>XIV Văn phòng Cơ điện - Nước - Môi trường</b>									
259	Đặng Thanh Hải	18/12/1979		Giám đốc VP	Ths.KSN	A	01/2003	12.65	P304 A3, Giảng Võ, Hà Nội
260	Phạm Thế Hùng	11/08/1975		Phó GD VP	KSD, ĐHKK	A	03/1999	16.48	Số 9/15/235 Đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội
261	Nguyễn Duy Thành	25/03/1970		Phó GD VP	KSN	A	01/2003	12.65	64 Ngõ Văn Chương, P Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
262	Ngô Hoài An		17/07/1980	Phó GD VP	KSN	A	10/2004	10.90	P1105B, Nhà E1 Chelsea Park, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
263	Khâu Thanh Tùng	09/10/1980		Phó GD VP	KSD	A	04/2005	10.40	Tổ 12 Phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội
264	Tướng Phi Hà	03/10/1977		Cán bộ	KS Đ	A	04/2002	13.40	Tổ 4, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Hà Nội
265	Ngô Linh Ngọc	20/07/1979		Cán bộ	Ths-KSD	A	01/2003	12.65	Số 12, Ngách 37/3, Ngõ 37 Phố Đồng Tác, Kim Liên, Hà Nội
266	Phạm Thanh Bình	24/01/1981		Cán bộ	Vĩ KHMT	A	04/2004	11.40	Khu tập thể Số Giao Thông, Lộc An, Nam Định
267	Nguyễn Ngọc Thủy	15/12/1982		Cán bộ	KSD	A	01/2009	6.64	Số 1 TT Bình đoàn 12, Phường Linh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
268	Đào Văn Trung	18/07/1980		Cán bộ	KS vi khí hậu MT	A	04/2007	8.40	Số 8B, Ngõ 37/6/4, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
269	Nguyễn Hoàng Thị	29/06/1976		Cán bộ	Kỹ sư điện	A	01/2006	9.65	Số 12, Ngõ 87 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
270	Trần Thị Dung		07/09/1984	Cán bộ	KS điện	A	04/2007	8.40	Nhà 16A Nam Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
271	Đinh Văn Quyết	29/01/1984		Cán bộ	Trung cấp điện	A	01/2006	9.65	Số 9/C1 Khu TT Học viện tài chính, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
272	Nguyễn Thị Minh Tuyết		26/01/1973	Cán bộ	Cao đẳng	A	03/1996	19.48	Số 28 Ngách 2/47 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
273	Nguyễn Văn Trung	11/01/1984		Cán bộ	KSD, ĐHKK	A	04/2008	7.40	P205 TT B3, Kim Liên, Hà Nội
274	Ngô Văn Chuyên	04/04/1982		Cán bộ	KSHT điện	A	04/2008	7.40	Số 9 Ngõ 64 Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội
275	Đỗ Xuân Bình	16/09/1985		Cán bộ	KS.TBĐ	A	08/2008	7.06	Số 24 Ngõ Hòa Bình 2, Minh Khai, Hà Nội
276	Nguyễn Thị Kim Huệ		04/08/1983	Cán bộ	KSĐT-VT	A	10/2008	6.90	Số 26, Ngõ 192 Phố Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
277	Nguyễn Bá Canh	05/10/1957		Cán bộ	KSN	A	03/1980	35.48	Số 133 Đường Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
278	Trần Thị Kiều Diễm		25/09/1978	Cán bộ	KSN	A	01/2003	12.65	P511, A11 TT Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
279	Trịnh Đức Tiến	19/09/1980		Cán bộ	Ths.KSN	A	04/2004	11.40	Ngọc Trục, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
280	Vũ Thị Liên		23/04/1982	Cán bộ	Ths.KSN	A	01/2006	9.65	Số 31 Ngõ 7, An Hòa, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
281	Đặng Văn Tiến	10/08/1982		Cán bộ	Ths.KSMT	A	04/2008	7.40	P304, TT Xi nghiệp In 15, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội
282	Lê Quang Thanh	11/09/1983		Cán bộ	Ths.KSN	A	09/2007	7.98	Khu 5 tầng, Tổ 58, TT Đông Anh, Hà Nội
283	Văn Đức Mạnh	01/09/1983		Cán bộ	KSN	A	08/2008	7.06	Ngõ 92, Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy, Hà Nội
284	Đặng Việt Bằng	14/10/1982		Cán bộ	Điện KT	A	10/2009	5.90	Nhà 60 khu A, khu 734 binh đoàn 12, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
285	Đoàn Văn Quyền	01/12/1984		Cán bộ	KSCTrước	A	01/2010	5.65	Ngõ 102/36 Hoàng Đạo Thánh, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
286	Nguyễn Thế Tùng	11/05/1986		Cán bộ	KS Điện	A	01/2010	5.65	Đông Mai, Thanh Oai, Hà Nội
287	Ngô Quang Cường	20/11/1988		Cán bộ	KS Điện	A	03/2010	5.48	Số 609 Ngõ Gia Tư, Ninh Xá, Bắc Ninh
288	Nguyễn Ngọc Dũng	16/11/1981		Cán bộ	KS Điện	A	09/2011	3.98	Đông Nguyễn, Từ Sơn, Bắc Ninh
289	Đông Thị Thật		16/05/1987	Cán bộ	KS Hệ thống KTCT	A	09/2011	3.98	An Hà, Lạng Giang, Bắc Giang
290	Nguyễn Văn Anh		13/02/1987	Cán bộ	Ths.KS Môi trường	A	09/2011	3.98	TT Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ, Thái Bình

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
291	Đỗ Thị Ái		09/08/1987	Cán bộ	CE Nước	A	09/2011	3.98	Hồng Giang, Đông Hưng, Thái Bình
292	Đặng Thanh Sơn	10/10/1987		Cán bộ	Kỹ sư HTKT	A	01/2013	2.64	P307, D2, Khu 7,2ha Vĩnh phúc, Ba Đình, Hà Nội
293	Phạm Thị Lan Anh		29/07/1988	Cán bộ	KSHTKT	B	04/2014	1.40	Kiến thủy, Hải phòng
294	Nguyễn Duy Hiền	01/07/1987		Cán bộ	KS KT Điện, Điện tử	B	12/2014	0.73	Chấn Yên, Văn Hội, Tam Dương, Vĩnh Phúc
295	Nguyễn Thị Vân Thào		11/09/1991	Cán bộ	KS Cấp thoát nước	B	12/2014	0.73	Thôn Đồng Bảo, Xã Tiên Đông, Huyện Từ Kỳ, Hải Dương
296	Nguyễn Mai Anh		20/05/1991	Cán bộ	CN QTKD, TC - Kế toán du lịch	B	12/2014	0.72	Số 115 Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội
XV	<b>Xí nghiệp Khảo sát và Kiểm định chất lượng xây dựng</b>								
297	Trương Tam Quyết	04/10/1961		Giám đốc XN	KSDC.TV	A	10/1985	30.48	P202, II. Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
298	Vũ Thái Dũng	03/06/1957		Phó GE XN	KSTD	A	06/1980	35.22	Khu tập thể Quân đội, K40, Giảng Võ, Hà Nội
299	Nguyễn Ngọc Vinh	06/02/1970		Phó GE XN	KSDC	A	01/1997	18.64	Xã Bồ Đề, Gia Lâm, Hà Nội
300	Wương Hoàng Nam	06/04/1970		Phó GE XN	KSDC	A	01/1997	18.64	Số 53/4,tổ 18B, Phường Láng Thượng, Đống Đa,Hà Nội
301	Đặng Mạnh Hùng	28/03/1964		Cán bộ	KS.Khoan	A	10/1988	26.90	K6B, Phường Bạch Khoa, Hà Nội
302	Vũ Đông	09/01/1959		Cán bộ	KSDC	A	01/1997	18.64	SN 49, phố Ngõ Sĩ Liên,Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội
303	Nguyễn Xuân Thiện	30/07/1968		Cán bộ	KSDC	A	01/1989	26.64	16 Lý Văn Phúc, Đống Đa, Hà Nội
304	Nguyễn Xuân Tinh	05/08/1979		Cán bộ	KSDC	A	01/2003	12.65	Đội 3, Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình
305	Trần Thị Lan Hương		10/05/1980	Cán bộ	ĐCCT	A	04/2005	10.40	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên
306	Nguyễn Đình Cương	12/02/1981		Cán bộ	KSDC	A	01/2006	9.65	Tổ 1, khu Dân chủ, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
307	Lê Minh Tân	19/01/1977		Cán bộ	KSDC	A	01/2006	9.65	Lai Cách, Cẩm Giang, Hải Dương
308	Phạm Thị Diệu Hương		20/07/1973	Cán bộ	CNNN	A	01/1997	18.64	Nhà A4,Dãy 15, ngõ II Giảng Võ, Hà Nội
309	Nguyễn Thị Thu Thủy		25/11/1978	Cán bộ	QLKD	A	01/2008	7.65	Cụm 11, Tân Lập, Đan Phượng, Hà Tây
310	Nguyễn Văn Phúc	06/10/1963			Công nhân	A	08/2000	15.06	Xóm 8, Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
311	Võ Trung Việt	03/06/1963			Công nhân	A	08/2000	15.06	273, tổ 50, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
312	Nguyễn Xuân Anh	13/08/1969			Công nhân	A	02/1999	16.56	C8,tập thể Bồ Sóng, Chương Dương, Hà Nội
313	Tường Phi Quý	07/07/1973			Công nhân	A	02/1999	16.56	A2, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
314	Đỗ Duy Đoán	13/09/1974			Công nhân	A	01/2002	13.65	Trung Xá, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
315	Nguyễn Hữu Chính	01/05/1966			Công nhân	A	01/2002	13.65	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Tây
316	Nguyễn Anh Dũng	08/12/1965			Công nhân	A	01/2002	13.65	Tập thể công trường 57, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
317	Đặng Văn Hoà	26/04/1972			Công nhân	A	02/1999	16.56	Đáy Y, Phòng 6, ngõ Hoà Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
318	Lê Lâm Ân	20/02/1972			Công nhân	A	03/2004	11.48	Khánh Cường, Yên Khánh, Ninh Bình
319	Trần Thanh Tùng	01/05/1986		Cán bộ	KSDC	A	01/2010	5.65	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội
320	Nguyễn Văn Thắng	13/10/1981			Công nhân	B	01/2010	5.65	Xóm Bền, Mỹ Dương, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội
321	Đình Quang Trung	27/10/1987		Cán bộ	ĐCCT	A	01/2011	4.65	Lô 9, Xứ Đồng Phần Thánh, P. Công Vi, Ba Đình, Hà Nội
322	Nguyễn Mạnh Hùng	09/01/1969			Công nhân	B	01/2011	4.65	Thôn Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội
323	Lê Thị Hồng Lĩnh	09/10/1986		Cán bộ	KS ĐCCT	A	09/2011	3.98	Thôn Lan, An Lão, Bình Lục, Hà Nam
324	Trần Văn Thắng	20/09/1987		Cán bộ	KS TB	A	09/2011	3.98	An Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
325	Hồ Thị Thanh	23/03/1986		Cán bộ	KS ĐCCT	A	12/2012	2.73	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái nguyên
326	Nguyễn Ngọc Duy	29/07/1991		Cán bộ	KS KT Trắc địa - Bản đồ	B	10/2014	0.90	Xóm 14, Hậu Ai, Văn Canh, Hoài Đức, Hà Nội
XVI	Chi nhánh Tư vấn giám sát và Quản lý dự án VNCC								
327	Nguyễn Anh Tuấn	10/10/1974		Giám đốc CN	Ths.KSXD	A	08/1996	19.06	Số 126 TT E373, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
328	Đình Viết Hưng	16/08/1975		Phó GD CN	Ths.KSXD	A	08/1997	18.06	P1401 CC B1, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
329	Lê Anh Dũng	10/07/1977		Phó GD CN	ThsKT.KSXD	A	05/2001	14.32	Số 60/371/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
330	Nguyễn Thanh Tùng	01/01/1957		Cán bộ	CH-KTS	A	05/1980	35.32	Số 16, Ngõ 157 Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội
331	Đoàn Tuấn Nhã	01/11/1955		Cán bộ	KTS	A	01/1979	36.64	Số 2, Ngõ 37 Đồng Tác, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
332	Nguyễn Tiến Dũng	26/05/1960		Cán bộ	Hoa Sĩ	A	04/1986	29.40	Số 11/2/4 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
333	Nguyễn Lương Hoà	20/04/1958		Cán bộ	KSXD	A	10/1979	35.90	Số 2 TT Hồng Hà, Ngõ 190 Lò Đức, Hoàn Kiếm, Hà Nội
334	Hoàng Hải Ninh	01/11/1960		Cán bộ	KS điện khí hoá	A	04/2006	9.40	P122 KSD nhà A, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
335	Phạm Hồng Minh	12/02/1970		Cán bộ	KSXD	A	09/1994	20.98	Số 715 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
336	Lê Quốc Anh	19/09/1968		Cán bộ	KSXĐ	A	01/2002	14.64	Số 47 Ngõ 291 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
337	Bạch Đăng Sơn	26/12/1973		Cán bộ	KSXĐ	A	07/1996	19.15	P1907, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
338	Lê Sĩ Quế	26/05/1970		Cán bộ	KSXĐ	A	02/2003	15.90	Số 11, TT Đài phát thanh Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
339	Đào Việt Hưng	03/05/1974		Cán bộ	KSXĐ	A	04/2006	9.40	Số 34/86 Ngõ An Trạch 2, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
340	Nguyễn Đức Thiện	11/02/1980		Cán bộ	KS TĐ	A	08/2008	9.23	P412 K2, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
341	Đinh Văn Hạo	24/12/1978		Cán bộ	KSXĐ	A	01/2004	11.65	Số C3 Làng Việt kiều Châu Âu, Mỹ Đình, Hà Nội
342	Phạm Văn Quỳnh	18/04/1975		Cán bộ	Điều khiển học KT	A	04/2007	8.40	Số 28, Dãy C Khu B TT đoàn 871, Việt Hưng, Long Biên
343	Nguyễn Học Trí Dũng	27/07/1978		Cán bộ	KSBĐ	A	01/2005	10.64	Số 79/354/159 Đường Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội
344	Lưu Văn Thiện	25/04/1974		Cán bộ	KSXĐ	A	01/2006	9.65	Số 1503 Tòa nhà Vinaconex 21 Hà Đông, Hà Nội
345	Tổng Trung Kiên	03/10/1977		Cán bộ	CTN-Mô	A	07/2007	8.15	P612 CT1 Học viện quân y, Hà Đông, Hà Nội
346	Triệu Văn Hoàn	15/05/1975		Cán bộ	KSXĐ	A	10/2004	10.90	Nam Hoa, Nam Từ Liêm, Nam Định
347	Nguyễn Thành Vinh	18/06/1975		Cán bộ	KSXĐ	A	10/2004	10.90	Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
348	Phạm Việt Anh	02/07/1976		Cán bộ	KSXĐ	A	10/2004	10.90	Tổ dân phố Ngang, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
349	Khieu Đình Duẩn	10/11/1981		Cán bộ	KSCĐ	A	01/2006	9.65	KĐT mới Cầu Diễn, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
350	Đoàn Văn Hưng	09/09/1982		Cán bộ	KSCĐ	A	04/2007	8.40	Tam Hợp, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
351	Lê Thị Loan	20/06/1985		Cán bộ	Ths.KTXD	A	08/2008	7.06	P304 TT H9, Thanh Xuân, Hà Nội
352	Lương Ngọc Hoàn	04/10/1981		Cán bộ	KSXĐ	A	08/2008	7.06	Xóm 4, Thôn 3 Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội
353	Lê Thị Thanh Bình	24/03/1974		Kế toán	CNKĐ	A	03/1997	18.48	Số 21/124/64 Từ Liêm, Tây Hồ, Hà Nội
354	Nguyễn Hữu Nam	29/04/1977		Cán bộ	KSN	A	01/2006	9.65	Thôn Cổ Diễn, Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội
355	Nguyễn Văn Thắng	02/01/1980		Cán bộ	CN KTXD	A	10/2009	5.90	Số 14/11 Đường Ngọc Hồi, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
356	Phạm Trọng Quý	28/08/1983		Cán bộ	CNKT Điện	A	10/2009	5.90	Số 31 Dốc Hóa Chất, Nhật Tân, Đống Ngạc, Hà Nội
357	Tô Ngọc Nhân	17/06/1986		Cán bộ	KSTR-Đ	A	01/2011	4.65	
358	Trần Việt Hùng	11/06/1971		Cán bộ	KSXĐ	A	09/2012	15.90	Thôn Tân Phúc, Phú Cường, Sóc Sơn

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
359	Phạm Thị Phương		29/01/1986	Cán bộ	Ths.KSXD	B	09/2011	3.98	P205 H1 Thanh Xuân, Hà Nội
360	Vương Đình Vũ	26/10/1984		Cán bộ	KSXD	B	09/2011	3.98	P205 NO3 KĐC Chùa Láng
<b>XVII Văn phòng Kinh tế dự án</b>									
361	Nguyễn Duy Tiếp	03/04/1960		Giám đốc VP	KSKT	A	01/1984	31.65	Số 40, Ngách 28/260 Cầu Giấy, Hà Nội
362	Phạm Thị Hoài Linh		20/03/1969	PHÓ GD VP	Ths.KTXD	A	04/1998	17.40	Số 5/2/183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, Hà Nội
363	Đặng Thị Quỳnh Nga		30/09/1963	PHÓ GD VP	CNKT.KTDA	A	03/1986	29.48	CT6 ĐN2, KĐT Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
364	Nguyễn Công Linh	15/12/1977		PHÓ GD VP	Ths.KS.KTXD	A	07/2002	14.81	B10 TT Bộ KHĐT, Ngõ 100 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
365	Nguyễn Thị Oanh		06/06/1962	Cán bộ	KSXD	A	05/1982	33.32	Số 3, Ngách 55/124 Âu Cơ, Tây Hồ, Từ Liêm, Hà Nội
366	Nguyễn Thị Thanh Mai		25/01/1971	Cán bộ	KTXD	A	11/2008	6.81	Nhà N6D, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
367	Đoàn Việt Dũng	22/11/1971		Cán bộ	Ths.KSKT	A	07/1998	17.15	Số 93 Ngõ 12, Lương Khánh Thiện, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
368	Nguyễn Quốc Anh	29/04/1979		Cán bộ	Ths. CNKT	A	01/2003	12.65	Nhà N4A P308, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
369	Đào Thị Bích Lộc		23/06/1974	Cán bộ	CNKT	A	09/1998	16.98	Số 5, Ngõ 134 Đê Trần Khánh Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
370	Lê Thị Thanh Bình		22/10/1982	Cán bộ	Ths.KTXD	A	01/2006	9.65	Số 210 Nhà SB Tây Nam Đại học TM, Mai Dịch, Hà Nội
371	Hoàng Thị Nga		02/06/1978	Cán bộ	Cử nhân kinh tế	A	12/2001	13.73	P1403 Nhà A, Khu nhà ở Sý quan BTMM Nhân Mỹ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
372	Trương Linh Tâm		31/12/1982	Cán bộ	KSXD	A	10/2008	6.90	Tổ 27, P.Hương Sơn, Thái Nguyên
373	Vương Lan Anh		28/09/1986	Cán bộ	KTXD	A	10/2009	5.90	Số 2F Ngõ 18, Ngõ Quyền, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
374	Âu Thị Hiền		27/11/1985	Cán bộ	Ths.KTXD	A	01/2010	5.65	Tổ 3, Trường Lâm, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
375	Lâm Ngọc Liên		18/09/1986	Cán bộ	KTXD	A	01/2011	4.65	TT Yên Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình
376	Lý Thị Kim Huệ		02/11/1987	Cán bộ	Cử nhân kế toán	A	09/2011	3.98	P504, TT 32 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
377	Chu Thị Hạnh		07/12/1990	Cán bộ	KS KTXD	B	10/2014	0.90	Quảng Lãng, Ân Thi, Hưng Yên
378	Vũ Thị Tâm		05/05/1989	Cán bộ	KS KT Tài Nguyên thiên nhiên	B	10/2014	0.90	Số 2 Ngõ 211/85 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
379	Phạm Thị Thuý		09/07/1983	Cán bộ	KSCĐ	A	04/2009	6.40	Cầu Giấy, Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
380	Phạm Ngọc Diệp		24/01/1990	Cán bộ	KS QL Xây dựng	B	10/2014	0.89	Số 19B Ngõ Quỳnh, Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
<b>XVIII Chỉ nhánh Tổng công ty TVXD Việt</b>									
381	Dương Thị Kiều Anh		01/02/1973	Giám đốc CN	Ths. CNKT	A	01/1995	20.65	67/188, Đ. Bùi Đình Túy, Phường 12, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
382	Trần Bá Tuấn	14/06/1977		Phó giám đốc	KSXD	A	05/2014	1.32	624/49A, Quốc lộ 52, Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
383	Nguyễn Thu Hằng		13/09/1973	Cán bộ	CN.QTKD	A	04/1995	20.40	137/61 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
384	Trần Thanh Xuân		30/10/1977	Cán bộ	CN.QTVP	A	03/2000	15.48	332 Lô 10 cư xá Thanh Đa, phường 27, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
385	Nguyễn Hữu Thanh	02/01/1978		Cán bộ	KSXD	A	06/2005	10.23	201/46/26 Nguyễn Xi, phường 36, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
386	Nguyễn Thị Thụy Vân		24/03/1978	Cán bộ	Cao đẳng KT	A	07/1996	19.15	91/43 Thân Nhân Trung phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM
387	Vũ Thị Hương		16/11/1976	Cán bộ	KS KT thủy sản	A	09/2002	12.98	83 Đường 13B, Quận Bình Tân
388	Phạm Huy Thành	14/09/1974		Cán bộ	KSXD	A	04/2009	6.40	137/32/4 Lê Văn Sỹ, phường 13, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
389	Dương Thị Lý		19/06/1982	Cán bộ	Cử nhân kinh tế	B	07/2013	2.15	189/26/1 Hoàng Hoa Thám phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
390	Tiểu Tôn Toán	27/08/1979		Cán bộ	Kỹ sư xây dựng	B	09/2014	0.98	118 QL 1K KP3 Thủ Đức, TP HCM
391	Lương Bá Vinh	31/07/1981		Cán bộ	Kỹ sư điện tử	B	09/2014	0.98	99 Lý Thường Kiệt, Gò Vấp, TP HCM
392	Trần Thị Lệ Thanh		13/08/1985	Cán bộ	Kỹ sư nước	B	04/2009	6.40	75/10/7/9 Đường 48 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp. HCM
393	Phan Văn Chiến	10/05/1986		Cán bộ	Kỹ sư điện	B	09/2011	3.98	111/8/36 Đường Trục phường 13, Quận Bình Thạnh
394	Phan Vũ Phương	15/02/1988		Cán bộ	Ths Xây dựng	C	07/2012	3.15	TP HCM
395	Lê Minh Tuấn	03/01/1977		Cán bộ	Kỹ sư điện	C	09/2011	3.98	260/1Bis khu phố 1, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM
396	Lê Hồng Phong	01/07/1983		Cán bộ	Giám sát công trình	C	04/2007	8.40	Áp Đông An, Tân Hiệp Kiên Gaing
397	Trương Mạnh Tuấn	15/10/1964		Cán bộ	Giám sát công trình	C	07/2008	7.15	422 Hiệp Thành, phường Hiệp Thành Quận 12, Tp. HCM
398	Hoàng Phi Long	05/03/1981		Cán bộ	Giám sát công trình	C	11/2009	5.81	967/41 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. HCM

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
XIX	Trung tâm TVXD VNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh								
399	Tạ Thị Thanh Bình		24/07/1960	Giám đốc TT	KTS	A	06/2008	7.23	773 Lê Hồng Phong, P12, Q10, TP Hồ Chí Minh
400	Nguyễn Tuấn Thành	28/08/1962		Phó GE TT	KS ĐT	A	06/2008	7.23	595/103 chung cư 96, Cách mạng T8, P15, Q10, TP Hồ Chí Minh
401	Nguyễn Thế Kiệt	19/04/1975		Phó GE TT	KSXĐ	A	06/2008	7.23	25/15 Trần Quý, P4, Q11, TP Hồ Chí Minh
402	Vũ Như Định	12/03/1980		Cán bộ	KSXĐ	A	06/2008	7.23	273/83, Nguyễn Văn Đậu, P11, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
403	Trần Đỗ Triệu Duy	30/10/1974		Cán bộ	KTS	A	06/2008	7.23	45/315 B2 Phan Huy Ích, P12, Q.Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
404	Hoàng Thị Quỳnh Phương		03/07/1981	Cán bộ	Trung cấp Kế toán	A	06/2008	7.23	7.2 Chung cư 159 Điện Biên Phủ, P15, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
405	Bùi Đăng Sam	26/07/1977		Cán bộ	Lái xe	A	06/2008	7.23	58/1/3 Phan Văn Trị, P10, Q.Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
406	Nguyễn Huy Chiến	29/03/1979		Cán bộ	TC, Kế toán	A	06/2008	7.23	685/45/1A1 khu phố 10 đường Nguyễn Ảnh Thủ,P.Tân Hiệp Chánh, Q12, HCM
407	Nguyễn Thị Bích Hậu		20/05/1985	Cán bộ	Trung cấp	A	06/2008	7.23	155 Phan Huy Chú, Khánh Xuân, Buôn Ma Thuật, Đaklak
408	Trần Xuân Ánh	29/09/1978		Cán bộ	KS ĐIỆN	A	11/2010	4.81	50/05 đường Trần Hoàng Na, Hưng Lợi, Ninh Kiều, TP Cần Thơ
409	Trịnh Ngọc Hùng	30/12/1975		Cán bộ	KTS	A	06/2012	3.23	394 Cách mạng tháng 8, phường 4, quận Tân Bình, HCM
410	Trần Sơn Hải	08/03/1980		Cán bộ	KSXĐ	B	05/2011	4.32	13/38 Đốc Binh Kiều, Khóm 4, Thị Trấn Mộc Hóa, Long An
411	Bùi Xuân Vũ	05/11/1959		Cán bộ	KTS	B	05/2011	4.32	176/1, Đường Nơ Trang Long, Phường 12, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
412	Châu Ngọc Niêm		16/06/1983	Cán bộ	KSXĐ	B	05/2013	2.32	325/23 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
413	Nguyễn Định Khương	29/06/1990		Cán bộ		B	01/2015	0.65	3/6 Nguyễn Trọng Dân, Phường 3, Thị xã Gò Công, Tiền Giang

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

DANH SÁCH LAO ĐỘNG SẼ CHUYÊN SANG LÀM VIỆC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 25/08/2015

TỔNG CÔNG TY TVXD VIỆT NAM

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
A	Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động						
1	Nguyễn Thị Duyên	1		06/09/1959	HDQT	33 năm 3 tháng	
2	Đặng Kim Khôi	2	08/07/1958		HDQT	33 năm 11 tháng	
3	Nguyễn Thị Tố Trinh	3		30/06/1970	HDQT	24 năm 11 tháng	
4	Cung Lan Khanh	4		30/10/1968	Tổ trường KSV	26 năm 8 tháng	
5	Nguyễn Ngọc Dũng	5	10/04/1957		Ban TGD	32 năm 6 tháng	
6	Trần Bình Trọng	6	21/10/1961		HDQT - Ban TGD	31 năm 4 tháng	
7	Nguyễn Huy Khanh	7	18/11/1971		Ban TGD	21 năm 1 tháng	
8	Thân Hồng Linh	8	24/08/1965		HDQT - Ban TGD	20 năm 8 tháng	
9	Nguyễn Lâm Cường	9	03/01/1970		Ban TGD	22 năm 12 tháng	
10	Nguyễn Thị Đoàn Trang	10		25/06/1974	KSV	16 năm 5 tháng	
B	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động						
I	Phòng Kế hoạch đầu tư						
11	Nguyễn Bá Minh	11	14/01/1972		Phòng KHĐT	19 năm 11 tháng	
12	Nguyễn Văn Tiến	12	22/09/1973		Phòng KHĐT	17 năm 6 tháng	
13	Phạm Hồng Minh	13		08/01/1978	Phòng KHĐT	13 năm 9 tháng	
14	Nguyễn Văn Phúc	14	10/04/1974		Phòng KHĐT	13 năm 4 tháng	
15	Trần Hoàng Khánh	15	20/09/1961		Phòng KHĐT	29 năm 10 tháng	
16	Đào Thị Tuyết Thanh	16		12/05/1972	Phòng KHĐT	17 năm 6 tháng	
17	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17		31/01/1972	Phòng KHĐT	17 năm 10 tháng	
18	Trần Trọng Hùng	18	13/09/1977		Phòng KHĐT	13 năm 1 tháng	
19	Đinh Thị Thủy	19		08/12/1988	Phòng KHĐT	5 năm 9 tháng	
20	Nguyễn Thu Thủy	20		23/12/1980	Phòng KHĐT	11 năm 4 tháng	
21	Nguyễn Thị Thảo	21		10/09/1982	Phòng KHĐT	6 năm 8 tháng	
22	Hoàng Thị Thủy	22		04/11/1984	Phòng KHĐT	7 năm 1 tháng	
23	Ngô Thánh Trung	23	09/01/1986		Phòng KHĐT	5 năm 11 tháng	
24	Lê Minh Tuấn	24	20/04/1984		Phòng KHĐT	5 năm 11 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
77	Hồ Văn Thắng	77	12/05/1984		Phòng KHĐT	5 năm 11 tháng	
25	Nguyễn Nhật Mai	25		04/03/1984	Phòng KHĐT	7 năm 8 tháng	
26	Vũ Duy Hùng	26	11/12/1987		Phòng KHĐT	3 năm 12 tháng	
27	Trịnh Thị Minh Châu	27		04/04/1988	Phòng KHĐT	3 năm 9 tháng	
28	Nguyễn Hữu Toàn	28	05/08/1989		Phòng KHĐT	2 năm 9 tháng	
30	Trần Đức Long	30	20/04/1981		Phòng KHĐT	12 tháng	
31	Trịnh Thị Vân	31		14/08/1974	Phòng KHĐT	5 tháng	
32	Nguyễn Nhật Lệ	32	29/05/1974		Phòng KHĐT	4 tháng	
II Văn phòng Tổng công ty							
33	Đỗ Ngọc Liên	33		04/12/1977	Văn phòng TCT	15 năm 3 tháng	
34	Lê Nguyễn Vinh	34	11/07/1983		Văn phòng TCT	7 năm 6 tháng	
35	Đỗ Thị Thanh Hoa	35		09/11/1978	Văn phòng TCT	11 năm 4 tháng	
36	Đặng Hoài Phương	36		05/03/1983	Văn phòng TCT	7 năm 6 tháng	
37	Đông Công Giáp	37	11/01/1972		Văn phòng TCT	17 năm 6 tháng	
38	Lê Thị Hương	38		02/10/1985	Văn phòng TCT	7 năm 12 tháng	
39	Nguyễn Châu Giang	39		05/05/1981	Văn phòng TCT	5 năm 1 tháng	
40	Trương Văn Cường	40	03/06/1958		Văn phòng TCT	18 năm 1 tháng	
41	Dương Quang Thành	41	04/10/1977		Văn phòng TCT	8 năm 8 tháng	
42	Nguyễn Quốc Anh	42	09/07/1972		Văn phòng TCT	4 năm 10 tháng	
43	Nguyễn Phương Đông	43	18/01/1984		Văn phòng TCT	3 năm 12 tháng	
44	Đinh Thanh Quang	44	29/11/1967		Văn phòng TCT	15 năm 8 tháng	
45	Nguyễn Thị Thu	45		31/01/1979	Văn phòng TCT	16 năm 6 tháng	
46	Nguyễn Thị Thu Vân	46			Văn phòng TCT	4 năm 3 tháng	
47	Trần Trọng Đông	47	10/25/1946		Văn phòng TCT	10 tháng	
48	Cù Xuân Kinh	48	8/12/1952		Văn phòng TCT	1 tháng	
III Phòng Tổ chức và Phát triển nguồn nhân lực							
49	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	49		31/03/1973	Phòng TC&PTNNL	21 năm 3 tháng	
50	Đào Thu Thủy	50		16/12/1974	Phòng TC&PTNNL	18 năm 5 tháng	
51	Nguyễn Công Trung	51	07/09/1981		Phòng TC&PTNNL	2 năm 3 tháng	
52	Ngô Ngọc Hải	52	17/03/1981		Phòng TC&PTNNL	9 năm 8 tháng	
IV Phòng Tài chính Kế toán							
53	Phạm Vũ Thành	53	25/12/1972		Phòng TCKT	3 năm 8 tháng	
54	Đàm Thị Hải Yến	54		05/01/1973	Phòng TCKT	21 năm 9 tháng	
55	Nguyễn Thị Thu Hà	55		04/10/1960	Phòng TCKT	34 năm 7 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
56	Lê Thị Thu	56		18/08/1961	Phòng TCKT	33 năm 1 tháng	
57	Nguyễn Đình Thắng	57	20/06/1973		Phòng TCKT	18 năm 1 tháng	
58	Phạm Diễm Ngọc	58		25/09/1983	Phòng TCKT	7 năm 7 tháng	
59	Trịnh Tuấn Anh	59	13/06/1985		Phòng TCKT	5 năm 7 tháng	
60	Nguyễn Thanh Dung	60		5/10/1982	Phòng TCKT	12 năm 7 tháng	
V	Văn phòng Kiến trúc 1						
61	Trần Đức Toàn	61	03/03/1973		VP KTI	19 năm 1 tháng	
62	Lê Huy	62	09/11/1973		VP KTI	19 năm 11 tháng	
63	Nguyễn Quý Phong	63	13/01/1975		VP KTI	17 năm 11 tháng	
64	Phạm Thị Quỳnh Lan	64		26/04/1971	VP KTI	18 năm 1 tháng	
65	Nguyễn Quang Anh	65	29/11/1978		VP KTI	12 năm 8 tháng	
66	Đào Thị Việt Hà	66		21/08/1980	VP KTI	7 năm 4 tháng	
67	Nguyễn Anh Tuyền	67	02/11/1984		VP KTI	7 năm 8 tháng	
68	Nguyễn Khánh Ly	68		14/09/1985	VP KTI	4 năm 8 tháng	
69	Lê Quang Trung	69	22/05/1983		VP KTI	7 năm 9 tháng	
70	Lưu Tiến Thành	70	26/06/1987		VP KTI	3 năm 12 tháng	
71	Quách Thế Anh	71	31/03/1987		VP KTI	3 năm 12 tháng	
72	Đậu Thị Hương	72		18/10/1985	VP KTI	3 năm 12 tháng	
73	Lê Anh Vũ	73	17/03/1986		VP KTI	3 năm 12 tháng	
74	Lê Minh Hiếu	74	17/10/1989		VP KTI	2 năm 9 tháng	
75	Bùi Thị Tươi	75		11/03/1988	VP KTI	2 năm 9 tháng	
76	Mai Quỳnh Phương	76		01/01/1987	VP KTI	1 năm 8 tháng	
77	Hồ Văn Thắng	77	12/05/1984		VP KTI	5 năm 11 tháng	
78	Trần Thanh Sơn	78	22/07/1978		VP KTI	11 tháng	
79	Nguyễn Văn Chuyên	79	10/08/1988		VP KTI	11 tháng	
80	Nguyễn Thị Du	80		10/11/1988	VP KTI	11 tháng	
81	Đặng Hải Bình	81	15/03/1977		VP KTI	8 tháng	
VI	Văn phòng Quy hoạch Hạ tầng						
82	Đoàn Đức Phi	82	07/11/1978		VP QHHT	8 năm 5 tháng	
83	Đoàn Thị Thanh Hải	83		01/02/1980	VP QHHT	11 năm 5 tháng	
84	Trương Đức Dũng	84	21/01/1980		VP QHHT	11 năm 5 tháng	
85	Nguyễn Thị Thi	85		21/05/1977	VP QHHT	7 năm 5 tháng	
86	Phan Thị Khúc Vũ	86		24/01/1983	VP QHHT	8 năm 5 tháng	
87	Trần Xuân Việt	87	08/09/1979		VP QHHT	10 năm 8 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
88	Chu Thị Chi	88		10/04/1982	VP QHHT	9 năm 8 tháng	
89	Nguyễn Thị Thanh Trà	89		28/02/1975	VP QHHT	17 năm 11 tháng	
90	Hà Thị Nga	90		26/01/1983	VP QHHT	5 năm 11 tháng	
91	Nguyễn Tường Linh	91		05/04/1985	VP QHHT	5 năm 11 tháng	
92	Vũ Minh Hiền	92		23/10/1983	VP QHHT	10 năm 10 tháng	
93	Nguyễn Thị Châu Loan	93		27/07/1985	VP QHHT	4 năm 10 tháng	
94	Lê Quang Minh	94	16/08/1984		VP QHHT	6 năm 2 tháng	
95	Trịnh Thị Minh Hiền	95		03/11/1988	VP QHHT	3 năm 12 tháng	
96	Vũ Hồng Anh	96		30/11/1988	VP QHHT	3 năm 12 tháng	
97	Vương Tri Hùng	97	19/09/1986		VP QHHT	3 năm 12 tháng	
98	Hoàng Thế Hòa	98	25/06/1985		VP QHHT	11 tháng	
99	Nguyễn Thanh Hùng	99	26/05/1989		VP QHHT	11 tháng	
100	Lê Hoàng Long	100	02/10/1989		VP QHHT	8 tháng	
101	Nguyễn Thị Hương	101		15/10/1991	VP QHHT	11 tháng	
102	Nguyễn Quốc Khánh	102	01/09/1991	15/10/1991	VP QHHT	11 tháng	
VII	Vấn phòng Kiến trúc 3						
103	Nguyễn Tuấn Ngọc	103	24/01/1979		VP KT3	12 năm 12 tháng	
104	Trần Thái Bình	104	24/10/1973		VP KT3	19 năm 7 tháng	
105	Vũ Nhật Quang	105	10/11/1976		VP KT3	12 năm 8 tháng	
106	Phạm Duy Tuấn	106	23/10/1981		VP KT3	8 năm 3 tháng	
107	Nguyễn Thị Thu	107		08/10/1977	VP KT3	12 năm 8 tháng	
108	Trần Phương Lan	108		06/06/1980	VP KT3	11 năm 5 tháng	
109	Bùi Quang Chính	109	27/12/1981		VP KT3	8 năm 5 tháng	
110	Nguyễn Thị Hồng Minh	110		16/06/1979	VP KT3	12 năm 8 tháng	
111	Nguyễn Cát Tùng	111	11/10/1985		VP KT3	2 năm 11 tháng	
112	Nguyễn Thị Thùy Dương	112		05/01/1988	VP KT3	3 năm 12 tháng	
113	Nguyễn Hoàng Anh	113		22/09/1989	VP KT3	1 năm 8 tháng	
114	Nguyễn Đức Anh	114	18/11/1990		VP KT3	1 năm 8 tháng	
115	Lại Thị Phương Anh	115		27/02/1987	VP KT3	1 năm 5 tháng	
116	Nguyễn Tuấn Anh	116	24/6/1989		VP KT3	0 năm 11 tháng	
117	Nguyễn Thị Long	117		10/03/1990	VP KT3	11 tháng	
118	Đỗ Huy Hoàng	118	28/11/1990		VP KT3	11 tháng	
119	Ngô Thế Quân	119	26/10/1990		VP KT3	11 tháng	
120	Trần Hoàng San	120	03/04/1981		VP KT3	11 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>VIII Văn phòng Kiến trúc 4</b>							
121	Dương Thị Thanh Vân	121		21/12/1970	VP KT4	19 năm 11 tháng	
122	Nguyễn Trường Linh	122	06/09/1978		VP KT4	12 năm 8 tháng	
123	Trần Quang Huy	123	09/11/1978		VP KT4	12 năm 8 tháng	
124	Hoàng Thị Quỳnh Ngọc	124		19/12/1974	VP KT4	15 năm 5 tháng	
125	Phạm Thị Hiền	125		08/10/1974	VP KT4	18 năm 4 tháng	
126	Nguyễn Thị Lan Oanh	126		13/08/1975	VP KT4	17 năm 10 tháng	
127	Trần Thị Hồng Khuyến	127		02/07/1979	VP KT4	12 năm 8 tháng	
128	Nguyễn Minh Hiếu	128	20/08/1982		VP KT4	7 năm 12 tháng	
129	Đào Thế Sơn	129	21/05/1984		VP KT4	7 năm 1 tháng	
130	Trần Mạnh Long	130	22/12/1983		VP KT4	8 năm 1 tháng	
131	Vũ Thị Hiền	131		26/08/1982	VP KT4	2 năm 11 tháng	
132	Nguyễn Lưu Sơn	132	28/2/1986		VP KT4	4 năm 10 tháng	
133	Hoàng Nghĩa Hà	133	13/06/1984		VP KT4	4 năm 10 tháng	
134	Lê Thị Nga	134		20/04/1987	VP KT4	3 năm 12 tháng	
135	Phan Tiến Hậu	135	21/01/1988		VP KT4	3 năm 11 tháng	
136	Hoàng Anh Tuấn	136	23/10/1988		VP KT4	3 năm 9 tháng	
137	Nguyễn Đức Trung	137	04/12/1989		VP KT4	2 năm 9 tháng	
138	Nguyễn Minh Trung	138	28/08/1984		VP KT4	8 tháng	
139	Phạm Văn Thọ	139	12/05/1990		VP KT4	8 tháng	
140	Nguyễn Văn Tiến	140	22/04/1948		VP KT4	4 tháng	
<b>IX Văn phòng Kiến trúc 5</b>							
141	Lê Trường Sơn	141	13/12/1970		VP KT5	20 năm 10 tháng	
142	Bùi Quốc Dũng	142	03/02/1962		VP KT5	24 năm 6 tháng	
143	Hà Đức Hương	143	14/07/1973		VP KT5	20 năm 1 tháng	
144	Trần Thị Lan Phương	144		17/10/1968	VP KT5	24 năm 4 tháng	
145	Ngô Thu Hà	145		22/09/1972	VP KT5	19 năm 4 tháng	
146	Nguyễn Đức Hiệp	146	18/05/1978		VP KT5	13 năm 9 tháng	
147	Nguyễn Đức Tuấn	147	24/02/1978		VP KT5	12 năm 8 tháng	
148	Lê Xuân Hoàng	148	15/10/1977		VP KT5	12 năm 8 tháng	
149	Đào Văn Sơn	149	02/10/1978		VP KT5	11 năm 5 tháng	
150	Nguyễn Văn Tiến Thành	150	05/05/1982		VP KT5	7 năm 4 tháng	
151	Đặng Thị Việt Anh	151		22/08/1972	VP KT5	20 năm 5 tháng	
152	Trần Thanh Nhân	152		23/04/1985	VP KT5	7 năm 1 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp có phân hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
153	Trần Tuấn Anh	153	26/03/1985		VP KT5	7 năm 1 tháng	
154	Đỗ Ngọc Lâm	154	29/08/1984		VP KT5	7 năm 1 tháng	
155	Trần Hà Thái	155	21/05/1984		VP KT5	5 năm 11 tháng	
156	Nguyễn Bảo Thái	156	19/11/1985		VP KT5	4 năm 2 tháng	
157	Nguyễn Mạnh Vương	157	13/08/1987		VP KT5	3 năm 12 tháng	
158	Nghiêm Thanh Đức	158	05/10/1987		VP KT5	3 năm 11 tháng	
159	Nguyễn Thị Nhài	159	30/11/1988		VP KT5	2 năm 9 tháng	
160	Nguyễn Cường	160	08/08/1984		VP KT5	2 năm 5 tháng	
161	Nguyễn Trung Kiên	161	08/03/1986		VP KT5	2 năm 1 tháng	
162	Phạm Thị Vân	162		20/12/1990	VP KT6	11 tháng	
163	Nguyễn Thị Liên	163		08/08/1956	VP KT5	12 tháng	
X	Văn phòng Dự án						
164	Vũ Hồng Thủy	164	27/10/1957		VP DA	35 năm 3 tháng	
165	Bùi Huy Hoàng	165	14/02/1974		VP DA	19 năm 5 tháng	
166	Vũ Ngọc Văn	166	01/01/1958		VP DA	35 năm 8 tháng	
167	Nguyễn Mạc Hà	167	23/12/1960		VP DA	29 năm 10 tháng	
168	Ngô Thị Vân	168		14/02/1969	VP DA	23 năm 1 tháng	
169	Trịnh Thu Hà	169		04/03/1971	VP DA	19 năm 10 tháng	
170	Đặng Thị Kim Xuân	170		26/10/1976	VP DA	14 năm 8 tháng	
171	Phạm Minh Đức	171	25/04/1982		VP DA	9 năm 8 tháng	
172	Doãn Thị Vân	172		06/03/1983	VP DA	8 năm 5 tháng	
173	Cung Tố Chi	173		26/11/1974	VP DA	18 năm 8 tháng	
174	Nguyễn Quỳnh Nga	174		31/08/1976	VP DA	12 năm 8 tháng	
175	Phạm Thị Thủy Hà	175		06/12/1981	VP DA	7 năm 8 tháng	
176	Lê Thị Lành	176		04/07/1984	VP DA	7 năm 1 tháng	
177	Lê Thủy Thanh Liêm	177	23/09/1984		VP DA	6 năm 9 tháng	
178	Nguyễn Hoàng My	178		29/12/1978	VP DA	4 năm 2 tháng	
179	Dương Văn Minh	179	11/09/1986		VP DA	3 năm 12 tháng	
180	Vũ Thị Lê Vân	180		29/06/1988	VP DA	3 năm 12 tháng	
181	Nguyễn Hữu Vĩnh Lý	181	09/10/1987		VP DA	3 năm 12 tháng	
182	Nguyễn Mạnh Tuấn	182	10/12/1988		VP DA	3 năm 9 tháng	
XI	Văn phòng Kết cấu 1						
183	Phạm Hữu Trí Dục	183	19/10/1958		VP KCI	31 năm 8 tháng	
184	Lương Tuấn Cường	184	14/07/1959		VP KCI	31 năm 6 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
185	Nguyễn Thanh Hải	185	10/06/1978		VP KCI	12 năm 8 tháng	
186	Nguyễn Khắc Tâm	186	01/01/1980		VP KCI	11 năm 8 tháng	
187	Cao Thị Thủy	187		20/04/1963	VP KCI	29 năm 9 tháng	
188	Đỗ Văn Bình	188	03/06/1958		VP KCI	34 năm 9 tháng	
189	Nguyễn Thị Bích Hạnh	189		05/08/1960	VP KCI	36 năm 1 tháng	
190	Nghiêm Trung Hùng	190	09/02/1981		VP KCI	8 năm 5 tháng	
191	Đặng Thanh Thủy	191		29/05/1966	VP KCI	28 năm 5 tháng	
192	Nguyễn Quốc Khánh	192	02/09/1984		VP KCI	7 năm 8 tháng	
193	Nguyễn Quốc Khánh	193	21/08/1984		VP KCI	7 năm 8 tháng	
194	Nguyễn Trung Đức	194	07/11/1985		VP KCI	5 năm 8 tháng	
195	Nguyễn Việt Hưng	195	13/11/1983		VP KCI	9 năm 2 tháng	
196	Đỗ Tuấn Thi	196	16/07/1985		VP KCI	7 năm 8 tháng	
197	Nguyễn Ngọc Anh	197	13/10/1988		VP KCI	3 năm 12 tháng	
198	Nguyễn Ngọc Đức	198	01/01/1987		VP KCI	3 năm 12 tháng	
199	Lê Kim Ngân	199	03/06/1984		VP KCI	3 năm 12 tháng	
200	Nguyễn Anh Thái	200	28/04/1988		VP KCI	3 năm 9 tháng	
201	Phạm Ngọc Thanh	201	09/02/1988		VP KCI	11 tháng	
202	Võ Như Hiền	202	22/05/1988		VP KCI	11 tháng	
XII Văn phòng Kết cấu 2							
203	Nguyễn Xuân Hải	203	19/09/1971		VP KC2	21 năm 2 tháng	
204	Trương Đức Huỳnh	204	10/08/1958		VP KC2	32 năm 8 tháng	
205	Hoàng Anh Tùng	205	03/04/1978		VP KC2	10 năm 11 tháng	
206	Bùi Xuân Phước	206	05/05/1980		VP KC2	11 năm 8 tháng	
207	Trương Diệp Anh	207		09/01/1963	VP KC2	27 năm 4 tháng	
208	Nguyễn Thị Bạch Nga	208		13/01/1972	VP KC2	21 năm 1 tháng	
209	Dương Thái Diệu Linh	209		31/08/1973	VP KC2	20 năm 8 tháng	
210	Trịnh Thị Mai	210	04/03/1977		VP KC2	13 năm 9 tháng	
211	Đường Tấn Lương	211	21/03/1980		VP KC2	11 năm 8 tháng	
212	Nguyễn Thị Huệ	212	23/12/1983		VP KC2	8 năm 2 tháng	
213	Cao Thế Hưng	213	12/02/1982		VP KC2	9 năm 8 tháng	
214	Nguyễn Thủy Linh	214	03/11/1976		VP KC2	15 năm 7 tháng	
215	Nguyễn Đình Thức	215	24/04/1982		VP KC2	9 năm 8 tháng	
216	Ngô Minh Tuấn	216	21/10/1984		VP KC2	7 năm 3 tháng	
217	Đỗ Trần Phương	217	11/12/1983		VP KC2	7 năm 3 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	I	2	3	4	5	6
218	Trần Xuân Hùng	218	16/10/1984		VP KC2	6 năm 11 tháng	
219	Trần Tiến Định	219	11/09/1986		VP KC2	5 năm 11 tháng	
220	Trần Thủy Hằng	220	31/12/1986		VP KC2	5 năm 8 tháng	
221	Trịnh Hoàng Hương	221	05/05/1987		VP KC2	4 năm 8 tháng	
222	Đỗ Quang Hưng	222	07/09/1982		VP KC2	4 năm 8 tháng	
223	Ngô Văn Giang	223	19/10/1985		VP KC2	3 năm 12 tháng	
224	Phạm Mạnh Tùng	224	25/12/1987		VP KC2	3 năm 12 tháng	
225	Hoàng Hữu Hiếu	225	06/01/1988		VP KC2	3 năm 12 tháng	
226	Hoàng Hà	226	01/10/1987		VP KC2	3 năm 12 tháng	
227	Vũ Văn Tiến	227	19/09/1984		VP KC2	3 năm 12 tháng	
228	Đỗ Trần Cương	228	28/10/1989		VP KC2	8 tháng	
229	Phạm Văn Toàn	229	10/05/1991		VP KC2	11 tháng	
230	Nguyễn Ngọc Thắng	230	28/03/1991		VP KC2	11 tháng	
231	Lê Tiến Nghĩa	231	26/08/1991		VP KC2	11 tháng	
<b>XIII Văn phòng Kết cấu 3</b>							
232	Đặng Quyết Thắng	232	09/06/1977		VP KC3	13 năm 2 tháng	
233	Lê Văn Quyết	233	14/11/1956		VP KC3	35 năm 3 tháng	
234	Phạm Quang Trung	234	26/06/1976		VP KC3	13 năm 9 tháng	
235	Trần Quế Hương	235		03/09/1960	VP KC3	32 năm 7 tháng	
236	Lưu Khánh Hằng	236		17/09/1960	VP KC3	36 năm 1 tháng	
237	Kiều Thị Diễm	237		07/07/1966	VP KC3	28 năm 7 tháng	
238	Lương Thị Phương Anh	238		29/06/1973	VP KC3	18 năm 8 tháng	
239	Đặng Phương Anh	239		03/04/1974	VP KC3	18 năm 8 tháng	
240	Nguyễn Thị Thu Hà	240		26/06/1975	VP KC3	16 năm 3 tháng	
241	Nguyễn Hoàng Oanh	241		08/09/1975	VP KC3	18 năm 8 tháng	
242	Ngô Thị Thu Trang	242		08/10/1978	VP KC3	12 năm 8 tháng	
243	Nguyễn Xuân Tài	243	23/06/1978		VP KC3	12 năm 8 tháng	
244	Lê Thị Ngọc Liên	244		16/07/1961	VP KC3	32 năm 8 tháng	
245	Nguyễn Minh Tuấn	245	01/08/1983		VP KC3	8 năm 8 tháng	
246	Nguyễn Tiến Quyết	246	03/11/1985		VP KC3	7 năm 5 tháng	
247	Tăng Hữu Quân	247	24/08/1985		VP KC3	7 năm 1 tháng	
248	Vũ Thị Thu Nga	248		19/08/1985	VP KC3	6 năm 11 tháng	
249	Phạm Thị Huệ Chi	249		09/09/1983	VP KC3	5 năm 8 tháng	
250	Vũ Mạnh Tuấn	250	01/12/1984		VP KC3	7 năm 8 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	I	2	3	4	5	6
251	Trần Bá Tiến	251	25/05/1987		VP KC3	4 năm 8 tháng	
252	Dương Đình Quế	252	20/11/1985		VP KC3	4 năm 8 tháng	
253	Đỗ Cao Nguyên	253	25/10/1988		VP KC3	3 năm 12 tháng	
254	Nguyễn Ngọc Thìn	254	17/05/1988		VP KC3	3 năm 12 tháng	
255	Lê Minh Đức	255	12/09/1988		VP KC3	3 năm 12 tháng	
256	Đặng Xuân Dương	256	14/01/1991		VP KC3	11 tháng	
257	Phạm Kế Luyện	257	24/04/1990		VP KC3	11 tháng	
258	Mai Văn Bắc	258	06/12/1989		VP KC3	11 tháng	
<b>XIV Văn phòng Cơ điện - Nước - Môi trường</b>							
259	Đặng Thanh Hải	259	18/12/1979		VP MEP	12 năm 8 tháng	
260	Phạm Thế Hùng	260	11/08/1975		VP MEP	16 năm 6 tháng	
261	Nguyễn Duy Thành	261	25/03/1970		VP MEP	12 năm 8 tháng	
262	Ngô Hoài An	262		17/07/1980	VP MEP	10 năm 11 tháng	
263	Khâu Thanh Tùng	263	09/10/1980		VP MEP	10 năm 5 tháng	
264	Tương Phi Hà	264	03/10/1977		VP MEP	13 năm 5 tháng	
265	Ngô Linh Ngọc	265	20/07/1979		VP MEP	12 năm 8 tháng	
266	Phạm Thanh Bình	266	24/01/1981		VP MEP	11 năm 5 tháng	
267	Nguyễn Ngọc Thủy	267	15/12/1982		VP MEP	6 năm 8 tháng	
268	Đào Văn Trung	268	18/07/1980		VP MEP	8 năm 5 tháng	
269	Nguyễn Hoàng Thi	269	29/06/1976		VP MEP	9 năm 8 tháng	
270	Trần Thị Dung	270		07/09/1984	VP MEP	8 năm 5 tháng	
271	Đinh Văn Quyết	271	29/01/1984		VP MEP	9 năm 8 tháng	
272	Nguyễn Thị Minh Tuyết	272		26/01/1973	VP MEP	19 năm 6 tháng	
273	Nguyễn Văn Trung	273	11/01/1984		VP MEP	7 năm 5 tháng	
274	Ngô Văn Chuyên	274	04/04/1982		VP MEP	7 năm 5 tháng	
275	Đỗ Xuân Bình	275	16/09/1985		VP MEP	7 năm 1 tháng	
276	Nguyễn Thị Kim Huệ	276		04/08/1983	VP MEP	6 năm 11 tháng	
277	Nguyễn Bá Canh	277	05/10/1957		VP MEP	35 năm 6 tháng	
278	Trần Thị Kiều Diễm	278		25/09/1978	VP MEP	12 năm 8 tháng	
279	Trịnh Đức Tiến	279	19/09/1980		VP MEP	11 năm 5 tháng	
280	Vũ Thị Liên	280		23/04/1982	VP MEP	9 năm 8 tháng	
281	Đặng Văn Tiến	281	10/08/1982		VP MEP	7 năm 5 tháng	
282	Lê Quang Thanh	282	11/09/1983		VP MEP	7 năm 12 tháng	
283	Văn Đức Mạnh	283	01/09/1983		VP MEP	#REF!	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	1	2	3	4	5	6
284	Đặng Việt Bằng	284	14/10/1982		VP MEP	5 năm 11 tháng	
285	Đoàn Văn Quyền	285	01/12/1984		VP MEP	5 năm 8 tháng	
286	Nguyễn Thế Tùng	286	11/05/1986		VP MEP	5 năm 8 tháng	
287	Ngô Quang Cường	287	20/11/1988		VP MEP	5 năm 6 tháng	
288	Nguyễn Ngọc Dũng	288	16/11/1981		VP MEP	3 năm 12 tháng	
289	Đổng Thị Thật	289		16/05/1987	VP MEP	3 năm 12 tháng	
290	Nguyễn Văn Anh	290		13/02/1987	VP MEP	3 năm 12 tháng	
291	Đỗ Thị Ái	291		09/08/1987	VP MEP	3 năm 12 tháng	
292	Đặng Thanh Sơn	292	10/10/1987		VP MEP	2 năm 8 tháng	
293	Phạm Thị Lan Anh	293		29/07/1988	VP MEP	1 năm 5 tháng	
294	Nguyễn Duy Hiền	294	01/07/1987		VP MEP	0 năm 9 tháng	
295	Nguyễn Thị Vân Thảo	295		11/09/1991	VP MEP	9 tháng	
296	Nguyễn Mai Anh	296		20/05/1991	VP MEP	9 tháng	
XV	Xí nghiệp Khảo sát và Kiểm định chất lượng xây dựng						
297	Trương Tam Quyết	297	04/10/1961		XN KS&KĐCLXD	30 năm 6 tháng	
298	Vũ Thái Dũng	298	03/06/1957		XN KS&KĐCLXD	35 năm 3 tháng	
299	Nguyễn Ngọc Vinh	299	06/02/1970		XN KS&KĐCLXD	18 năm 8 tháng	
300	Vương Hoàng Nam	300	06/04/1970		XN KS&KĐCLXD	18 năm 8 tháng	
301	Đặng Mạnh Hùng	301	28/03/1964		XN KS&KĐCLXD	26 năm 11 tháng	
302	Vũ Đông	302	09/01/1959		XN KS&KĐCLXD	18 năm 8 tháng	
303	Nguyễn Xuân Thiện	303	30/07/1968		XN KS&KĐCLXD	26 năm 8 tháng	
304	Nguyễn Xuân Tinh	304	05/08/1979		XN KS&KĐCLXD	12 năm 8 tháng	
305	Trần Thị Lan Hương	305		10/05/1980	XN KS&KĐCLXD	10 năm 5 tháng	
306	Nguyễn Đình Cường	306	12/02/1981		XN KS&KĐCLXD	9 năm 8 tháng	
307	Lê Minh Tân	307	19/01/1977		XN KS&KĐCLXD	9 năm 8 tháng	
308	Phạm Thị Diệu Hương	308		20/07/1973	XN KS&KĐCLXD	18 năm 8 tháng	
309	Nguyễn Thị Thu Thủy	309		25/11/1978	XN KS&KĐCLXD	7 năm 8 tháng	
310	Nguyễn Văn Phúc	310	06/10/1963		XN KS&KĐCLXD	15 năm 1 tháng	
311	Võ Trung Việt	311	03/06/1963		XN KS&KĐCLXD	15 năm 1 tháng	
312	Nguyễn Xuân Anh	312	13/08/1969		XN KS&KĐCLXD	16 năm 7 tháng	
313	Trương Phi Quý	313	07/07/1973		XN KS&KĐCLXD	16 năm 7 tháng	
314	Đỗ Duy Đoàn	314	13/09/1974		XN KS&KĐCLXD	13 năm 8 tháng	
315	Nguyễn Hữu Chính	315	01/05/1966		XN KS&KĐCLXD	13 năm 8 tháng	
316	Nguyễn Anh Dũng	316	08/12/1965		XN KS&KĐCLXD	13 năm 8 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	I	2	3	4	5	6
317	Đặng Văn Hoà	317	26/04/1972		XN KS&KĐCXLXD	16 năm 7 tháng	
318	Lê Lâm Ân	318	20/02/1972		XN KS&KĐCXLXD	11 năm 6 tháng	
319	Trần Thanh Tùng	319	01/05/1986		XN KS&KĐCXLXD	5 năm 8 tháng	
320	Nguyễn Văn Thắng	320	13/10/1981		XN KS&KĐCXLXD	5 năm 8 tháng	
321	Đinh Quang Trung	321	27/10/1987		XN KS&KĐCXLXD	4 năm 8 tháng	
322	Nguyễn Mạnh Hùng	322	09/01/1969		XN KS&KĐCXLXD	4 năm 8 tháng	
323	Lê Thị Hồng Linh	323		09/10/1986	XN KS&KĐCXLXD	3 năm 12 tháng	
324	Trần Văn Thắng	324	20/09/1987		XN KS&KĐCXLXD	3 năm 12 tháng	
325	Hồ Thị Thanh	325		23/03/1986	XN KS&KĐCXLXD	2 năm 9 tháng	
326	Nguyễn Ngọc Duy	326	29/07/1991		XN KS&KĐCXLXD	11 tháng	
<b>XVI Chỉ nhánh Tư vấn giám sát và Quản lý dự án VNCC</b>							
327	Nguyễn Anh Tuấn	327	10/10/1974		CN TVGS&QLDA	19 năm 1 tháng	
328	Đinh Việt Hưng	328	16/08/1975		CN TVGS&QLDA	18 năm 1 tháng	
329	Lê Anh Dũng	329	10/07/1977		CN TVGS&QLDA	14 năm 4 tháng	
330	Nguyễn Thanh Tùng	330	01/01/1957		CN TVGS&QLDA	35 năm 4 tháng	
331	Đoàn Tuấn Nhã	331	01/11/1955		CN TVGS&QLDA	36 năm 8 tháng	
332	Nguyễn Tiến Dũng	332	26/05/1960		CN TVGS&QLDA	29 năm 5 tháng	
333	Nguyễn Lương Hoà	333	20/04/1958		CN TVGS&QLDA	35 năm 11 tháng	
334	Hoàng Hải Ninh	334	01/11/1960		CN TVGS&QLDA	9 năm 5 tháng	
335	Phạm Hồng Minh	335	12/02/1970		CN TVGS&QLDA	20 năm 12 tháng	
336	Lê Quốc Anh	336	19/09/1968		CN TVGS&QLDA	14 năm 8 tháng	
337	Bạch Đăng Sơn	337	26/12/1973		CN TVGS&QLDA	19 năm 2 tháng	
338	Lê Sĩ Quế	338	26/05/1970		CN TVGS&QLDA	15 năm 11 tháng	
339	Đào Việt Hưng	339	03/05/1974		CN TVGS&QLDA	9 năm 5 tháng	
340	Nguyễn Đức Thiện	340	11/02/1980		CN TVGS&QLDA	9 năm 3 tháng	
341	Đinh Văn Hạo	341	24/12/1978		CN TVGS&QLDA	11 năm 8 tháng	
342	Phạm Văn Quỳnh	342	18/04/1975		CN TVGS&QLDA	8 năm 5 tháng	
343	Nguyễn Học Trí Dũng	343	27/07/1978		CN TVGS&QLDA	10 năm 8 tháng	
344	Lưu Văn Thiện	344	25/04/1974		CN TVGS&QLDA	9 năm 8 tháng	
345	Tổng Trung Kiên	345	03/10/1977		CN TVGS&QLDA	8 năm 2 tháng	
346	Triệu Văn Hoàn	346	15/05/1975		CN TVGS&QLDA	10 năm 11 tháng	
347	Nguyễn Thành Vinh	347	18/06/1973		CN TVGS&QLDA	10 năm 11 tháng	
348	Phạm Việt Anh	348	02/07/1976		CN TVGS&QLDA	10 năm 11 tháng	
349	Khiếu Đình Duẩn	349	10/11/1981		CN TVGS&QLDA	9 năm 8 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh ng nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	I	2	3	4	5	6
350	Đoàn Văn Hưng	350	09/09/1982		CN TVGS&QLDA	8 năm 5 tháng	
351	Lê Thị Loan	351		20/06/1985	CN TVGS&QLDA	7 năm 1 tháng	
352	Lương Ngọc Hoàn	352	04/10/1981		CN TVGS&QLDA	7 năm 1 tháng	
353	Lê Thị Thanh Bình	353		24/03/1974	CN TVGS&QLDA	18 năm 6 tháng	
354	Nguyễn Hữu Nam	354	29/04/1977		CN TVGS&QLDA	9 năm 8 tháng	
355	Nguyễn Văn Thắng	355	02/01/1980		CN TVGS&QLDA	5 năm 11 tháng	
356	Phạm Trọng Quý	356	28/08/1983		CN TVGS&QLDA	5 năm 11 tháng	
357	Tô Ngọc Nhân	357	17/06/1986		CN TVGS&QLDA	4 năm 8 tháng	
358	Trần Việt Hùng	358	11/06/1971		CN TVGS&QLDA	15 năm 11 tháng	
359	Phạm Thị Phương	359		29/01/1986	CN TVGS&QLDA	3 năm 12 tháng	
360	Vương Đình Vũ	360	26/10/1984		CN TVGS&QLDA	3 năm 12 tháng	
<b>XVII Văn phòng Kinh tế dự án</b>							
361	Nguyễn Duy Tiếp	361	03/04/1960		VP KTDA	31 năm 8 tháng	
362	Phạm Thị Hoài Linh	362		20/03/1969	VP KTDA	17 năm 5 tháng	
363	Đặng Thị Quỳnh Nga	363		30/09/1963	VP KTDA	29 năm 6 tháng	
364	Nguyễn Công Linh	364	15/12/1977		VP KTDA	14 năm 10 tháng	
365	Nguyễn Thị Oanh	365		06/06/1962	VP KTDA	33 năm 4 tháng	
366	Nguyễn Thị Thanh Mai	366		25/01/1971	VP KTDA	6 năm 10 tháng	
367	Đoàn Việt Dũng	367	22/11/1971		VP KTDA	17 năm 2 tháng	
368	Nguyễn Quốc Anh	368	29/04/1979		VP KTDA	12 năm 8 tháng	
369	Đào Thị Bích Lộc	369			VP KTDA	16 năm 12 tháng	
370	Lê Thị Thanh Bình	370		23/06/1974	VP KTDA	9 năm 8 tháng	
371	Hoàng Thị Nga	371		22/10/1982	VP KTDA	13 năm 9 tháng	
372	Trương Linh Tâm	372		02/06/1978	VP KTDA	6 năm 11 tháng	
373	Vương Lan Anh	373		31/12/1982	VP KTDA	5 năm 11 tháng	
374	Áu Thị Hiền	374		28/09/1986	VP KTDA	5 năm 8 tháng	
375	Lâm Ngọc Liên	375		27/11/1985	VP KTDA	4 năm 8 tháng	
376	Lý Thị Kim Huệ	376		18/09/1986	VP KTDA	3 năm 12 tháng	
377	Chu Thị Hạnh	377		02/11/1987	VP KTDA	11 tháng	
378	Vũ Thị Tâm	378		07/12/1990	VP KTDA	11 tháng	
379	Phạm Thị Thuý	379		05/05/1989	VP KTDA	6 năm 5 tháng	
380	Phạm Ngọc Diệp	380		09/07/1983	VP KTDA	11 tháng	
<b>XVIII Chi nhánh Tổng công ty TVXD Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh</b>							
381	Dương Thị Kiều Anh	381		24/01/1990	VP KTDA	20 năm 8 tháng	

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đã đóng BHXH (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
A	B	I	2	3	4	5	6
382	Trần Bá Tuấn	382	14/06/1977		CN MN	1 năm 4 tháng	
383	Nguyễn Thu Hằng	383		13/09/1973	CN MN	20 năm 5 tháng	
384	Trần Thanh Xuân	384		30/10/1977	CN MN	15 năm 6 tháng	
385	Nguyễn Hữu Thanh	385	02/01/1978		CN MN	10 năm 3 tháng	
386	Nguyễn Thị Thuý Vân	386		24/03/1978	CN MN	19 năm 2 tháng	
387	Vũ Thị Hương	387		16/11/1976	CN MN	12 năm 12 tháng	
388	Phạm Huy Thành	388	14/09/1974		CN MN	6 năm 5 tháng	
389	Dương Thị Lý	389		19/06/1982	CN MN	2 năm 2 tháng	
390	Tiêu Tôn Toán	390	27/08/1979		CN MN	12 tháng	
391	Lương Bá Vinh	391	31/07/1981		CN MN	12 tháng	
392	Trần Thị Lệ Thanh	392		13/08/1985	CN MN	5 tháng	
393	Phan Văn Chiến	393	10/05/1986		CN MN	3 năm 12 tháng	
394	Phan Vũ Phương	394	15/02/1988		CN MN	3 năm 2 tháng	
395	Lê Minh Tuấn	395	03/01/1977		CN MN	3 năm 12 tháng	
396	Lê Hồng Phong	396	01/07/1983		CN MN	8 năm 5 tháng	
397	Trương Mạnh Tuấn	397	15/10/1964		CN MN	7 năm 2 tháng	
398	Hoàng Phi Long	398	05/03/1981		CN MN	5 năm 10 tháng	
XIX	Trung tâm TVXD VNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh						
399	Tạ Thị Thanh Bình	399		24/07/1960	TT MN	7 năm 3 tháng	
400	Nguyễn Tuấn Thành	400	28/08/1962		TT MN	7 năm 3 tháng	
401	Nguyễn Thế Kiệt	401	19/04/1975		TT MN	7 năm 3 tháng	
402	Vũ Như Định	402	12/03/1980		TT MN	7 năm 3 tháng	
403	Trần Đỗ Triệu Duy	403	30/10/1974		TT MN	7 năm 3 tháng	
404	Hoàng Thị Quỳnh Phương	404		03/07/1981	TT MN	7 năm 3 tháng	
405	Bùi Đăng Sơn	405	26/07/1977		TT MN	7 năm 3 tháng	
406	Nguyễn Huy Chiến	406	29/03/1979		TT MN	7 năm 3 tháng	
407	Nguyễn Thị Bích Hậu	407		26/05/1985	TT MN	7 năm 3 tháng	
408	Trần Xuân Anh	408	29/09/1978		TT MN	4 năm 10 tháng	
409	Trịnh Ngọc Hùng	409	30/12/1975		TT MN	3 năm 3 tháng	
410	Trần Sơn Hải	410	08/03/1980		TT MN	4 năm 4 tháng	
411	Bùi Xuân Vũ	411	05/11/1959		TT MN	4 năm 4 tháng	
412	Châu Ngọc Niêm	412		16/06/1983	TT MN	2 năm 4 tháng	
413	Nguyễn Đình Khương	413	29/06/1990		TT MN	0 năm 8 tháng	



**Mẫu số 6:**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**BỘ XÂY DỰNG**  
**TỔNG CÔNG TY TVXD VIỆT NAM**  
**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

STT	Nội dung	Tổng số	Chi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>413</b>	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	10	
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	403	
	a) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	341	
	b) Làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	54	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	8	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	5	
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>0</b>	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	a) Sẽ hết hạn hợp đồng lao động	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bỏ trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0	
	a) Số lao động dời đi thực hiện theo nghị định số 91/2010/NĐ-CP	0	
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
<b>III</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	<b>413</b>	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	403	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	5	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	5	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	
	a) Nghỉ hưu trước tuổi	0	
	b) Nghỉ hưu vì công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	